

Sưu tầm & Biên soạn: NGUYỄN PHƯƠNG & DSC

BÍ MẬT
THÁP VĂN XƯƠNG

BÍ QUYẾT ĐỂ CON THÔNG MINH HỌC GIỎI

LỜI NÓI ĐẦU

Tất cả các bậc cha mẹ trên thế gian này đều muốn con của mình thông minh, học giỏi, khôn ngoan, khéo léo hơn mình, song điều này còn tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố như thể chất, hoàn cảnh xã hội, tâm lý lứa tuổi. Nếu bạn phát hiện ra con bạn không đạt được thành tích học tập như bạn bè chúng, xếp hạng quá thấp trong lớp, đây quả là hồi chuông báo động lần thứ nhất đối với bạn. Lúc này, bạn phải tìm mọi cách để thay đổi thành tích kém cỏi của con bạn bằng những bài giáo huấn nghiêm khắc và sự kèm cặp giám sát chặt chẽ nhất. Tuy nhiên nhiều khi kết quả thu được chẳng cải thiện được bao nhiêu! Tại sao vậy?

Cuốn sách này cung cấp cho bạn một bí mật vàng. Đó là phương pháp thúc đẩy vận khí học hành của con cái, nhưng điều quan trọng hơn là thay đổi thái độ học tập của con bạn. Điều này tưởng chừng quá vô lý với nhiều người, nhưng cũng nên biết rằng tục ngữ dân ta có câu “thờ gì, được nấy”. Văn hóa phương Tây cũng từng phát hiện ra một bí mật. Đó chính là điều bí mật cực kì quan trọng của sinh mệnh con người - “quy luật lực hấp dẫn”. Nói tóm tắt, khi người ta quan tâm cái gì nhiều thì sẽ có sức hút đối với cái đó. Nếu bạn quan tâm nhiều đến sức khỏe rồi sẽ có sức khỏe. Bạn quan tâm đến của cải thì phải có tín niệm và rồi sẽ có của cải. Như vậy là bạn đã thành công vì đã biết khai thác tiềm năng to lớn của sức mạnh tinh thần.

Trong văn hóa dân gian truyền thống ở nước ta, Văn xương là ông thần coi sóc về mặt văn chương khoa bảng, nếu ai được ông ấy cầm bút chấm vào tên, thì học hành thông minh tấn tới. Vì thế các thí sinh muốn đậu đạt cao đều có thờ thần Văn Xương trong nhà.

Tam khôi

Chế độ thi cử ngày xưa chia ra ba nấc là thi hương, thi hội, thi đình, người đỗ đầu trong ba khoa thi này gọi là giải nguyên, hội nguyên và trạng nguyên. Từ đời Minh quy định lấy ba người đầu đầu trong khoa thi điện gọi là Tam khôi trong đó chia ra: Trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa. Lịch sử thi cử thời phong kiến nước ta từng chọn ra được 49 vị trạng nguyên. Đó là danh hiệu thuộc học vị Tiến sĩ của người đỗ cao nhất trong các khoa đình thời phong kiến ở Việt Nam.

Tháp văn xương

Trên đất nước Việt xưa, nhiều nơi từng dựng tháp văn xương, mang ý nghĩa cầu mong thông minh đỗ đạt. Ai có ý nguyện thì góp tiền xây tháp. Vóc dáng tháp văn xương thường làm bảy tầng hay chín tầng. Nếu ở trong nhà đặt tháp văn xương đúng huyệt vị văn xương thì con người trở nên tỉnh táo, nhanh nhẹn, sáng suốt hơn. Nếu đặt gần bàn làm việc thì có lợi cho quan văn, hỗ trợ cho họ làm việc thông thoáng hơn. Nếu đặt trên giá sách, thì con cái học hành tấn tới hơn. Ngoài tháp văn xương, nhiều gia đình còn sắm thêm bút văn xương. Đó là loại bút lông, linh vật phong thủy. Theo quan niệm xưa, đỉnh văn chương được hình dung cao và nhọn. Vì vậy, nếu ở gần nhà có ngọn núi cao nhọn chọc lên trời, hoặc nhìn qua cửa sổ luôn thấy một toà cao ốc thì học trò đó đều thông minh sáng suốt và có ý chí phấn đấu. Ngòi bút lông cũng sắc nhọn như vậy, cùn cán bút thì dài, nên được coi là biểu tượng văn xương. Trong chín ngôi sao tử bạch thì quẻ tốn là văn xương vì đó là trường mộc mà cán bút rất hợp với biểu tượng này.

Ngoài ra nêu treo một hoặc bốn chiếc bút lông ở trong văn phòng hay gần bàn làm việc, thì trí tuệ thông minh của chủ nhân sẽ được tăng cường.

Giai thoại về 10 vị trạng nguyên đất Việt ở phần đầu cuốn sách cho thấy đó là những thấp văn xương chói lọi trên bầu trời đất Việt năm xưa. Trước khi trở thành những nhân tài kiệt xuất, họ từng là những học trò thông minh xuất chúng hồi nhỏ. Nhỏ tuổi nhất là Nguyễn Hiền - đỗ trạng nguyên từ lúc mới có mười hai tuổi. Trạng Lường - Lương Thế Vinh nổi tiếng với tài năng toán học. Quyển Đại thành toán pháp của ông từng được đưa vào chương trình thi cử suốt 450 năm trong lịch sử giáo dục Việt Nam. Ông cũng được xem là ông tổ bàn tính gậy cho người Việt. Các truyền miệng dân gian đều khẳng định tài năng của ông được thể hiện từ tuổi còn chần trâu, thả diều. Nhà toán học Lê Quý Đôn cũng vậy. Khi còn bé, ông đã nổi tiếng là thần đồng. Nhiều sách chép tiểu sử của ông có ghi: năm tuổi đã đọc được nhiều bài Kinh Thi, mười tuổi đã học tinh thông sử sách.

Qua các truyền thuyết giai thoại này, có thể khẳng định được rằng tài năng chính là sản phẩm của nền giáo dục hợp lý. Một phương pháp độc đáo về giáo dục, dạy con thông minh học giỏi, chính là bí ẩn *thấp Văn Xương* mà cuốn sách này đề cập. Tại sao các bậc cha mẹ chúng ta lại không thử nghiên cứu áp dụng cho gia đình mình.

Mong các bậc cha mẹ vận dụng thành công.



PHẦN MỘT

THÁP VĂN XƯƠNG ĐẤT VIỆT

(GIAITHOẠI VỀ 10 TRẠNG NGUYÊN VIỆT NAM)



Từ khi bắt đầu mở khoa thi (1075) đến khi chấm dứt (khoa thi cuối cùng tổ chức năm 1919), tổng cộng có 184 khoa thi với 2785 vị đỗ đại khoa (đỗ tiến sĩ và tính cả phó bảng), trong đó có 56 Trạng nguyên (gồm 7 trong số 9 thủ khoa Đại Việt và 49 trạng nguyên). (Dựa theo công trình nghiên cứu "Các nhà khoa bảng Việt Nam" "Quốc triều hương khoa lục".)

Trạng nguyên là danh hiệu thuộc học vị Tiến sĩ của người đỗ cao nhất trong các khoa đình thời phong kiến ở Việt Nam, kể từ khi có danh hiệu Tam khôi dành cho 3 vị trí đầu tiên. Người đỗ Trạng nguyên nói riêng và đỗ tiến sĩ nói chung phải vượt qua 3 kỳ thi: thi hương, thi hội và thi đình.

Khoa thi đầu tiên được mở ra dưới thời Lý năm 1075, nhưng người đỗ đầu khoa thi này là Lê Văn Thịnh chưa được gọi là Trạng nguyên. Danh sách cụ thể những người đỗ đầu các kỳ thi này xem bài Thủ khoa Đại Việt. Phải đến khoa thi năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 16 đời vua Trần Thái Tông (1247) mới đặt ra định chế tam khôi (3 vị trí đỗ đầu có tên gọi thứ tự là: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa) thì mới có danh hiệu Trạng nguyên. Đến thời nhà Nguyễn thì không lấy danh hiệu Trạng nguyên nữa. Do đó Trạng nguyên cuối cùng là Trịnh Tuệ đỗ khoa Bính Thìn (1736) thời Lê-Trịnh. .

Sau đây là giai thoại và cuộc đời về 10 vị trạng nguyên - những tháp văn xương chói lọi trên bầu trời đất Việt xưa.

1. TIẾN SĨ LÊ VĂN THỊNH

(1038 - ?)

Năm Ất Mão (1075), Vua Lý Nhân Tông (1072 – 1127) cho mở khoa thi tam trường để chọn người tài làm quan. Đây là khoa thi đầu tiên ở nước ta, chọn được hơn mười người. Người đỗ thủ khoa là Lê Văn Thịnh.

Đây chính là vị tiến sĩ đầu tiên ở nước Việt Nam. Vị thủ khoa này ngày sau làm đến chức Thái sư - một chức quan to vào bậc nhất trong triều. Nhưng ai có thể ngờ rằng, vị Tiến sĩ – Thái sư này hơn hai chục năm sau bị mắc tội “mưu làm phản”, suýt nữa bị chém. Sau đó ông bị nhốt vào cũi, đi đày ở miền sơn cước.

Các sách chính sử thời đó và nhiều triều đại sau đều chép chính thức sự kiện này và cho rằng Lê Văn Thịnh mắc tội phản nghịch là có thực, lẽ ra phải khép vào tội chết. Nhà sử học Ngô Sĩ Liên (thi đậu Tiến sĩ vào năm Nhâm Tuất – 1442, đời vua Lê Thái Tông), cũng có lời bàn: “Người làm tội định cướp ngôi giết vua mà được miễn tội chết, thế là sai trong việc hình, lỗi ở vua tin sùng Phật giáo”. (sách “Đại Việt sử ký toàn thư”).

Lý Tế Xuyên, tác giả “Việt điện u linh” cũng than thở: “Lê Văn Thịnh tội nên xử trảm, vua lại tha mà chỉ phạt lưu, chính hình như thế thật là lầm lỗi”. Vụ án Thái sư Lê Văn Thịnh được các nhà chép sử ghi lại như sau:

“Tháng 3 năm Bính Tý (1096), nhân dịp ngày xuân, vua Lý Nhân Tông ngự ra hồ Dâm Đàm (Hồ Tây), đi một chiếc



Tượng thờ thái sư Lê Văn Thịnh (trái) và con rắn thần bằng đá nguyên khối tương truyền gắn với huyền tích về Lê Văn Thịnh.

thuyền nhỏ xem đánh cá. Chợt có mây mù nổi lên, trong đám mù nghe có tiếng giáo chém Trong đám mây mù ẩn hiện, trên thuyền có con hổ, hết thấy mọi người sợ tái mặt đi, lấp bắp: “Nguy lắm rồi!”. Nhanh tay người đánh cá tên là Mục Thận liền quăng cái lưới trùm lên trên con hổ. Khi mây mù tan dần, tất cả nhìn rõ kẻ trong tấm lưới thì ra là Thái sư Lê Văn Thịnh.

Triều đình nhà Lý đòi xử tội làm phép hóa hổ giết vua, Vua nghĩ Văn Thịnh là đại thần có công giúp đỡ, không nỡ giết chết, đầy lên trại đầu ở sông Thao. Thuởng cho Mục Thận quan chức và tài vật, lại cho đất Tây Hồ làm thực ấp. Trước đây, Văn Thịnh có gia nô người nước Đại Lý (Vân Nam) có phép thuật kỳ dị, cho nên làm ra như thế để định cướp ngôi giết vua.” (Sách “Đại Việt sử ký toàn thư”).

Sách “Việt điện u linh” lại giải thích thêm: “Quan Thái sư Lê Văn Thịnh nuôi được một tên gia nô người Đại Lý (Vân Nam) có thuật lạ: đọc thần chú xong biến thành hổ báo. Văn Thịnh cố dỗ để dạy mình thuật ấy, học được thuật rồi, liền

lập mưu giết chết tên gia nô và dùng thuật hại vua để cướp ngôi.” Sau khi “quăng lưới chụp vào thuyền kia, bắt được hổ và nhận ra là Lê Văn Thịnh! Nhà vua cá giận, sai lấy dây sắt xích lại, bỏ vào cũi, rồi đẩy lên miền Thao Giang (nay thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ). Vua khen Mục Công (Mục Thận) đã có công cứu vua, cất làm Đô úy và sau thăng tới Phụ quốc tướng quân. Khi mất, tặng chức Thái úy. Vua sai dựng đền tạc tượng thờ” (Sách “Đại Việt u linh”).

Các sách khác như “Việt sử lược”, “Cương mục”... đều chép tương tự như vậy. Lý do nào để xảy ra vụ án Thái sư Lê Văn Thịnh âm mưu phản nghịch định giết vua, cướp ngôi? Nhiều nhà nghiên cứu sau này cho rằng câu chuyện Lê Văn Thịnh đầy tính chất hoang đường, tại sao vị tể tướng thông thái này lại có phép thần thông để đổi trời trong sáng thành sương mù, biến người thành cọp? Giáo sư Hoàng Xuân Hãn cho vụ án Lê Văn Thịnh chỉ là một sự hiểu lầm đáng tiếc và giải thích như sau:

“Chuyện trên đây tiêu biểu cho sự mê tín có ảnh hưởng lớn đến chính trị ở triều Lý. Sử còn cho biết nhiều chuyện nói rằng vua Nhân Tông, cũng như các vua đời Lý sau, rất tin ảo thuật và dễ cảm xúc. Cho nên, chỉ vì một việc xảy ra thất thường, mà Văn Thịnh suýt bị chết. Về thời tiết lúc đó, một trận mù thình lình tới bên hồ là một sự thường gặp. Nhưng với tâm thần hay bị xúc cảm của vua Lý khi thấy trời tối mà mình còn ở trên mặt nước, thì vua đâm ra hoảng hốt. Có lẽ Lê Văn Thịnh cũng vì thấy trời tối mà vội vã sai chèo thuyền gấp tới để hộ vua về. Ngồi trên thuyền bị trùng trùng không vững, Văn Thịnh phải ngồi khom mình, tay chống vào thuyền cho vững. Hình dáng trông như con hổ. Một mặt khác, có lẽ Văn Thịnh cũng tin vào các thuật và có tiếng sẵn là đã học được phép hoá hổ. Cho nên, kẻ trông thấy con hổ trong thuyền lại càng nghi cho ý muốn hại vua”.

Người ta đặt vấn đề nghi vấn có thể có hay không, câu chuyện Lê Văn Thịnh là một sự hiểu lầm hay chỉ là một mưu mô loại bỏ công thần của vua Lý, một hành vi đấu đá tranh giành quyền lực thường xảy ra trong các triều đại phong kiến? Lần trang sử cũ, ta thấy có nhiều bản án “huyễn hoặc” tương tự, không biết bao nhiêu nhân tài quốc gia bị triều đình phong kiến huỷ diệt. Bản thân chế độ vua chúa vì muốn giữ độc quyền thống trị thường hay thù địch và hoảng sợ trước tài năng. Tầng lớp phong kiến chỉ có thể lợi dụng những kẻ có tài trong thời gian nhất định mà không tận dụng được tài năng đó. Trong các triều đại phong kiến lịch sử cổ kim thế giới, những đại công thần bị lưu đày, tàn sát như Lê Văn Thịnh không hiếm. Hàn Tín, trước khi bị Hán Cao Tổ và Lưu Bang giết ở Vị vương cung, đã biết rằng kẻ dùng mình sẽ không tha mình khi đế nghiệp hoàn thành, nên từng than thở: “Giảo thảo chết, chó săn bị thịt, chim hết, cung bị xếp xó”.

Dại thi lao Nguyễn Du không phải ngẫu nhiên khi mở đầu Truyện Kiều, ông đã than thở: “Trăm năm trong cõi người ta *Chữ tài chữ mệnh* khéo là ghét nhau” Và khi sắp kết thúc tác phẩm, ông lại thở than: “Có tài mà cậy chi tài *Chữ tài* liền với chữ *tai* một vần”. Nguyễn Du đã nhìn thấy những “tai oan” của các nhân tài trong xã hội phong kiến, nhưng ông đã kín đáo đổ thừa cho số mệnh. Dưới chế độ phong kiến, một khi “tài” đó vượt lên “tai” của quân vương là có thể gặp nạn, nếu “sáng hơn chúa” có khi là gặp nạn.

Trở lại vụ án Thái sư Lê Văn Thịnh. Từ khi Lê Văn Thịnh thi đỗ thủ khoa và được bổ dụng làm quan, ông đã đem hết trí tuệ và tài năng của mình để phụng sự triều đình. Ngay sau khi đậu thủ khoa năm 1075, Lê Văn Thịnh được vào hầu vua học (thực chất là dạy vua). Bởi vì lúc này vua Lý Nhân Tông mới khoảng 10 tuổi. Lý Nhân Tông là con Thái hậu Ý Lan, lên ngôi vua năm 1072, mới có 7 tuổi, có quan Thái sư Lý Đạo Thành làm Phụ chính. Năm Giáp Tý (1084), Lê Văn



● Ban thờ Trang nguyên
Lê Văn Thịnh

- Đền thờ Thành Hoàng Lê Văn Thịnh ở xã Đình Tổ.
- Mộ Lê Văn Thịnh nằm giữa đầm sen thôn Đình Tổ



Một số di tích về mộ, đền thờ Trang nguyên Lê Văn Thịnh ở Đình Tổ.

Thịnh lúc này đã làm Thị lang Bộ binh được vua giao đến trại Vĩnh Bình để cùng với người Tống bàn việc cương giới.

Trong việc hoạch định biên giới, nhà Tống trả cho nhà Lý 6 huyện và 3 động. Người Tống có thư rằng: “Nhân tham Giao Chỉ tượng, khước thất Quảng Nguyên Kim” nghĩa là: “Vì tham voi Giao Chỉ, bỏ mất vàng Quảng Nguyên” Việc hoạch định biên giới này, có công lao rất lớn của Lê Văn Thịnh qua những lần hội đàm với nhà Tống. Năm Ất Sửu (1085), Lê Văn Thịnh được phong chức Thái sư - chức quan đại thần to nhất trong triều. Đất nước lúc này đang trong thời kỳ thái bình, dân an, nước mạnh. Nhiều chùa tháp được xây dựng trong thời gian đó. Lê Văn Thịnh không những có công lớn trong

lĩnh vực ngoại giao mà còn có nhiều đóng góp trong công việc xây dựng luật pháp thời Lý. Nhưng lịch sử thật trở trêu, 11 năm sau (năm 1096), vị Thái sư này lại mắc phải trọng tội tày đình. Sau những thành công lớn lao của Lê Văn Thịnh cùng với tiếng tăm lẫy lừng mà ông đạt được, hẳn Lê Văn Thịnh đã trở thành một mối lo âu đối với vua quan bấy giờ. Vua thì sợ Lê Văn Thịnh ngày kia có thể làm nguy hại ngôi báu của mình; quan thì lo sợ Lê Văn Thịnh có biệt tài, có quyền uy to lớn có thể làm phương hại đến địa vị mà họ đang hưởng. Vì vậy đã dựng nên “sự kiện hồ Dâm Đàm” để loại trừ một đối thủ đáng ngại... Có lẽ vì thế mà họ đã dựa vào sự mê tín trong dân chúng, tạo nên câu chuyện phản nghịch để có cơ hội tẩy trừ một chông gai trước mắt?

2. THIÊN SƯ HUYỀN QUANG

(1254 - 1334)

Huyền Quang (1254-1334), tên thật là *Lý Đạo Tái*, người hương Vạn Tái, châu Nam Sách, lộ Lạng Giang. Nay là làng Thái Bão, Gia Bình, Bắc Ninh. Học giỏi, đỗ cả thi hương, thi hội. Ông đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ (trạng nguyên) khoa thi năm 1272 (có tài liệu ghi 1274) và được bổ nhiệm làm quan trong Viện Nội Hàn triều đình, tiếp sư Bắc triều, nổi tiếng văn thơ. Sau này từ chức đi tu, theo Trần Nhân Tông lên Trúc Lâm. Là một Thiên sư Việt Nam, tổ thứ ba dòng Trúc Lâm Yên Tử. Ông là một nhà thơ lớn với nhiều bài thơ còn được lưu lại. Cùng với Trúc Lâm Đầu Đà Trần Nhân Tông và Pháp Loa, ông được xem là một Đại thiên sư của Việt Nam và người ta xem ông và hai vị nêu trên ngang hàng với sáu vị tổ của Thiên tông Trung Quốc hoặc 28 vị tổ của Thiên Ấn Độ.



Khu di tích Yên Tử, nơi Thiền sư Huyền Quang, tổ thứ ba dòng Trúc Lâm Yên Tử từng tu hành.

1. Truyền thuyết xuất thân

Theo *Tam tổ thực lục*, mẹ của Huyền Quang là Lê Thị hay đến chùa Ngọc Hoàng cầu nguyện vì tuổi đã 30 mà chưa có con. Đầu năm Giáp Dần 1254, vị trụ trì chùa Ngọc Hoàng là Huệ Nghĩa mơ thấy “các toà trong chùa đèn chong sáng rực, chư Phật tôn nghiêm, Kim Cương Long Thần la liệt đông đúc. Đức Phật chỉ Tôn giả A-nan-dà bảo: “Người hãy tái sinh làm pháp khí Đông Độ và phải nhớ lại duyên xưa”. Năm ấy Lê Thị sinh Huyền Quang. Lớn lên Sư dung mạo dị thường làm quan đến chức Hàn Lâm.

Một hôm, Sư cùng vua Trần Anh Tông đến chùa Vĩnh Nghiêm huyện Phượng Nhãn, nghe Thiền sư Pháp Loa giảng kinh, liền nhớ lại “duyên xưa”, xin xuất gia thụ giáo (có tài liệu nói Sư thụ giáo với Bảo Phác ở chùa Vũ Ninh). Sư được

cử làm thị giả của Trúc Lâm Đầu Đà và được ban pháp hiệu là Huyền Quang.

Sau, Sư theo lời phước chúc của Trúc Lâm trụ trì chùa Vân Yên (nay là chùa Hoa Yên) trên núi Yên Tử. Vì đa văn bác học, tinh thông đạo lý nên tăng chúng đua nhau đến học.

Niên hiệu Đại Khánh thứ 4 (1317), Sư được Pháp Loa truyền y của Trúc Lâm và tâm kệ. Sau khi Pháp Loa tịch (1330), Sư kế thừa làm Tổ thứ ba của thiền phái Trúc Lâm nhưng vì tuổi đã cao nên Sư giao phó trách nhiệm lại cho Quốc sư An Tâm.

Sư đến trụ trì Thanh Mai Sơn sáu năm, sau dời sang Côn Sơn giáo hoá. Ngày 23 tháng 1 năm Giáp Tuất (1334), Sư viên tịch, thọ 80 tuổi. Vua Trần Minh Tông sắc thụy là Trúc Lâm Thiền Sư Đệ Tam Đại, đặc phong Từ Pháp Huyền Quang Tôn Giả.

2. Câu chuyện về 10 nén vàng

Vào thời nhà Trần, xứ Bắc có một người học trò nổi tiếng hiếu học - Huyền Quang. Trước kia ông tổ chàng đã từng giữ chức Hành khiển, ông nội từng làm đến Chuyển vận sứ. Đời cha chàng, tuy đã từng khoác áo cầm gươm xuất chinh, nhưng do “lập công mà chẳng được nên công”, phần chí bỏ về nhà cày ruộng và chịu cảnh gia thế sa sút. Nay đến đời mình, chàng quyết tâm nối lại nghiệp xưa.

Khi đến tuổi trưởng thành, cha mẹ nghĩ con mình giỏi giang, có thể công thành danh toại, bèn đánh bạo đi dạm hỏi cho chàng một đám danh giá trong vùng. Nhà gái tỏ vẻ nhận lời. Nào ngờ, sau mấy năm đi lại phục dịch các công to việc lớn bên nhà bố vợ tương lai, dùng một cái, ông ta lại gả vị hôn thê cho cháu một viên An phủ sứ.

Sau lần bê mặt này, cha mẹ chàng lại đi đàm hỏi một đám khác, cũng thuộc loại khá giả, giàu có trong làng. Chẳng ngờ, lần này còn tệ hại hơn cả lần trước. Khi cha mẹ chàng vừa mở lời đã bị họ từ chối thẳng thừng. Tuy vậy, Huyền Quang chẳng nản lòng, vẫn ngày đêm tu chí học tập.

Cuối cùng, Huyền Quang đã không phụ công cha mẹ - đỗ đầu thi Hội, dân gian vẫn truyền tụng chàng đỗ Trạng nguyên.

Biết tin một vị khôi nguyên trẻ tuổi còn thiếu “võng nàng”, các vị phú ông trong vùng thi nhau bắn tin muốn gả con gái, còn hứa cho cả nhà cửa, lụa là, trâu bò, ruộng nương. Một vị quan lớn ở kinh đô cũng mời bằng được quan tân khoa về thái ấp của mình để xem rõ mặt “nàng thực nữ yêu kiều tuổi mới tròn đôi tám”.

Ngày chàng vào kinh nhậm chức, một viên quan nội giám đến gặp riêng nói:

- Hoàng hậu đang kén phò mã cho nàng công chúa thứ ba, nếu quan trạng ưng ý, nhất định việc ấy sẽ thành.

Huyền Quang cung kính đáp lời từ chối khéo. Nhân tiện chàng đọc hai câu thơ:

“Khó khăn thì chẳng ai nhìn

Đến khi đỗ Trạng chín nghìn nhân duyên”.

Biết rõ thói hám lợi hám danh của người đời, khi tham dự vào đám quan trường, Huyền Quang chẳng những không hứng thú gì mà càng ngày càng tỏ ra chán ngán. Được vài năm, chàng xin từ chức đi tu. Đó cũng là ý nguyện của chàng từ lúc còn đang đi học. Nhà vua thấy vậy khen chàng là một người khác thường và bảo:

- Ké này có con mắt đạo, có thể trở thành pháp khí, đúng là bậc thánh tăng.

Từ đó, Huyền Quang tu rất chăm chỉ. Chẳng bao lâu sau, với học vấn tài cao, chàng thông thuộc tất cả các kinh sách của nhà Phật thời bấy giờ. Các tăng ni, phật tử đều yêu mến chàng. Nhà vua và hoàng tộc cũng vị nể chàng. Lúc ấy, đạo Phật cũng chưa đến độ suy vi, vẫn còn tỏa ánh hào quang lấp lánh, tuy không bằng giai đoạn trước của hai vị tổ Điều Ngự (Trần Nhân Tông) và Pháp Loa. Lúc đó, nước nhà đang cần có một vị quốc sư, một người đứng đầu Trúc lâm viện để cai quản các tăng ni phật tử và thế là vị Trạng nguyên trẻ tuổi được xưng vào chức vụ này.

Trần Anh Tông là một vị vua trẻ tuổi, vừa mới đăng quang chưa lâu. Nghe triều thần dèm pha Huyền Quang còn quá trẻ, chắc gì là một vị chân tu, nhà vua ngẫm nghĩ mấy ngày, sau đó cho thi hành một mật kế để thử xem nhà sư như thế nào.

Nhân lúc hoàng hậu bị se mình, nhà vua hạ chỉ triệu Huyền Quang vào cung làm lễ cầu mát. Công việc xong xuôi, nhà vua đã ban cho Huyền Quang mười lạng vàng. Thiền sư không tiện từ chối, đành phải rập đầu tạ ơn rồi ra về. Nào ngờ đó là những nén vàng đã được đánh dấu riêng.

Sau đó Trần Anh Tông sai một cung nữ có tài thơ văn là Điểm Bích vốn hết sức xinh đẹp, tìm cách lung lạc đường diệt dục khổ hạnh của vị thiền sư trẻ tuổi này.

Điểm Bích vốn là con một người đàn bà hành khất quê ở huyện Đường Hào, Hải Dương. Không chồng mà chứa, sinh con được mấy ngày, bà ta đem cho một gia đình giàu có nhưng hiếm hoi ở trong vùng nuôi. Sắc đẹp và tài năng vốn không chọn hoàn cảnh, càng lớn Điểm Bích càng lộng lẫy, xinh đẹp, lại nhanh nhẹn và rất sáng dạ và có tài làm thơ phú.

Khi được chọn mỹ nữ tiến cung, Điểm Bích là một trong những người đầu tiên được trúng tuyển. Vào cung, nàng được vua Trần Anh Tông yêu mến cả sắc lẫn tài, lại được tin dùng

và thường được ca ngợi là “nữ thần đồng”.

Nhà vua giao hẹn với Diễm Bích phải lấy được ít nhất một nén vàng trong số vàng nhà vua đã tặng Huyền Quang để làm bằng chứng.

Khi Huyền Quang rời hoàng cung trở về nơi tu hành, mấy ngày sau, Diễm Bích cũng lên đường trong trang phục một thôn nữ quê mùa.

Hôm ấy, Huyền Quang đang ngồi đọc kinh tại thiền trai. Đây là ngôi nhà nhỏ lấp mình sau lau trúc rất tĩnh mịch mà nhà vua sai cất lên để thiền sư nghỉ ngơi riêng ở viện Trúc lâm. Vào khoảng chập tối, bỗng chú tiểu vào báo ông hay rằng có một người con gái lạ hết sức hoảng hốt và xống áo tơ tã gõ cửa nhà chùa. Chú tiểu thưa:

- Bạch thầy. Người này bị cướp đuổi vừa chạy vừa kêu. Con đã chạy ra và dẫn cô ta vào đây.

Nhìn cô gái đang khóc sụt sùi, kể lại sự tình và xin nhà chùa cho nghỉ lại đêm nay, Huyền Quang vốn lòng độ lượng, chẳng nỡ chối từ. Vả lại, trời đã tối, xung quanh lại vắng vẻ, cô gái biết đi đâu bây giờ. Ông bèn bảo chú tiểu sắp xếp cho cô gái một chỗ nghỉ ở gian bếp bên cạnh thiền trai.

Đêm ấy, như thường lệ, Huyền Quang vẫn ngồi đọc kinh niệm Phật, mãi tới khuya. Ở gian trái nhà, khi chú tiểu đã lên giường và cất tiếng ngáy nhẹ nhàng như mọi lần, cũng là lúc ở bên ngoài thiền trai xuất hiện tiếng cô gái rên rỉ. Tiếng kêu khóc mỗi lúc mỗi to khiến Huyền Quang phải bỏ quyển kinh xuống lắng nghe, rồi đi sang gian trái, đánh thức chú tiểu dậy. Một lúc sau, chú tiểu về báo rằng, cô gái sợ ma và kẻ cướp bắt thành linh lên đến, nên không sao ngủ được. Bất đắc dĩ, Huyền Quang phải đồng ý cho cô gái vào phòng khách nghỉ tạm.

Thiên trai được xây dựng rất đơn giản. Đó là ngôi nhà tranh, hai gian hai trái. Một trái dựng dụng cụ, đồ đạc, một trái chú tiểu ở, còn hai gian chính, một là trai phòng của Huyền Quang và một là phòng ăn, chỗ tiếp khách. Phòng này nằm ở chính giữa.

Sau khi đã sắp xếp lại chỗ nghỉ mới cho cô gái đáng thương, Huyền Quang thôi không đọc kinh nữa, chuẩn bị đi nằm. Nằm chưa được một lát, ông lại nghe văng ra lời cầu cứu khẩn thiết của người con gái. Cực chẳng đã, Huyền Quang đứng dậy thấp nền và bước ra khỏi trai phòng. Vừa mở cửa, qua ánh nến le lói, ông thấy ngay người con gái ăn mặc lả lơi, trên người không còn mảnh vải. Ông hết sức sợ hãi vội quay mặt đi, lùi lại trai phòng. Bất thành linh, cô gái bật dậy, chạy vào theo nín áo ông với vẻ khêu gợi lơ lửng. Hiểu được ý định của cô ta, Huyền Quang nghiêm nét mặt lại, hỏi:

- A di đà Phật! Nàng là ai? Tại sao đêm hôm dám đường đột vào đây để quấy rối kẻ tu hành? Nếu không mau mau cải tà quy chính, ta sẽ hô hoán lên, chú tiểu sẽ cầm lá dất tay ra khỏi đây ngay bây giờ.

Sau một hồi giằng co, biết không thể lung lạc được thiên sư, cô gái đã kín đáo sửa lại trang phục và đổi ngay sang thái độ khác. Nàng vói vàng qùy xuống rồi khóc lóc như mưa, vừa khóc vừa kể lại nguồn cơn “gia cảnh” của mình.

Cha nàng làm quan ở một huyện vùng duyên hải. Tháng năm vừa qua, khi đi thu thuế được ba ngàn quan, cho lính tải về kinh, nhưng dọc đường ông bị bọn cướp đón đường cướp sạch. Quan trên thương tình cho ông khát lại đến cuối năm. Hiện nay, gia đình nàng đã bán hết tư trang điền sản nhưng mới bù được một nửa, số còn lại phải chia ra mỗi người mỗi nơi đi quyền gộp cho đủ.

Tiếng khóc của nàng càng làm cho câu chuyện kể thêm phần lâm ly, thống thiết. Huyền Quang lắng nghe rồi trả lời:

- Thôi nàng đừng khóc nữa. Ngày mai ta sẽ vào triều, tâu lại với nhà vua, xin tha tội cho cha nàng.

Không ngờ câu chuyện không đi theo hướng mình đã định, cô gái vội vàng khóc to thêm, rồi vừa lay vừa xin:

- Bạch hòa thượng! Bạch hòa thượng! Xin hòa thượng chở vôi lên kinh. Chỉ sợ đến tai hoàng thượng, chẳng những việc không thành mà có khi còn liên lụy đến cả quan trên của cha thiếp nữa. Thiếp chỉ xin hòa thượng rủ lòng thương, cho cha thiếp ít tiền bạc để lo tiếp công việc mà thôi ạ.

Chợt nhớ có mười nén vàng nhà vua cho chưa biết để làm gì, Huyền Quang bèn lấy rồi đưa cả cho cô gái:

- Ta hiểu. Ta hiểu. Không có bằng chứng rõ ràng, khó xin nhà vua lắm. Thôi ta gửi biếu cha nàng số vàng này. Mong cha con nàng sớm được tai qua nạn khỏi.

Hết sức mừng rỡ, cô gái cúi đầu tạ ơn, rồi cầm lấy túi vàng, quay ra phòng khách.

Ba ngày sau, Diễm Bích trở về cung, nộp mười nén vàng và tâu với nhà vua mình đã hoàn thành sứ mệnh. Để nhà vua tin, nàng còn đọc một bài thơ nói là của Huyền Quang làm tặng mình trước khi phá giới.

“Vàng vạc trắng mai ánh nước

Hiu hiu gió trúc ngâm sen.

Người vừa tươi tốt, cảnh vừa lạ

Mâu Thích ca nào chẳng hữu tình”.

Nghe xong câu chuyện, lại nhận được mười nén vàng có ghi dấu trước khi tặng Huyền Quang, nhà vua buồn bã lắc đầu: “Đạo Phật mà các vị tiên vương, các vị hoàng thân quốc thích từng sùng mộ, nay đã đến độ suy vi rồi sao?”

Hiếu ý, một viên quan liền ghé tai nhà vua hiến kế:

- Tâu bệ hạ. Xin bệ hạ cho lập một lễ cúng Phật dọn toàn cỗ mặn, rồi mời thầy về làm lễ. Nếu quả là thầy còn trong sạch, chư Phật sẽ độ cho cỗ mặn hóa chay, còn nhược bằng thầy đã hư hỏng rồi, chẳng bao giờ Phật cho độ được nữa.

Nhà vua cho là phải, bèn hạ chỉ cho vời Huyền Quang về kinh làm chủ tế trong lễ trọng thể vào dịp rằm tháng Bảy sắp tới. Đó là ngày mà dân chúng vẫn gọi là lễ “xá tội vong nhân”.

Trái hẳn với tục lệ hàng năm, theo lệnh nhà vua, cỗ chính cúng rằm tháng Bảy năm ấy không bày tiệc chay, mà lại giết trâu, bò, lợn, gà... để bày. Kỳ lạ hơn, xung quanh lễ đài, nhà vua còn sai căng toàn lụa vàng.

Khi bước tới lễ đài, Huyền Quang đã hiểu ngay nhà vua cố ý hạ nhục mình: Chỗ nào cũng lụa vàng (hoàng quyền), lại chẳng căng cao, cho lừa xòa quệt cả mặt đất. Chẳng cần phải là đại khoa, ngay cả những người chút ít chữ nghĩa cũng thừa biết “hoàng quyền” là “huyền quán”, tức là “Huyền Quang có nhuộm sắc”. Một lời buộc tội thật rõ ràng. Hơn nữa, khi bước vào lễ đài thăm lễ vật, Huyền Quang chẳng thấy cỗ chay đâu mà toàn là tiệc mặn. Đây lại là một sự phỉ báng nữa thật phũ phàng.

Huyền Quang thoáng nghiêm nét mặt, nhưng lập tức lại thản nhiên như thường, bảo đệ tử thấp hương, rồi lớn tiếng khấn:

- A di đà Phật! Xin Trời, Phật chứng giám, phù hộ độ trì. Kẻ đệ tử này có điều gì bất chính, xin chư Phật cho đày xuống âm ty địa ngục, còn nếu không, xin cho lụa vàng bay đi và những cỗ mặn kia hóa thành cỗ chay.

Lạ thay, khi ông vừa dứt lời, tự nhiên trời đất tối sầm cả lại, một trận cuồng phong dữ dội nổi lên. Phút chốc, đèn nến phụt tắt, tất cả lụa quần quanh lễ đài rách nát tả tơi, rồi theo gió cuốn tung bay đi khắp nơi.

Một lúc sau, khi gió lốc tan đi, đèn nến được thắp sáng lại, tất cả mọi người có mặt đều vô cùng ngạc nhiên, tất cả cỗ tiệc mặn đã biến thành cỗ chay và Huyền Quang vẫn đứng uy nghi giữa lễ đài, tựa như một vị Bồ tát hiển hiện. Thế rồi, vị Bồ tát ấy lại tiếp tục đọc kinh rồi lễ tạ Trời Phật. Sau đó, ông thông thả rời khỏi lễ đài.

Dân chúng và quân lính có mặt đã chứng kiến toàn bộ sự việc, bèn nhảy lên reo hò, gõ trống, phách liên hồi làm vang động khắp cả kinh thành.

Đang ngồi trong phủ trưởng, vua Trần Anh Tông được tin vội xa giá tới chỗ Huyền Quang hành lễ để nói lời tạ lỗi. Sau đó, nhà vua lệnh bắt ngay cung nữ Diễm Bích tổng ngục, giao cho thái giám xét hỏi. Mấy ngày sau, Diễm Bích phải cung khai toàn bộ sự việc đã diễn ra ở thiền trai như thế nào. Khi lời cung được thỉnh đến tai nhà vua, ngài nổi giận khênh nàng vào tội chết. Biết tin, Huyền Quang lại vào cung, xin nhà vua tha tội cho nàng. Trần Anh Tông thừa hiểu lỗi chính trong việc này là do mình, nhưng để giữ thể diện và cũng là nể lời thiền sư, nên đã giáng Diễm Bích xuống hàng nữ tỳ, cho theo hầu ơ chầu trong cung Cảnh Linh.

Bài thơ "*Giai nhân tức sự*", dấu đề chữ Hán nhưng nội dung lại là chữ Nôm mà Diễm Bích nói Huyền Quang tặng cũng là vấn đề cần được bình luận. Hoặc là bài thơ của Diễm Bích, vì nàng cũng thuộc loại giỏi chữ nghĩa, "nữ thần đồng" hay của người nào đó, cũng khá tài hoa, có thể từng đọc thơ Huyền Quang làm chẳng. Cũng có thể là bài thơ của Huyền Quang đã làm thật. Vì đêm đó, Diễm Bích đã ở trong phòng khách. Nếu đêm đó có đèn nến, nàng sẽ biết ngay chỗ đề các

tập thơ của Huyền Quang! Hoặc giả, nếu không có đèn nền, sáng hôm sau nắng cũng có thể có đủ thời gian để tìm hiểu.

Xem xét kỹ, bài thơ ấy cũng khá “đa nghĩa”. Một nghĩa có thể hiểu ở khía cạnh trần tục, ở sự khêu gợi dục tình: Trăng, gió, nước đều khêu gợi, cảnh thì lạ, người thì ở trạng thái khá “tự nhiên” - tươi tốt. Câu cuối chẳng những hạ thấp Huyền Quang mà còn hạ thấp cả đạo Phật: Mâu Thích ca nào chẳng hữu tình? Có nghĩa là bản thân Mâu Thích ca cũng bị cảm dỗ. Nếu hiểu ở nghĩa trần tục này, khó có thể chấp nhận được đó là bài thơ của Huyền Quang khi ông đã là vị Thiền sư của bậc cao nhất!

Một nghĩa khác rộng hơn: Bài thơ muốn đạt tới một cái đẹp tuyệt đối, một sự hòa hợp tuyệt đối! Trăng, gió, nước, cảnh vật vừa khêu gợi vừa tuyệt đẹp; còn con người tươi tốt không nhất thiết cứ phải là con người đẹp ăn mặc hờ hênh mà còn là con người đẹp nhưng ăn mặc không hờ hênh. Câu cuối cùng trong bài thơ cũng có thể hiểu: Người sáng lập đạo Phật và những người theo đạo Phật chẳng bao giờ vô tình trước cái đẹp, cái đẹp của thiên nhiên cũng như cái đẹp của con người. Đó là một sự thật hiển nhiên, bởi trong lịch sử thơ ca có khá nhiều tác giả thi ca về thiên nhiên, con người là các vị thiền sư đắc đạo.

Từ đó cho thấy, ở đây con người và thiên nhiên là vô cùng hòa hợp, một cái đẹp thật lý tưởng. Những người theo đạo Phật chỉ chủ trương diệt dục và không có quan hệ giới tính chứ chưa bao giờ từ bỏ cái đẹp, từ bỏ mỹ cảm. Căn cứ theo ý nghĩa này, có thể cho rằng, Huyền Quang đã làm bài thơ này và đó là bài thơ tuyệt tác, xứng đáng với một vị Thiền sư đại khon có hy vọng bậc nhất!

Điểm lại những đặc điểm nội dung chính của tập “Ngọc Tiên”, có thể thấy Huyền Quang chưa một lần quan trọng hóa địa vị và công việc của mình, trái lại, đã có lúc ông còn tự

trào về địa vị và công việc đó nữa. Ông đánh giá tâm tư tình cảm con người ở khía cạnh “người” chứ không phải ở sự thuyết pháp. Sự ưu tư, nỗi day dứt của ông trước con người bất hạnh và những thăng trầm nhân thế là xuất phát từ con tim, khối óc của con người đã từng chịu đựng, đã từng nghiền ngẫm, đã từng vượt qua, theo cái đích hướng thiện của một đại tri thức và của một đại tín đồ đạo Phật. Thiên nhiên trong thơ Huyền Quang không những đẹp, tinh tế, mà luôn luôn có hồn và gần bó mật thiết với con người.

Nếu xét một cách hệ thống ở Huyền Quang từ hành vi, ứng xử, đến thơ ca, đều có một sự thống nhất không thể chia cách và theo một định hướng rõ ràng đến cái tuyệt đối. Những cái đó đều thuộc loại “ngoại cỡ” trong thời kỳ của ông và có lẽ không chỉ trong thời đại của riêng ông!

Từ con người ông nảy sinh khá nhiều truyền thuyết, huyền thoại, không chỉ trong dân gian mà cả trong giới có học, đồ đạt cao và nắm giữ các chức vụ lớn trong xã hội trước kia. Tầm vóc tinh thần và bản lĩnh của ông đến nay vẫn còn là đề tài để mọi người suy ngẫm và lý giải, mặc dù đã bảy thế kỷ trôi qua.

3. NGUYỄN HIỀN - ÔNG TRẠNG NHỎ TUỔI

(1234 -?)

Trong các ông trạng nước ta, Nguyễn Hiền là vị trạng nguyên nhỏ tuổi nhất - khi mới mười hai tuổi.

Ông họ Nguyễn tên Hiền, quê làng Hà Dương, huyện Thượng Nguyên, tỉnh Nam Định (Bắc Việt) đỗ thủ khoa năm Bính Ngọ thời vua Thái Tôn nhà Trần, đến năm sau thi đình đỗ Trạng. Lúc mới lên sáu, bảy tuổi, ông đi học nhà sư ở chùa, nhà sư mỗi buổi dạy mười tờ giấy, Nguyễn Hiền học qua là thuộc lâu.

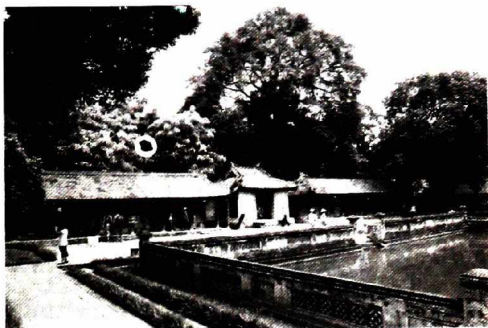
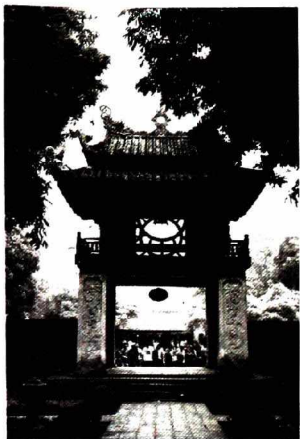
Theo sách "Nam Hải Dị Nhân" của Phan Kế Bính, một hôm nhà sư tụng kinh vừa xong vào phòng nằm nghỉ, mơ thấy Phật giảng xuống bảo rằng:

"Nhà sư sao không bảo *Trạng*, cứ để cho lên chùa lờn với Phật?"

Nhà sư tỉnh dậy, soi đèn xem các tượng Phật thì thấy sau lưng mỗi tượng có chữ đề "Phật 30 trượng" và sau mình hai tượng hộ pháp thì có chữ "Phật 60 trượng".

Nhận ra nét chữ thì chính chữ Nguyễn Hiền, nhà sư quở mắng Nguyễn Hiền, bắt phải lấy nước tẩy đi.

Nguyễn Hiền học các sách, qua mắt một lượt là nhớ ngay. Thơ từ phú sách, nói ra tức là văn chương. Năm mười một tuổi đã nổi tiếng thần đồng, bấy giờ có người học trò ở



Văn Miếu - Quốc tử giám có hai dãy nhà bia ghi danh các tiến sĩ đỗ các kì thi hàng năm từ triều LÝ - Trần - Lê - Mạc

Kinh Bắc tên là Đặng Tính, tự thị tài mình hơn cả đời. Nghe tiếng Hà Dương có thần đồng đến chơi tận nhà, thử xem tài học ra làm sao. Khi đến ra một bài phú:

“Phụng hoàng sào vu A cát Kì lân du vu Uyển hựu”

Nghĩa là: Chim phụng hoàng làm tổ trên A cát, con Kì lân chơi ở vườn Uyển hựu.

Nguyễn Hiền đọc ngay bốn câu dịch nghĩa như sau:

Không phải con rùa ở sông Lạc Thủy

Không phải con rồng ở sông Mạnh Hà

Ấy kia nước Hữu hùng (hùng là con gấu)

Dong đô ở gò Trác lộc (lộc nghĩa là con hươu).

(Bốn câu trên, câu nào cũng có tên cầm thú cho nên hay). Đặng Tính mới nghe được bốn câu, đã lắc đầu lè lưỡi nói rằng:

- Thiên tài xin nhường bậc trẻ tuổi này !

Năm ấy thi đỗ thủ khoa. Năm sau vào thi đình, vua ra bài phúc “ấp từ từ kê mẫu phi hồ” nghĩa là con vịt từ già mẹ gà về hồ. Văn Nguyễn Hiền hay nhất, vua cất lên đỗ Trạng Nguyên, bấy giờ mới mười hai tuổi.

Trạng vào bái mạng vua trong sân rồng, vua thấy còn bé loi choi, lấy làm lạ hỏi rằng:

- Trạng nguyên học ai ở nhà?

Trạng thưa rằng:

- Tâu bệ hạ, tôi sinh ra đã biết ngay, còn chỗ nào không biết thì hỏi nhà sư một vài chữ mà thôi.

Vua thấy Trạng ứng đối, chưa biết lễ phép, ăn nói không được khiêm tốn, mới cho về học lễ phép, quá ba năm mới dùng làm quan.

Nguyễn Hiền về nhà ở không được bao lâu có sứ Tàu đem một bài thơ ngụ ngôn sang thử nhân tài nước Nam. Thơ rằng:

Lưỡng nhật bình đầu nhật,

Tứ sơn điền đảo sơn.

Lưỡng vương tranh nhất quốc,

Tứ khẩu tung hoành gian.

Vua hỏi các quan thần thì không ai hiểu nghĩa lý ra làm sao. Phải sai hai quan văn võ đến nhà ông Nguyễn Hiền mời vào triều để hỏi. Hai quan sứ đến làng Hà Dương, gặp một đứa trẻ trong nhà hàng, mặt mũi phương phi. Sứ giả hỏi gì đứa trẻ ấy không thềm đáp lại. Mới đọc một câu đối nôm rằng: “Tự là chữ, cất giăng đầu chữ tử là con, con ai con ấy?”

Đứa trẻ đối ứng khẩu ngay:

“Vu là chưng, bỏ ngang lưng chữ đình là đứa, đứa nào đứa này?”

Sứ giả biết đưa trẻ ấy là Trạng Hiền, mới hỏi thăm đến tận nhà thì thấy Trạng đang cúi cúi ở dưới bếp, nhân đọc một câu rằng:

“Ngô văn quân tử viễn bảo trù; hà tu nự áo”

Nghĩa là: Tôi nghe quân tử xa chỗ bếp nước, lộ là phải nịnh vua bếp.

Trạng ứng khẩu đối rằng:

“Ngã bản hữu quan cư đình nại; khả tam điều canh”

Nghĩa là: ta cốt có chức làm được Tể tướng, nhưng còn tạm nấu nổi canh. Nấu canh lặt mận tại tay cũng như chức làm tướng.

Sứ giả thất ứng đối nhanh nhẩu và có ý cao, chịu là giỏi, mới bày kế ý vua xin mời vào Kinh.

Trạng nói rằng:

- Thiên tử trước kia bảo ta chưa biết lễ phép, nhưng chẳng những là Trạng chưa biết lễ phép, cả đến Thiên tử cũng chưa biết lễ phép.

Nói thế rồi nhất định không chịu đi.

Sứ giả về tâu lại với vua, vua phải đem xe ngựa và đồ lễ đến đón, bấy giờ Trạng mới đi.

Khi đến kinh, vua đưa bài thơ của Tầu ra hỏi. Trạng Hiền cầm bút viết ra một chữ và giải rằng:

- Câu thơ thứ nhất nghĩa là chữ nhật, ngược xuôi bằng đầu nhau; thứ nhì là bốn chữ *san*, ngược xuôi cũng là chữ *san* cả; thứ ba hai chữ *ương* tranh nhau ở trong một nước, thứ tư là bốn chữ *khẩu* ngang dọc đều là khế u cả. Tóm lại chỉ là một chữ *diễn*.

Giải xong, đưa cho sứ Tầu xem, sứ Tầu phải chịu. Vì thế ngay sau đó vua cử Nguyễn Hiền làm Kim tử vinh lộc đại phu; sau làm đến Công bộ thượng thư, không được bao lâu thì ông mất.

Vua thấy người đại tài như thế mà không được thọ, thương tiếc vô cùng. Huyện ông ấy nguyên tên là huyện Thượng Hiền, vua mới kiêng tên ông ấy, đổi ra gọi là Thượng Nguyên. Lại cấp cho năm mẫu ruộng tư điền, bắt dân làng ấy phải lập miếu thờ.

4. MẠC ĐÌNH CHI - NGƯỜI GIỎI ỨNG ĐỐI

(1280 - 1346)

Lưỡng quốc Trạng nguyên - *trạng nguyên hai nước*, một danh hiệu xưng tặng cho một vài trạng nguyên Việt Nam. Tuy không chính thức đỗ trạng nguyên ở một nước khác, nhưng học vấn của họ được công nhận như một trạng nguyên của nước đó - đều là Trung Quốc. Trong 49 vị trạng nguyên của Việt Nam, có ba người được xưng tặng là “Lưỡng quốc Trạng nguyên”, đó là:

- Mạc Đình Chi triều vua Trần Anh Tông
- Nguyễn Trực triều vua Lê Thái Tông
- Nguyễn Đăng Đạo triều vua Lê Hy Tông

Mạc Đình Chi (1280- 1346) đỗ trạng nguyên năm 1304 đời vua Trần Anh Tông. Từ nhỏ, Mạc Đình Chi tuy bé người, xấu xí nhưng lại rất ham học và có đầu óc thông minh sáng láng, nên “học một biết mười” và tài ứng đối vô cùng nhanh nhạy. Khi trưởng thành, ông vào cung thi Đình. Tuy nhà vua (thời vua Trần Anh Tông) thấy văn chương của ông không ai bì kịp, lại nghe những lời đối đáp của ông vô cùng sắc sảo, thông minh, nhưng khi nhìn vào mặt ông thấy hình dung cổ



Tháp Hoà Phong ở Chùa Dâu, Thuận Thành, Bắc Ninh mới trùng tu.

quái xâu xí lòng đã không muốn cho được đỗ đầu. Biết ý, Mạc Đĩnh Chi bèn làm ngay một bài phú “Hoa sen giếng ngọc” để dâng lên nhà vua “ngự” (đọc). Trong bài phú, tuy ông chỉ nói đến một loài hoa cao quý mà phải sống trong bùn, nhưng nhà vua cũng hiểu ý ông định nói gì. Vì vậy, nhà vua đã bỏ qua thành kiến ban đầu mà phong Trạng cho ông.

Năm 1308, Mạc Đĩnh Chi đi sứ nhà Nguyên Trung Quốc, đối đáp thông tuệ, học vấn uyên thâm. Trong một phiên châu, sứ giả nước ngoài dâng vua Nguyên một chiếc quạt quý. Vua sai các sử thần làm bài vịnh chiếc quạt.

Mạc Đĩnh Chi đã nhanh chóng làm một bài thơ rất hay, có khí phách lớn và chữ nghĩa đối nhau rất tài tình. Nguyên Thành Tổ xem xong rất khen ngợi. Ông ta đã phê vào bài thơ 4 chữ *Lưỡng quốc Trạng nguyên* và tự tay trao cho Mạc Đĩnh Chi. Những giai thoại sau được dân gian truyền tụng lại rất chi tiết.

1. Tài ứng đối thứ nhất

Năm 1308 Mạc Đĩnh Chi đi sứ nhà Nguyên, đến cửa khẩu sai hẹn, quân Nguyên canh gác bắt phải chờ đến sáng hôm sau. Thấy sứ bộ Đại Việt cứ biện bạch mãi, viên quan phụ trách canh cửa ải thả từ trên lầu cao xuống một câu đối, thử thách sứ bộ Đại Việt nếu đối được thì họ sẽ mở cửa. Câu đối có nội dung như sau:

Quá quan trì, quan quan bế, nguyên quá khách quá quan

(nghĩa là: Tới cửa ải trễ, cửa quan đóng, mời khách qua đường cứ qua)

Một vế đối hóc búa đến 4 chữ quan và 3 chữ quá? Mạc Đĩnh Chi thấy khó, nhưng ông đã nhanh trí dùng mẹo để đối như sau:

Tiên đối dị, đối đối nan, thỉnh Tiên sinh tiên đối

(nghĩa là: Ra câu đối dễ, đối câu đối khó, xin mời Tiên sinh đối trước).

Vế đối của ông có 4 chữ đối và 3 chữ *tiên*, đúng với yêu cầu câu đối của viên quan ấy. Tưởng lâm vào thế bí, hóa ra lại tìm được vế đối hay, khiến người Nguyên phải phục và liền mở cửa ải để đoàn sứ bộ của Mạc Đĩnh Chi qua biên giới.

2. Tài ứng đối thứ hai

Tới kinh đô, Mạc Đĩnh Chi được vời vào tiếp kiến hoàng đế nhà Nguyên. Nguyên hoàng đế đọc một câu đối đòi ông phải đối lại:

Nhật: hỏa; vân: yên; bạch đán thiêu tàn ngọc thổ.

Nghĩa là:

Mặt trời là lửa, mây là khói; ban ngày đốt cháy vàng trắng.

Mạc Đĩnh Chi hiểu rõ dụng ý tỏ vẻ kiêu ngạo của một nước lớn và củ nhục đích đe dọa của vua Nguyên. Ông đã ứng khẩu đọc:

Nguyệt: cung; tinh: đạn; hoàng hôn xạ lạc kim ô.

(nghĩa là: Trăng là cung, sao là tên; chiều tối bắn rơi mặt trời).

Vẻ đối rất chuẩn và tỏ rõ sự cứng rắn của người dân nước Việt, không run sợ và sẵn sàng giáng trả và làm thất bại mọi đe dọa của kẻ thù phương Bắc.

Có thuyết nói rằng vì câu đối này của Mạc Đĩnh Chi, người phương Bắc đoán con cháu ông sau này sẽ làm việc thoán đoạt (ứng với hành động cướp ngôi của Mạc Đăng Dung).

3. Tài ứng đối thứ ba

Có lần Mạc Đĩnh Chi sang sứ đúng vào dịp người hậu phi của vua Nguyên mất. Lúc tế lễ, người Nguyên đưa cho Chánh sứ An Nam bài điệu văn viết sẵn, bảo đọc. Khi Mạc Đĩnh Chi mở giấy ra thì chỉ thấy viết có 4 chữ “Nhất” “-” (là một). Ông chẳng hề lúng túng, vừa nghĩ vừa đọc thành bài điệu văn:

Thanh thiên nhất đoá vân

Hồng lô nhất điểm tuyết

Ngọc uyển nhất chi hoa

Dao trì nhất phiến nguyệt Y!

Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết!

Tạm dịch:

Một đám mây giữa trời xanh

Một bông tuyết trong lò lửa

Một bông hoa giữa vườn thượng uyển

Một vầng trăng trên mặt nước hồ

Ôi! mây tản, tuyết tan, hoa tàn, trăng khuyết!

Bài văn điệu rất xuất sắc khiến người Nguyên hôm đó rất khâm phục.

4. Tài ứng đối thứ tư

Một lần Mạc Đình Chi đến thăm phủ Thừa tướng nhà Nguyên. Trong phủ trang hoàng lộng lẫy, giữa phòng có treo một bức trướng to hình con chim sẻ đậu trên cành trúc trông rất thật. Mạc Đình Chi ngỡ là chim sẻ thật đậu ngoài cửa sổ nên chạy đến chụp thì mới vỡ lẽ đó chỉ là bức họa. Thừa tướng và các quan quân nhà Nguyên đều phá lên cười và có ý châm chọc. Mạc Đình Chi vội lấy bức họa xuống và xé toạc thành nhiều mảnh. Mọi người đều kinh ngạc. Bấy giờ ông mới nghiêm mặt giải thích:

“Tôi nghe người xưa vẽ cành mai và chim sẻ, chứ chưa thấy vẽ chim sẻ đậu cành trúc bao giờ. Nay trong bức trướng của tể tướng lại thêu cành trúc với chim sẻ. Trúc là bậc quân tử, chim sẻ là kẻ tiểu nhân. Tể tướng thêu như vậy là để tiểu nhân trên quân tử, sợ rằng đạo của tiểu nhân sẽ mạnh, đạo của quân tử sẽ suy. Tôi vì thánh triều mà trừ giúp bọn tiểu nhân.

Một hôm Mạc Đình Chi cùng với phái bộ triều Nguyên đi chơi. Tới gần một cái cầu, chẳng may Trạng Việt Nam bị sa hố, phái bộ đều chạy lại để đỡ ông dậy. Để đùa vui, họ ra cho ông một vế câu đối:

Can mộc, hoành cử, lục giả tương như tự đạo

(Nghĩa là: Gỗ thẳng, cầu ngang, đường đi ngờ là đất phẳng)

Cái khó của câu này là ở chỗ dùng toàn tên người ghép lại. Theo đó, *can mộc* là Đoàn Can Mộc - một nhân vật đời Chiến quốc, Hoành Cử: tên hiệu của Trương Tải - một triết gia đời Bắc Tống, Lục Giả: người nước Sở, giỏi biện luận, theo giúp Hán Cao Tổ, tương như: Lạn Tương Như, một nhân vật nổi tiếng đời Chiến Quốc, tự đạo: Giả Tự Đạo, người đời nhà Tống, một quyền thần chuyên chế.

Mạc Đình Chi nhìn quanh nom thấy ở bên kia sông có cái đình dưới chân núi, nhân thế chỉ tay thẳng đình mà đối:

Đại đình, anh thạch, vọng chi nghiêm nhược Thai sơn

(Nghĩa là: Đình to, đá vững, nhắc nom như thể Thiên Thai)

Câu này cũng dùng toàn tên người ghép lại như ở câu trên mà lại có ý khoáng đạt hơn nhiều, theo đó Đại Đình là một biệt hiệu của Thần Nông, *an thạch* tức Vương An Thạch thừa tướng đời Bắc Tống, *Vọng Chí* là người đời Hán, làm phụ chính cho Hán Nguyên đế (hai từ “nghiêm nhược” và “Thai sơn”, các nhà nghiên cứu cho biết chưa tra cứu ra là ai).

Một lần nữa, người Nguyên lại phải khâm phục tài văn học của Mạc Đình Chi.

5. Lưỡng quốc Trạng nguyên

Lại một lần khác, Mạc Đình Chi cùng với sứ thần một số nước ra mắt vua Nguyên. Nhân có nước chư hầu nào đó dâng chiếc quạt, vua Nguyên bắt sứ thần Đại Việt và sứ thần Triều Tiên đề thơ. Giữa lúc Mạc Đình Chi còn tìm tứ thơ, thì sứ Triều Tiên đã viết liền thoảng. Ông liếc nhìn theo quần bút đọc thấy sứ Triều Tiên viết hai câu chữ Hán, dịch nghĩa như sau:

“Nóng nực ỏi ả, thì như Y Doãn, Chu Công” (là những người được vua trọng dụng)

“Rét buốt lạnh lùng, thì như Bá Di, Thúc Tề” (là những người bị ruồng bỏ)

Với sự nhanh trí kì lạ, Mạc Đình Chi liền phát triển hai câu thơ trên thành một bài xuất sắc, mô tả chiếc quạt:

Lưu kim thước thạch, thiên vị địa lô, nhĩ tư thì hễ, Y Chu cự nhỏ.

Bắc phong kỳ lương, vũ tuyết tái đồ, nhĩ ư tư thì hễ, Di Tề ngã phu.

Y! dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ, hữu như thị phù.

Dịch nghĩa:

Chấy vàng, tan đá, trời đất như lò, người bấy giờ là Y Chu đại nho.

Gió bắc căm căm, mưa tuyết mịt mù, người bấy giờ là Di Tề đời xưa.

Ôi, được dùng thì làm, bỏ thì nằm co, chỉ ta cùng người là thế ru!

Bài của Mạc Đình Chi làm xong trước, ý sắc sảo, văn lại hay, nên triều thần nhà Nguyên xem xong cứ gật gù khen mãi. Vua Nguyên cảm phục tài và đức của Mạc Đình Chi, và phong “Lưỡng quốc trạng nguyên” (trạng nguyên hai nước) và chữ do chính tay hoàng đế nhà Nguyên viết.

6. Chùa Dâu - công trình từ một giấc mơ lạ

Chùa Dâu ở Thuận Thành Bắc Ninh có kiến trúc độc đáo, một báu vật Phật giáo được sử sách ghi nhận do Mạc Đình Chi đứng ra thiết kế và xây dựng. Câu chuyện về ý tưởng dựng chùa Dâu được dân gian lưu truyền như sau.

Khi Mạc Đình Chi cùng đoàn sứ bộ đang rong ruổi ở xứ người thì ở nhà, bà vợ và người hầu gái của ông đều bị ốm chết. Khi về đến chợ Hoàn Dương, ông nghỉ đêm ở đó, nằm mơ thấy người hầu gái đến gặp vừa khóc vừa nói:

- Phu nhân đã mất, hiện đang bị giam giữ trong ngục tối của Diêm vương thật là khổ cực, xin ông đến đó cứu cho.

Ông hỏi:

- Ta đang sống, lại đang mặc quần áo thế này, làm sao xuống được dưới ấy?

- Không sao! Tôi đã mang sẵn quần áo khác cho ông rồi.

Mạc Đình Chi nhận quần áo, vào phòng trong thay rồi trở ra theo người hầu gái xuống âm ty. Đến trước cửa ngục nơi vợ ông đang bị giam giữ, ông thấy một quỷ sứ ngồi canh vạc dầu lớn đang sôi sùng sục. Ông hỏi quỷ sứ:

- Dạ, bẩm... Thưa ngài, đun vạc dầu đó để làm gì ạ?

Quỷ sứ trả lời:

- À. Ta đang chờ người nữa đến để lôi mộ ở trong kia ra, cho vào đây đây.

Mạc Đình Chi hỏi lại:

- Dạ, nhưng mộ ấy mắc vào tội gì đấy ạ?

Quỷ sứ lại trả lời:

- Tội có từ đời ông nội của chồng mộ, đã dám đem tượng Phật đồng ra nấu chảy để đúc đồ gia dụng. Bây giờ, mộ sẽ phải chịu thay.

Mạc Đình Chi chột dạ, ngày còn bé, ông đã được chứng kiến ông nội của mình đã làm việc này. Vậy bây giờ phải tính sao đây? Nghĩ đoạn, ông đành thú thực với quỷ sứ:

- Dạ bẩm... Chẳng dám giấu ngài. Chính tôi là cháu nội của ông đã làm điều phạm thượng hồi trước. Xin ngài thương tình gia ân, bảo phải làm cách gì để chuộc lại lỗi lầm ấy tôi cũng xin chịu. Bây giờ chỉ mong ngài tha thứ cho mộ vợ xấu số của tôi.

Quỷ sứ ngồi suy nghĩ hồi lâu, cuối cùng thủng thỉnh đáp:

- Luật quả báo sớm muộn gì thì cũng phải hoàn tất hết. Nếu nhà ngươi thành tâm, về dương thế dựng tháp chín tầng,



Chùa Dâu ngày nay, nhìn từ mặt bên ngoài

cầu chín nhịp, chùa trăm gian và phải làm lễ cúng giàng mới cứu được.

Mạc Đình Chi lay tạ quỹ sứ một lần nữa, rồi lựa gót lui ra, nhưng vừa đi được vài bước, bỗng nhiên tỉnh giấc. Ông ghi nhớ đĩnh ninh những lời mà mình đã hứa với quỹ sứ.

Sau khi trở lại kinh đô (Đại Việt) để tấu trình các việc trong lần đi sứ với nhà vua, Mạc Đình Chi liền xin phép được trở về quê hương để cúng lễ gia tiên và thu xếp công việc nhà.

Hình dung lại giấc mơ kì lạ, ông quyết tâm xây dựng trên trần gian một ngôi chùa có tháp như lời hứa. Nhờ đó một công trình kiến trúc do chính tay ông chỉ đạo ra đời. Đó chính là chùa Dâu nổi tiếng với sự tích nàng Man Nương và tích Tử Pháp.

Chùa Dâu ngày ấy được làm theo kiểu nội công, ngoại công, vừa đủ trăm gian, tháp chín tầng (nay chỉ còn ba tầng), cầu chín nhịp (nay không còn nữa, được thay bằng một chiếc

cầu xi măng bắc qua một con sông nhỏ). Đó là đặc trưng kiến trúc của thời Trần, vừa chắc chắn, đồ sộ nhưng không kém phần thanh thoát.

Ngôi chùa tọa lạc chính hướng Tây trên mảnh đất khá vuông vắn rộng rãi. Đi qua cổng tam quan là vào đến bãi chùa; tiếp đó đi qua bảy gian tiền tế vào đến sân tháp. Tháp có tên gọi là Hòa Phong, được xây bằng gạch thât to đồ sộ. Tháp được xây ngay trước cửa nhà tiền đường, cũng chính là nét khác biệt so với các chùa. Tiếp nữa đi qua nhà Tiền thât lên gian Thiêu hương thờ Tam bảo, lên gian Thượng điện thờ Pháp Vân. Từ hai bên cửa ngách của gian Thượng điện đi xuống hai dãy hành lang bao gồm 44 gian nối từ Tiền đường đến dãy nhà Hậu đường. Ở dãy nhà Hậu đường có ba gian chuỗi vô lùì về phía sau, hướng Đông Nam, là nơi thờ đức Thạch Quang (một trong Tứ pháp).

Xét về mặt kiến trúc, đây là một công trình khá độc đáo, hài hòa, kể từ kết cấu, kiểu dáng của các dãy nhà, đến các cổng, cửa ra vào, hệ thống thoát nước trên mái nhà và dưới lòng đất. Đó là một nét tài hoa mà Mạc Đình Chi đã có công sáng tạo ra.

Để tưởng nhớ người đã có công sáng tạo và xây dựng lên kiểu dáng chùa như ngày nay, dân gian đã tạc tượng Mạc Đình Chi để thờ. Pho tượng đó được đặt ở gian Thiêu hương, sát với gian Thượng điện.

7. Vì sao dòng họ Mạc chỉ sang không giàu?

Thời ấy, quê hương của Mạc Đình Chi dân cư còn thưa thớt, làng xóm ở xen lẫn với rừng, lại có nhiều gò đồng, cây cối um tùm. Một lần, bà mẹ Đình Chi (khi chưa sinh Đình Chi) vào rừng kiếm củi, bị một con khỉ độc bắt giữ, toan giở trò hãm hiếp. May mắn bà là người khỏe mạnh, đã chống đỡ lại quyết liệt và thoát ra được, chạy thẳng về nhà trong tình

trạng áo sống lơ lửng, hồn siêu phàm lạc.

Về đến nhà, bà kể lại sự việc ấy với chồng. Người chồng vô cùng tức giận, rồi sau vài đêm suy tính, ông đã nghĩ ra được kế để diệt trừ khỉ dữ.

Một hôm, ông mặc quần áo của vợ, lại dọn ngực chít khăn giả làm đàn bà rồi quấy quang gánh vào rừng kiếm củi. Ông lại thủ sẵn một con dao nhọn đã mài thật sắc trong cặp quần. Khi đi ngang qua nơi người vợ bị khỉ dữ làm hại, ông đặt gánh xuống rồi ung dung kiếm củi. Một lát sau, con khỉ độc liên chạy ra, ôm chầm lấy ông. Trong khi bị khỉ ghì chặt, ông nhanh chóng đưa tay rút dao nhọn ra, rồi đâm thật mạnh vào ngực vào bụng khỉ. Con khỉ rú lên rồi gục xuống, chết ngay tại chỗ. Ông đẩy xác khỉ ra cạnh, lấy khăn lau vết máu trên người rồi quấy quang gánh về nhà.

Sáng hôm sau, hai người lại quấy quang gánh cùng vào rừng kiếm củi. Khi đến nơi xác khỉ chết hôm qua, lạ thay, họ chỉ nhìn thấy một đồng mối dùn rất lớn. Là người có học, lại ít nhiều hiểu biết được thuật phong thủy, người chồng để tâm quan sát từ chỗ đứng ra khắp bốn xung quanh. Ông vô cùng kinh ngạc khi nhận ra xác khỉ đã được “thiên táng” vào một thế đất rất “vượng”. Đó là một gò đất thấp, phía trước có dòng suối uốn lượn chảy qua, còn ba bề xung quanh là những gò đất cao đều châu tuần vào. Ông nói với vợ: “Xác khỉ đã bị mối dùn rồi”. Thế rồi, hai người cùng ở lại kiếm củi, đến gần trưa, khi đã đầy cả hai gánh mới về.

Từ đó trở đi, ông giữ kín câu chuyện trong lòng không hé lộ ra với ai. Thời gian sau, bà vợ có mang, rồi sinh ra một bé trai, được đặt tên là Mạc Đình Chi.

Mạc Đình Chi có dáng người gầy gò, thấp bé, còn mặt mũi hao hao giống khỉ. Miệng rộng trán dô, mũi tẹt, tai vênh nhưng mắt nhỏ lại đặc biệt tinh anh. Các thầy tướng số bảo đó là “cổ tướng” - một dạng của “quý tướng” để giải thích

những tài năng đặc biệt của Mạc Đĩnh Chi về sau này.

Sau này, bố Mạc Đĩnh Chi sắp qua đời đã dặn lại vợ con hãy đem “táng” mình vào bên trên đồng đất có xác khỉ độc nằm ở dưới. Kể từ đó, ngôi mộ của dòng họ Mạc được mỗi đụn cho to thêm mãi, đã “phù hộ” cho con cháu chất sau này ngày càng hiển đạt, có người được làm đến công hầu, khanh tướng, thậm chí làm đến đế vương... Các thầy địa lý còn giải thích, phía trước mộ có dòng nước chảy đi (có “tân” mà không có “tụ” để tạo thành minh đường) nên con cháu chất từ đời Mạc Đĩnh Chi trở đi chỉ “sang” chứ không “giàu” lên được. Thực tế, dòng họ Mạc tính từ Mạc Đăng Tích trở đi, đã có nhiều nhân tài xuất chúng và cũng có truyền thống văn học rất cao, trong đó tiêu biểu có hai vị trạng nguyên, đặc biệt là Mạc Đĩnh Chi. Trong lần đi sứ tới Yên Kinh, ông đã làm cho cả triều đình nhà Nguyên phải nể phục. Trong 67 năm trị vì, vương triều Mạc ở nước ta đã mở tới 21 khoa thi Hội, lấy đỗ tới 460 tiến sĩ. Đó là một đóng góp rất lớn vào việc chấn hưng đất nước trên phương diện văn hóa.

5. LÊ VĂN HỮU – NHÀ SỬ HỌC LỖI LẠC (1230 -1322)

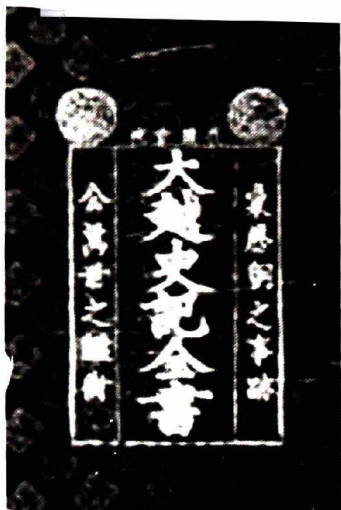
Lê Văn Hữu (1230-1322) người làng Phú Lý, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay thuộc xã Triệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

Theo lời các cố lão địa phương thì đất Triệu Trung vốn là trang trại của vị tổ khai sáng dòng họ Lê - quan Trấn quốc bặc xạ Lê Lương thời Đinh Tiên Hoàng, đến nay đã được hơn hai mươi đời. Lê Văn Hữu là ông tổ thứ bảy của dòng họ này. Cuốn Lê thị gia phả hiện còn được bảo tồn, ghi ông sinh năm Canh Dần (1230) là người khôi ngô tuấn tú, tư chất thông minh.

1. Cả Quán Học kinh ngạc

Cách đây 6 - 7 trăm năm, vùng Kẻ Rị (nay là xã Thiệu Trung, huyện Đông Sơn, Thanh Hoá) là một miền đất trù phú, tấp nập trên bộ, dưới thuyền và cũng là một trung tâm văn hoá của châu Ái. Nơi đây, thưở đó có Lê Lương, một hào trưởng cự phách, nổi tiếng khắp vùng bởi thóc chứa hàng trăm lẫm, trong nhà nuôi 300 khách. Ông được Đinh Tiên Hoàng phong cho chức Bộc xạ tướng quân

Ngày nay còn 2 cái cột treo chuông bằng đá, dấu tích của một ngôi chùa lớn gọi là chùa Hương Nghiêm, do Lê Lương khởi dựng. Còn giếng đất, tương truyền cũng từ thời Lê



Đại Việt sử ký toàn thư dựa trên ván khắc bộ Tục biên năm 1697, do nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội ấn hành năm 1993 tại Hà Nội.

Lương và có lần quan Thập đạo tướng quân Lê Hoàn đã về đây thăm ông Lương, quân sĩ ăn uống suốt mấy ngày, bát chén không kịp rửa, đổ cả xuống giếng. Dân vùng này vẫn còn truyền miệng câu nói: Nhất nhật đãi tam thiên khách (Một ngày đãi 3000 khách) và hiện nay đào giếng vẫn còn thấy những mảnh bát, đĩa.

Thước bảy giờ, đầu làng Thần Hậu (nay là làng Phủ Lý Nam), có dựng một ngôi nhà gọi là Quán Học, để cho những người biết chữ nghĩa giảng thơ, bình văn và con em trong làng đến học tập. Mảnh đất từ xưa xây dựng Quán Học, đến nay các cụ vẫn còn hình dung được.

Vùng đất đó chính là quê hương của băng nhân Lê Văn Hưu, người đã viết bộ lịch sử đầu tiên của nước ta và vị tổ 7 đời của ông, chính là Bộc xạ tướng quân Lê Lương nói trên.

Theo một số sử liệu cho biết thì ông thân sinh ra Lê Văn Hưu là Lê Văn Minh, bị bệnh chết lúc ông Hưu còn trong bụng mẹ. Lớn lên khoảng 4-5 tuổi, Lê Văn Hưu thường mon men ra Quán Học để xem các anh trong làng học hành và người lớn giảng thơ, bình văn. Nhiều lần thấy đồ nhận thấy cậu bé Hưu đã nhấc bài cho các anh. Lấy làm lạ, ông bèn viết mấy chữ nho lên giấy, giảng cho cậu bé hiểu, sau đó ông viết sang tờ khác nhưng chữ trên, rồi hỏi thì cậu bé Hưu đọc không sai chữ nào. Mọi người ở Quán Học đều lấy làm kinh ngạc và cho rằng Lê Văn Hưu là một thần đồng.

2. Thích chiếc dùi đóng vờ

Bố chết sớm, bà mẹ của Lê Văn Hưu chịu góa, quyết nuôi con ăn học. Bà gửi cậu sang học với thầy đồ họ Nguyễn bên Kẻ Bôn (nay thuộc xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, Thanh Hoá). Cậu rất sáng dạ, học đâu nhớ đấy, thơ văn đối đáp mau lẹ, được thầy yêu, bạn quý.

Tương truyền rằng trên đường Lê Văn Hưu đi học, từ Kẻ Rị sang Phúc Triền thuộc Kẻ Bôn, bấy giờ có một lò rèn dựng ngay bên đường. Một lần đi học về, cậu Hưu thấy bác thợ rèn treo những chiếc dùi. Cậu thích lắm, ước gì có một chiếc để đóng vờ, nên cứ đứng tần ngần, ngắm nghía mãi.

Bác thợ rèn biết Lê Văn Hưu là học trò, mặt mày lại sáng sủa, khôi ngô, nên dịu dàng hỏi:

- Cậu muốn cái gì?

Lê Văn Hưu rụt rè đáp:

- Cháu muốn có chiếc dùi để đóng vờ.

Bác thợ rèn liền bảo:

- Tôi ra cho cậu về đổi, nếu đổi được, tôi xin biếu không. Câu đối thế này:

"Than trong lò, lửa trong lò, sắt trong lò, thổi phì phò đúc nên dùi vờ"

Lê Văn Hưu không chút lưỡng lự, đối ngay:

"Giấy trong túi, bút trong túi, mực trong túi, viết lúi húi mà đậu khô nguyên".

Vế ra của bác thợ rèn nói đến lao động khó nhọc của người thợ (thổi phì phò), với những công cụ của nghề rèn (lò, than, sắt, lửa) để làm ra sản phẩm là chiếc dùi vờ. Vế đối của Lê Văn Hưu đã mô tả việc học tập cần cù của người học trò (lúi húi), với những công cụ học tập (giấy, bút, mực) để cũng

đạt được thành quả cuối cùng là thi đỗ, nhưng đỗ khôi nguyên cơ! Thật là một ước mơ, hoài bão rất cao, rất đẹp đối với một cậu học trò mới 11 tuổi!

Bác thợ rèn tấm tắc khen ngợi, rồi tặng Lê Văn Hưu một chiếc dùi vỡ rất đẹp và còn thưởng thêm cho cậu 3 tiền nữa.

3. Người bạn tâm giao

Bà mẹ Lê Văn Hưu họ Đỗ, người thôn Phúc Chừ. Ông ngoại là Đỗ Tất Bình, một nhà Nho tinh thông địa lí, am hiểu các kiểu mộ táng.

Bà mẹ thấy con mình trí tuệ sáng láng, học hành tấn tới nên rất mừng. Bà muốn luôn được ở cạnh để nhắc nhở con học tập, nên đã nhờ thợ đúc đồng ở Kê Chè gần đấy đúc cho một chiếc đèn, hình con rồng. Bà lại đem mấy viên ngọc gia bảo của cụ tướng quốc bọc xạ, được vua Lê Đại Hành ban cho, để khảm vào mắt rồng. Ban đêm, ánh ngọc lửa sáng cho Lê Văn Hưu học. Chiếc đèn trở thành người bạn tâm giao, được ông Hưu quý mến, luôn luôn mang theo bên mình. Sau này, khi đã đỗ đạt ra làm quan, cây đèn vẫn soi sáng cho ông suốt đêm này, đêm khác, để biên soạn thành công 30 quyển Đại Việt sử kí - bộ quốc sử đầu tiên của nước ta.

Cây đèn là bảo vật tổ tiên họ Lê mà người mẹ đã gửi gắm lại cho Lê Văn Hưu để nhắc nhở con chăm chỉ học hành, xây dựng sự nghiệp. Nó gắn chặt với cả cuộc đời ông và tương truyền rằng khi ông mất, cây đèn cũng được mai táng theo.

Năm Đinh Mùi, Lê Văn Hưu đi thi, đỗ Bảng Nhân. Đây là khoa thi đầu tiên ở Việt Nam có đặt danh hiệu tam khôi (ba người đỗ đầu: Trạng Nguyên, Bảng Nhân, Thám Hoa). Năm ấy, ông vừa tròn 18 tuổi.

Sau khi thi đỗ, ông được giữ chức Kiểm pháp quan (chức quan trông coi việc hình luật), rồi Bình bộ Thượng thư, rồi

Hàn lâm viện học sĩ kiêm Quốc sử Viện giám tu. Ông cũng là thầy học của thượng tướng Trần Quang Khải, một trong những danh tướng của cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông.

4. Đại Việt sử kí

Trong thời gian làm việc ở Quốc sử Viện, vào năm 1272, ông đã hoàn thành việc biên soạn *Đại Việt sử ký* - bộ quốc sử đầu tiên của Việt Nam, ghi lại những sự việc quan trọng chủ yếu trong một thời gian lịch sử dài gần 15 thế kỷ, từ Triệu Vũ đế (tức Triệu Đà 207 - 136 trước Công nguyên) cho tới Lý Chiêu Hoàng (1224 - 1225), tất cả gồm 30 quyển, được Trần Thánh Tông xuống chiếu ban khen.

Đại Việt sử ký nay không còn, nhưng vẫn có thể thấy được thấp thoáng bóng dáng bộ quốc sử đầu tiên này trong *Đại Việt sử ký toàn thư*. Ngô Sĩ Liên, sử thần đời Lê, người khởi đầu việc biên soạn *Đại Việt sử ký toàn thư*, đã căn cứ vào *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu, tiếp đó là *Đại Việt sử ký tục biên* của Phan Phu Tiên để biên soạn những phần liên quan. Trong bài tựa *Đại Việt sử ký ngoại kỷ toàn thư*, Ngô Sĩ Liên viết: “Văn Hưu là người chép sử giỏi đời Trần, Phu Tiên là bậc cổ lão của thánh triều ta, đều vâng chiếu biên soạn lịch sử nước nhà, tìm khắp các tài liệu còn sót lại, tập hợp thành sách để cho người xem đời sau không có gì phải tiếc nữa, thế là được rồi”. Tiếp đó, Ngô Sĩ Liên nói rõ, ông đã đem “hai bộ sách của tiên hiền” (tức là *Đại Việt sử ký tục biên* của Phan Phu Tiên) ra “hiệu chỉnh, biên soạn lại, thêm vào một quyển Ngoại kỷ, thành một số quyển, gọi là *Đại Việt sử ký toàn thư*”. Như vậy, khó có thể phân định được đích xác đâu là nguyên văn *Đại Việt sử ký* trong bộ quốc sử lớn đời Lê này. Tuy vậy, rất may là trong *Đại Việt sử ký toàn thư* hiện đang lưu hành vẫn còn có 29 đoạn ghi rõ là lời văn của Lê Văn Hưu với mấy chữ “Lê Văn Hưu viết”.

Qua nhưng trích đoạn đó, có thể thấy được phần nào khuynh hướng cũng như sắc thái ngọn bút chếp sử của ông. Trân trọng công lao đánh giặc giữ nước của Tổ tiên, ông đã nhận định về cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng với những lời lẽ rất mực hào hùng:

“Trưng Trắc Trưng Nhị... hô một tiếng mà các quận Cửu Châu, Nhật Nam, Hợp Phố cùng sáu mươi nhăm thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay...”. Đoạn ông ca tụng Ngô Quyền cũng thấm đượm lòng tự hào sâu sắc trước thắng lợi huy hoàng của dân tộc:

“Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới hợp của nước Việt ta mà đánh tan được trăm vạn quân của Lưu Hoằng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám sang nữa. Có thể nói là một lần nổi giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy... “.

Quan tâm sâu sắc đến cuộc sống của nhân dân, ông cũng đã nghiêm khắc phê phán những hành vi bạo ngược, trái đạo lý của vua chúa, như đoạn nhận xét về cấm lệnh “không cho con gái nhà quan lấy chồng trước khi dự tuyển vào hậu cung” của Lý Thần Tông (1128 - 1137), chẳng hạn: “Trời sinh ra dân mà đặt vua để chặn dất, không phải để cung phụng riêng cho vua. Lòng cha mẹ ai chẳng muốn con cái có gia thất; thánh nhân thể lòng ấy còn sợ kẻ sát phu sát phụ không được có nơi có chốn... Thần Tông xuống chiếu cho con gái các quan phải đợi xong việc tuyển người vào cung rồi mới được lấy chồng, thế là để cung phụng riêng cho mình, đâu phải là tấm lòng của người làm cha mẹ dân!”.

Lê Văn Hưu mất ngày 23 tháng Ba năm Nhâm Tuất (1322), táng ở cánh đồng xứ Mã Giồm (thuộc địa phận xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Hiện nay ở đó vẫn còn phần mộ với tấm bia dựng năm Tự Đức thứ 20 (1867), khắc ghi tiểu sử và một bài minh ca tụng tài đức, sự nghiệp của ông.

6. LƯƠNG THẾ VINH - TRẠNG LƯỜNG (1442 -?)

Lương Thế Vinh sinh ra tại làng Cao Hương, huyện Thiên Bản, trấn Sơn Nam Hạ (nay là thôn Cao Phương, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định). Từ nhỏ Lương Thế Vinh đã nổi tiếng về khả năng học mau thuộc, nhanh hiểu, và khả năng sáng tạo trong các trò chơi như đá bóng, thả diều, câu cá, bẫy chim.

Năm 1463, Lương Thế Vinh đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (trạng nguyên) khoa Quý Mùi niên hiệu Quang Thuận thứ 4, đời Lê Thánh Tông. Vua Lê Thánh Tông ban tặng Cờ hoa Tam Khôi cho ba vị đỗ đầu:

Trạng nguyên Lương Thế Vinh

Bảng nhãn Nguyễn Đức Trinh

Thám hoa Quách Đình Bảo

Thiên hạ cộng tri danh - (Thiên hạ đều biết tên)

Các năm sau đó, ông làm quan với các chức Trực học sĩ, Thị thư và Chương viện sự ở viện Hàn lâm.

Khi ông qua đời, Vua Lê Thánh Tông rất mực thương tiếc và viết một bài thơ khóc Trạng.

Chiếu thư thượng đế xuống đêm qua

Giống khách chương đài kiếp tại nhà

Cấm tú mấy hàng về động ngọc



Sách dạy toán của Lương Thế Vinh

Thánh hiền ba chén ướm hồn hoa

Khi thiên đã lại thu sơn nhạc

Danh lạ còn truyền để quốc gia

Khuất ngón tay than tài cái thế

Lấy ai làm Trạng nước Nam ta

Về phong cách học tập của Lương Thế Vinh, có giai thoại so sánh ông với Quách Đình Bảo cũng là người nổi tiếng về thông minh, học giỏi ở vùng Sơn Nam (Ngày nay thuộc Thái Bình và Nam Định). Khi sắp đến kỳ thi của triều đình, Quách Đình Bảo thì ngày đêm dùi mài kinh sử quên ngủ, quên ăn; còn Vinh thì thư giãn, thả diều cùng bạn bè. Kỳ thi đó Quách Đình Bảo đỗ đầu nhưng đến khoa thi Đình (kì thi Quốc gia) Quý Mùi năm Quang Thuận thứ tư, đời vua Lê Thánh Tông (1463) Lương Thế Vinh đỗ trạng nguyên (đỗ đầu), Quách Đình Bảo đỗ thám hoa (đỗ thứ 3).

Sự sáng tạo khoa học của Lương Thế Vinh được truyền khẩu qua câu chuyện ông tiếp đón sứ nhà Thanh là Chu Hy. Hy đã nghe nói về Lương Thế Vinh, không những nổi tiếng về văn chương âm nhạc, mà còn tinh thông toán học, nên

thách đố Vinh cân một con voi. Lương Thế Vinh đưa voi lên một chiếc thuyền rồi đánh dấu mép nước bên thuyền, sau đó dắt voi lên. Tiếp theo, ông ra lệnh đổ đá học xuống thuyền, cho đến lúc thuyền chìm xuống đến đúng dấu cũ. Việc còn lại là đưa từng viên đá lên cân và cộng kết quả. Chu Hy thán phục ông nhưng tiếp tục đố ông đo bề dày của một tờ giấy xé ra từ một quyển sách. Khi nghe ông nói chỉ cần đo bề dày cả cuốn sách rồi chia đều cho số tờ là ra ngay kết quả, Chu Hy ngửa mặt lên trời than: “Nước Nam quả có lắm người tài!”.

Lương Thế Vinh cũng được gần với một vài giai thoại với vua quan nhà Lê. Các giai thoại này cho thấy ông ứng đáp thông minh với vua, có các lời khuyên hợp lý cho vua và răn dạy các quan dưới cấp bô thói hách dịch nhân dân.

Về toán học, Lương Thế Vinh đã để lại nhiều tác phẩm: *Đại thành Toán pháp*, *Khải minh Toán học*

Về lịch sử hát chèo: *Hy phường Phổ lục*

Về Phật học: *Thiền môn Khoa giáo* (còn gọi là *Thích điển Giáo khoa*)

Lương Thế Vinh nổi tiếng với tài năng toán học. Quyển *Đại thành toán pháp* của ông được đưa vào chương trình thi cử suốt 450 năm trong lịch sử giáo dục Việt Nam. Ông cũng được xem là người chế ra bàn tính gậy cho người Việt, lúc đầu làm bằng đất rồi bằng trúc, bằng gỗ, sơn mẫu khác nhau, đẹp và dễ tính, dễ nhớ. Các chuyện truyền miệng dân gian còn cho biết tài năng của ông được thể hiện từ khi nhỏ tuổi. Ông được nhân dân gọi tên là **Trạng Lường** sau khi đỗ trạng nguyên.

Ngoài công việc hàn lâm trong triều, Lương Thế Vinh còn được vua giao việc thảo những văn thư ngoại giao với nhà Minh. Triều Minh thường khen ngợi những văn thư ngoại giao này.

Dù là một nhà nho lỗi lạc, Lương Thế Vinh cũng sáng tác văn Nôm. Ông được cho là tác giả của *Thập giới Cô hồn Quốc ngữ văn*, còn gọi là *Phật kinh Thập giới*. Đây là áng văn Nôm cổ gồm đoạn mở đầu và 10 đoạn nói về 10 giới cô hồn: Thiên tăng, đạo sĩ, quan liêu, nho sĩ, thiên văn-địa lý, lương y, tướng quân, hoa nương, thương cổ và dâng tử. Mỗi đoạn có một bài tán và kết thúc bằng bài kệ 8 câu. Vì sáng tác *Phật kinh Thập giới*, Lương Thế Vinh bị các bạn đồng nghiệp chê và ông không được ghi tên trong văn miếu Khổng Tử.

Tuy nhiên, Nhất Hạnh cho rằng Lương Thế Vinh không viết bài này vì bài kệ của đoạn về Thiên tăng có giọng đùa bỡn, không phù hợp với một người có nhiều cảm tình với Phật giáo như Lương Thế Vinh. Theo Lê Mạnh Thát, *Thập giới Cô hồn Văn* là một tác phẩm của vua Lê Thánh Tông (1442 - 1497).

Lương Thế Vinh cũng quan tâm nghiên cứu về âm nhạc dân gian, như hát chèo. Ông được vua Lê Thánh Tông giao cho cùng Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận chế định ra các lễ nhạc của triều đình.

Lương Thế Vinh được nhận định là có tính cách bình dị, mến dân, trung thực và khả năng châm biếm khôi hài trong việc răn dạy từ vua đến quan.

1. Trái bưởi - Sức đẩy Archimède

Hôm đó, cậu đem một trái bưởi ra bãi tha ma (chỗ bạn bè thả trâu) làm quả bóng để các bạn cùng chơi. Bỗng quả bưởi lăn xuống một trong những cái hố bên mép bãi người ta đào để ngăn trâu bò khỏi phá lúa. Cái hố rất hẹp lại rất sâu không xuống mà cũng không với tay lấy lên được. Bọn trẻ tưởng thế là mất đồ chơi. Nhưng Lương Thế Vinh nghĩ một lát, rồi mới hớn hớ rủ bạn đi mượn vài chiếc gầu giai đi múc

nước đổ xuống hố. Bọn trẻ không hiểu Vinh làm thế để làm gì. Nhưng lát sau thấy Vinh cúi xuống cầm quả bưởi lên, chúng rất sững sốt phục tài Vinh. Từ đó trẻ con trong làng truyền nhau rằng Lương Thế Vinh là thần, có một câu “thần chú” hay lắm, có thể gọi được những vật vô tri như quả bưởi lại với mình. Thực ra thì Vinh trèo cây hái bưởi bên bờ ao, sẩy tay câu làm rơi quả bưởi xuống nước tưởng mất. Nhưng khi nhìn thấy bưởi nổi trên mặt ao, Vinh đã lấy cành tre khều vào và đem ra bãi chơi. Lúc quả bưởi lặn xuống hố, cậu đã chợt nhớ lại và nghĩ ra cách lấy nước đổ xuống cho bưởi nổi lên. Vốn thích thơ ca, hò, vè nên trong khi cúi xuống chờ bưởi, cậu vui miệng đọc lầm nhảm: *Bưởi ơi bưởi. Nghe tao gọi. Lên đi nào. Đừng quên lối. Đừng bỏ tao...* Và bọn trẻ cứ nghĩ rằng Vinh đọc “thần chú”.

2. Phương pháp học của ông

Lương Thế Vinh là người biết kết hợp rất khéo giữa chơi và học, nên từ nhỏ Vinh học rất thoải mái và lại đạt kết quả cao. Vinh học đến đâu, hiểu đến đấy, học một mà biết mười. Khi đã ngồi học thì tập trung tư tưởng rất cao, luôn muốn thực nghiệm những điều đã học vào đời sống. Trong khi vui chơi như câu cá, thả diều, bẫy chim, Vinh luôn kết hợp với việc học. Lúc thả diều, Vinh rung dây diều để tính toán, ước lượng chiều dài, chiều cao. Khi câu cá, Vinh tìm hiểu đời sống các sinh vật, ước tính đo lường chiều sâu ao hồ, chiều rộng sông ngòi... và kiểm tra lại bằng thực nghiệm. Vinh nghĩ ra cách đo bóng cây mà suy ra chiều dài của cây. Người đời còn truyền lại câu chuyện sau đây: Đạo đó, Lương Thế Vinh và Quách Đình Bảo là hai người nổi tiếng vùng Sơn Nam (Thái Bình- Nam Định bây giờ) về thông minh, học giỏi. Một hôm, sắp đến kỳ thi, Lương Thế Vinh tìm sang làng Phúc Khê bên Sơn Nam hạ để thăm Quách Đình Bảo, toan bàn chuyện cùng lên kinh ứng thí. Đến làng, Vinh ghé một quán nước nghỉ chân. Tại đây Vinh nghe người ta nói là Quách Đình Bảo

đang ngày đêm mài mài kinh sử quên ngủ, quên ăn. Chắc hẳn kỳ này Bảo phải đứng đầu bảng vàng. Vinh cười nói:- Kỳ thi đến nơi mà còn chú ý đầu vào quyển sách, cố tụng niệm thêm vài chữ. Vậy cũng gọi là biết học ư? Ta có đến thăm cũng chẳng có gì để bàn bạc - Vinh nói thế rồi bỏ ra về. Quách Đình Bảo nghe được chuyện trên, gật gù:- Người đó hẳn là Lương Thế Vinh, ta phải đi tìm mới được! Thế là Bảo chuẩn bị khăn gói, tìm đến Cao Hương thăm Vinh. Chắc hẳn đến nhà sẽ gặp ngay Vinh đang đọc sách, nhưng Vinh đi vắng, người nhà bảo Vinh đang chơi ngoài bãi. Quách Đình Bảo ra bãi tìm, quả thấy Vinh đang thả diều, chạy chơi cùng bạn bè, rất ung dung thư thái. Bảo phục lắm tự nói với mình: “Người này khôi ngô tuấn tú, phong thái ung dung, ta có học mấy cũng không thể theo kịp”. Quả nhiên sau đó, khoa Quý Mùi năm Quang Thuận thứ tư, đời vua Lê Thánh Tông (1463) Lương Thế Vinh đỗ Trạng nguyên (đỗ đầu), Quách Đình Bảo đỗ Thám hoa (đỗ thứ 3). Năm ấy Lương Thế Vinh mới hăm hai tuổi.

3. Cách cân voi và đo bể dầy tờ giấy

Ngày xưa, vua quan Trung Quốc thường cày thế nước lớn, coi thường nước ta, cho nước ta là man di, mọi rợ. Về tinh thần bất khuất của cha ông ta thì chúng đã được nhiều bài học. Nhưng về mặt khoa học thì chúng chưa phục lắm.

Một lần sứ nhà Thanh là Chu Hy sang nước ta, vua Thánh Tông sai Lương Thế Vinh ra tiếp. Hy nghe đồn Lương Thế Vinh không những nổi tiếng về văn chương âm nhạc, mà còn tinh thông cả toán học nên mới hỏi:

- Có phải ông làm sách Đại thành toán pháp, định thước đo ruộng đất, chế ra bàn tính của nước Nam đó không? Lương Thế Vinh đáp:

- Dạ, đúng thế! Nhân nhìn thấy có con voi rất to đang kéo gỗ trên sông, Chu Hy bảo:

- Trạng thử cân xem con voi kia nặng bao nhiêu!
- Xin vâng! Dứt lời, Vinh xăm xăm cầm cân đi cân voi.- Tôi xem chiếc cân của ông hơi nhỏ so với con voi đấy!
- Hy cười nói.- Thì chia nhỏ voi ra! Vinh thản nhiên trả lời!
- Ông định mổ thịt voi à? Cho tôi xin một miếng gan nhé!

Lương Thế Vinh tỉnh khô không đáp. Đến bến sông, trạng chỉ chiếc thuyền bỏ không, sai lính dắt voi xuống. Thuyền đang nổi, do voi nặng nên đắm sâu xuống. Lương Thế Vinh cho lính lội xuống đánh dấu mép nước bên thuyền rồi dắt voi lên. Kế đó trạng ra lệnh đổ đá hộc xuống thuyền, thuyền lại đắm xuống dần cho tới đúng dấu cũ thì ngưng đổ đá. Thế rồi trạng bắc cân lên cân đá. Trạng cho bảo sứ nhà Thanh:

- Ông ra mà xem cân voi!

Sứ Tàu trông thấy cả sợ, nhưng vẫn tỏ ra bình tĩnh coi thường. Khi xong việc, Hy nói:

- Ông thật là giỏi! Tiếng đồn quả không ngoa! Ông đã cân được voi to, vậy ông có thể đo được tờ giấy này dày bao nhiêu không?

Sứ nói rồi xé một tờ giấy bản rất mỏng từ một cuốn sách dày đưa cho Lương Thế Vinh, Hy lại đưa luôn một chiếc thước.

Giấy thì mỏng mà li chia ở thước lại quá thô, Vinh nghĩ giây lát rồi nói:

- Ngài cho tôi mượn cuốn sách!
- Sứ đưa ngay sách cho Lương Thế Vinh với vẻ không tin tưởng lắm. Lương Thế Vinh lấy thước đo cuốn sách, tính nhầm một lát rồi nói bẻ dày tờ giấy.

Kết quả rất khớp với con số đã viết sẵn ở nhà. Nhưng sứ chưa tin tài Lương Thế Vinh, cho là ông đoán mò. Khi nghe Vinh nói việc đo này rất dễ, chỉ cần đo bề dày cả cuốn sách rồi chia đều cho số tờ là ra ngay kết quả thì sứ ngửa mặt lên trời than: “Danh đồn quả không sai. Nước Nam quả có lắm người tài!”

Lương Thế Vinh quả là kỳ tài! Ông nghĩ ra cách cân đo tài tình ngay cả trong lúc bất ngờ, cần ứng phó nhanh chóng. Gặp vật to thì ông chia nhỏ, gặp vật nhỏ thì ông gộp lại. Phải chăng ý tưởng của Lương Thế Vinh chính là mầm mống của phép tính vi phân (chia nhỏ) và tích phân (gộp lại) mà ngày nay là những công cụ không thể thiếu được của toán học hiện đại.

4. Một cách khen vua

Lương Thế Vinh thuở bé nghịch ngợm nổi tiếng. Ông hay tắm sông hồ thành thử bơi lội rất giỏi. Lê Thánh Tông biết rõ chuyện ấy, nên một hôm đi chơi thuyền có Lương Thế Vinh và các quan theo hầu, Vua liền giả vờ say rượu ấy Vinh rơi tòm xuống sông, rồi cứ cho tiếp tục chèo thuyền đi. Không ngờ Lương Thế Vinh rơi xuống, liền lặn một hơi đi thật xa, rồi đến một chỗ văng lên bờ ngồi núp vào một bụi rậm chẳng ai trông thấy. Lê Thánh Tông chờ mãi không thấy Vinh trôi đầu lên, bấy giờ mới hoảng hồn, vội cho quân lính nhảy xuống tìm vớt, nhưng tìm mãi cũng chẳng thấy đầu. Vua hết sức ân hận vì lối chơi đùa quá quắt của mình, chỉ muốn khóc, thì tự nhiên thấy Vinh từ dưới nước ngóc đầu lên lắc đầu cười ngất. Khi lên thuyền rồi, Vinh vẫn còn cười.

Thánh Tông ngạc nhiên hỏi mãi, cuối cùng Vinh mới tâu:

“Thần ở dưới nước lâu là vì gặp phải một việc kỳ lạ và thú vị. Thần gặp cụ Khuất Nguyên, cụ hỏi thần xuống làm

gì? Thần thưa dối là thần chán đời muốn chết. Nghe qua, cụ Khuất Nguyên tròn xoe mắt, mắng thần: “Mày là thằng điên!. Tao gặp Sở Hoài Vương và Khoảnh Tương Vương hôn quân vô đạo, mới dám bỏ nước bỏ dân trầm mình ở sông Mịch La. Chứ mày đã gặp được bậc thánh quân minh đế, sao còn định vớ vẩn cái gì?”. Thế rồi cụ đá thần một cái, thần mới về đây!”.

Lê Thánh Tông nghe xong biết là Lương Thế Vinh nịnh khéo mình, nhưng cũng rất hài lòng, thưởng cho Vinh rất nhiều vàng lụa.

5. Ứng đáp với vua

Vua Lê Thánh Tông đi kinh lý vùng Sơn Nam hạ, ghé thăm làng Cao Hương, huyện Vụ Bản, quê hương của Trạng Nguyên Lương Thế Vinh, lúc bấy giờ cũng đang theo hầu Vua. Hôm sau vua đến thăm chùa làng. Khi ấy, sư cụ đang bận tụng kinh. Bỗng sư cụ đánh rơi chiếc quạt xuống đất. Vẫn tiếp tục tụng, sư cụ lấy tay ra hiệu cho chú tiểu cúi xuống nhặt, nhưng một vị quan tùy tùng của Lê Thánh Tông đã nhanh tay nhặt cho sư cụ. Vua Lê Thánh Tông trông thấy vậy, liền nghĩ ra một vế đối, trong bữa tiệc hôm đó đã thách các quan đối.

Vế ấy như sau: *Đường thượng tụng kinh sư sử sử...*

Nghĩa là: *Trên bục tụng kinh sư khiến sử (nhà sư sai khiến được quan).*

Câu nói này oái ăm ở ba chữ *sư sử sử*. Các quan đều chịu chẳng ai nghĩ ra câu gì. Trạng nguyên Lương Thế Vinh cứ ung dung ngồi uống rượu chẳng nói năng gì. Vua Lê Thánh Tông quay lại bảo đích danh ông phải đối, với hy vọng đưa ông đến chỗ chịu bĩ. Nhưng ông chỉ cười trừ.

Một lúc ông cho lính hầu chạy ngay về nhà mời vợ đến.

Bà trạng đến, ông lấy cớ quá say xin phép vua cho vợ dìu mình về.

Thấy Vinh là một tay có tài ứng đối mà hôm nay cũng đành phải đánh bài chuẩn, nhà vua lấy làm đắc ý lắm, liền giục:

“Thế nào? Đối được hay không thì phải nói đã rồi hẵng về chứ?”.

Vinh gãi đầu gãi tai rồi chấp tay ngập ngừng:

- Dạ... muôn tâu, thần đối rồi đấy ạ!

Vua và các quan lấy làm lạ bảo Vinh thử đọc xem. Vinh cứ một mực: *“Đối rồi đấy chứ ạ!”* hoài.

Sau nhà vua gạn mãi, Vinh mới chỉ tay vào người vợ đang dìu mình, mà đọc rằng: *“Đinh tiên túy tửu, phụ phù phu.”*

Nghĩa là: “Trước sân say rượu, vợ dìu chồng”. Nhà vua chợt hiểu liền cười và thưởng cho rất hậu.

6. Lời tiên đoán

Một hôm, lúc chầu trong triều, vua hớn hờ nói với Vinh:- Trẫm có nhiều con trai, việc thiên hạ không việc gì phải lo ngại nữa!

Lương Thế Vinh tâu:

- Lắm con trai là lắm giặc. Không lo sao được!

Vua lấy làm lạ hỏi:

- Ta không rõ sao lại thế?

Trạng tâu không úp mở:

- Ngôi báu chỉ có một. Bệ hạ có nhiều con trai càng có nhiều sự tranh giành ngôi báu. Như vậy phải lo lắm chứ!

Đúng như lời tiên đoán của ông. Sau đó con cháu nhà vua tranh giành ngôi thứ, chém giết lẫn nhau, làm cho triều chính đổ nát, trăm họ lầm than. Chỉ ba chục năm sau khi Thánh Tông mất, Mạc Đăng Dung đã nhân cơ hội mà cướp ngôi nhà Lê.

7. Răn dạy các quan

Lương Thế Vinh rất ghét những viên quan hống hách, hà hiếp nhân dân. Ông có nhiều học trò giỏi đỗ cao, làm quan lớn. Với học trò nào ông cũng dạy về lòng yêu dân, đức khiêm tốn.

Có lần, một viên quan huyện hách dịch đã bị ông cho một bài học, làm trò cười cho thiên hạ. Bữa ấy, ông đi thăm bạn bè, ngồi nghỉ chân ở quán nước bên đường. Bỗng thấy một đoàn rước quan huyện đi qua. Dân trong vùng đều biết viên quan này thường hay bắt người dọc đường khiêng cáng, bèn bảo nhau trốn chạy cả. Vì không biết lẽ đó nên ông cứ ung dung ngồi nghỉ đến khi tên lính hầu của quan huyện lôi ra bắt khiêng cáng. Lương Thế Vinh khúm núm bước lại ghé vai khiêng cáng. Khi cáng quan đi đến chỗ bùn lầy giữa đường, ông vờ trượt chân văng cáng, hất vãi quan huyện ngã chổng gọng giữa vũng, ao, mương, cần đai bê bết bùn. Quan huyện đỏ tím mặt mày nổi giận, đang toan định đổ cơn thịnh nộ lên đầu kẻ hầu hạ mình thì Trạng vẫy người đi đường, nói lớn:

- Bác qua làng gọi hộ anh học trò tôi là thám hoa Văn Cát ra khiêng hầu vâng quan huyện thay thầy.

Quan huyện nghe xong xanh xám mặt mày, cuống quýt nhảy xuống cáng rồi quỳ mọp xuống bùn lầy như bố củi, xin quan trạng tha tội. Lương Thế Vinh nhẹ nhàng lấy lời răn dạy, từ đó viên quan huyện chưa thói hống hách với dân.

7. GIÁP HẢI - TRẠNG ÁC

(1515 - 1585)

Giáp Hải (1515 - 1585), sau đổi tên là Giáp Trường, hiệu Tiết Trai, người làng Đình Kế, huyện Phượng Nhãn (nay thuộc xã Đình Trì, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang), còn gọi là Trạng Kế hay Trạng Ác- do tính ông rất ngay thẳng. Ông đỗ Trạng nguyên năm Đại Chính thứ 9, Mậu Tuất (1538), đời Mạc Thái Tông, làm quan đến Thượng thư Bộ Lại kiêm Đông các Đại học sĩ, Nhập thị Kinh diên, tước Kế Khê Bá, Luân Quận Công. Không rõ năm tháng mất, nhưng phải sau năm 1566, do năm này ông còn đi đón Lê Quang Bí đi sứ nhà Minh trở về (theo Đại Việt Sử ký toàn thư). Sáng tác của ông hiện nay cũng không rõ là có bao nhiêu, nhưng có một cuốn được Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục nhắc tới là *Bang giao bị lãm*.

Năm 1998, một nhóm công nhân đã phát hiện một hòm đá hình chữ nhật tại xã Đình Trì. Hòm đá gồm hai phiến đá nhẵn chồng khít lên nhau. Phần áp mặt vào nhau của hai phiến đá có văn bản viết bằng chữ Nho. Sau khi dịch nghĩa, người ta biết đây là di văn của Giáp Hải, được ông soạn kỹ càng rồi yểm xuống mộ Khánh Sơn tiên sinh (cha đẻ Giáp Hải) vào năm Tân Dậu, 1549. Một điều thú vị là phần nắp đây có những dòng chữ viết thêm cho biết ngôi mộ đã được chuyển từ núi Ngò về xã Đình Trì hiện nay như thế nào. Như vậy, việc tranh cãi ông là người Bắc Giang hay Hà Nội (ngày nay) có lẽ sẽ đi đến hồi kết.

Xung quanh cuộc đời ông có khá nhiều huyền thoại li kì. Như chuyện cha, mẹ ông là người ở Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội, khi ba tuổi ông bị một phú thương bắt cóc đưa lên Phượng Nhãn. Hay chuyện ông lấy một người vợ là con gái Nam Hải Long Vương v.v. Đáng chú ý nhất là các giai thoại về ông hiện đang lưu truyền tại Bát Tràng, Gia Lâm như sau.

1. Bài thơ vịnh bèo”

Năm Đinh Dậu, nhà Minh mượn cơ phò Lê diệt Mạc hòng thôn tính nước ta, sai đô đốc Cửu Loan và tướng Mao Bá Ôn đem quân hùng hổ tiến vào cửa ải Pha Lũy. Chúng gửi chiến thư cho triều đình Mạc, bảo phải đầu hàng thì mới tránh khỏi hoạ. Kèm theo thư là một bài thơ Beo thách hoạ, dưới ký tên Mao Bá Ôn.

“Tuỳ diên trực thuỷ mạc ương châm
Đáo xứ khan lai thực bất thâm
Không hữu căn miêu không hữu diệp
Cảm sinh chi tiết, cảm sinh tâm
Đồ chi tự sử ninh chi tán
Đản thức phù thời ná thức trầm
Đại để trung thiên phong khí ác
Tảo quy hồ hải tiện nan tầm”.

(Mọc theo ruộng nước hóp như kim
Trôi dạt lênh đênh chẳng đứng im
Nào có gốc sâu, nào có lá
Dám sinh cành nhánh, dám sinh tim
Tự rồi đã chắc không tan tác

Nơi đó nào này chàng đang chìm

Đến lúc trời cao bùng gió dữ

Quét về hồ bể hắt khôn tìm)

Vịnh bèo nhưng dụng ý của Mao Bá Ôn là coi khinh nước Nam sức yếu lực nhỏ, mong manh trôi dạt như cánh bèo mặt nước lênh đênh, chỉ một cơn gió là tan tác. Vua Mạc Đăng Dung giao cho Giáp Hải lên tận biên ải. Trong khi giao tiếp, Trạng Giáp Hải đã hoạ đáp:

“Cầm lâm mật mật bất dung châm

Đái diệp liên căn khởi kế thâm

Thường dữ bạch vân tranh thủy diện

Khẳng giao hồng nhật truy ba tâm

Thiên trung lãng đã thành nan phá

Vạn trận phong xuy vĩnh bất trầm

Đa thiếu ngư long tàng giá lý

Thái công vô kế hạ câu tầm”.

(Ken dây vải gấm khó luôn kim

Rễ lá liền nhau, động vẫn im

Tranh với bóng mây che mặt nước

Chẳng cho tia nắng rọi xuyên tim

Sóng dồi muôn lớp thường khô g vờ

Gió táp ngàn cơn cũng chẳng chìm

Nào cá nào rồng trong ấy ẩn

Cần câu Lã Vọng biết đâu tìm).

Trong bài thơ hoạ, thấy lời lẽ mạnh mẽ, Mao Bá On và Cửu Loan bàn bạc với nhau, nhận định rằng nước Nam có thực lực, còn nhân tài, chưa thể nuốt trôi được, lạng lẽ có trật tự cho lui binh về từ bỏ ý định xâm chiếm.

2. Giai thoại nguồn gốc

Trạng Ác chính tên là Giáp Hải đỗ trạng nguyên Khoa Mậu Tuất năm Đại Chính nhà Mạc (1538). Sở dĩ có tên ấy là vì ông ngay thẳng quá, nhiều người bất mãn thù oán và sau khi chết rồi, ông cũng vẫn không chừa tính ấy, còn hiện lên chữ cả tiến sĩ nguyên Văn Thịnh làm cho ông Thịnh sợ hết hồn.

Mẹ Giáp Hải là người làng Công Luận, huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên (Bắc Việt). Bà cụ ấy khi còn trẻ nghèo lắm chỉ có một gian nhà tranh ở cạnh đường bán hàng nước. Theo Phan kể Bính bấy giờ có một người Tàu đi qua đường, vào hàng nghỉ, lúc đi bỏ quên một túi bạc. Cách nửa tháng nữa mới hốt hoảng lại hỏi thì bà ấy đem cả túi bạc ra trả lại, vẫn nguyên như lúc trước.

Người khách sửng sốt xin biếu lại một nửa, bà ấy không lấy nói rằng:

- Tôi chỉ vì không ưa của bất nghĩa cho nên tôi mới nghèo thế này, sao bây giờ tôi lại chịu lấy của ông.

Người khách cảm tạ bụng ấy, mới hỏi rằng:

- Mồ mả đáng tiền nhân nhà bà ở đâu, tôi tìm giúp cho bà một gói đất hay.

Bà kia nói:

- Tôi là dân bà, chỉ có tội một mình, không có anh em nào cả. Nay đã ngoài bốn mươi tuổi, đâu cần được đất hay bao giờ phát đạt? Mà phát đạt thì làm gì nữa?

Người khách nói:

- Nếu được chỗ đất hay, thì đầu đàn bà cũng phát phúc.

Bà ấy mới đưa người khách đến chỗ ngôi mộ cha bà ấy. Người khách lập tức tìm được khu đất đẹp, rồi dặn rằng:

- Về sau thấy ai có nạn đến đây mà sẵn lòng cứu người ta, thì sẽ có sự may mắn. Cơ trời huyền diệu lắm!

Nửa năm sau, xảy có người làng Bát Tràng, nhà nghèo, đi làm mướn kiếm ăn, khi ấy trời đã tối, gặp phải mưa gió, quần áo ướt lướt thướt rét run cầm cập, qua hàng xin vào trọ một tối. Bà ấy hỏi đầu đuôi căn kè biết là ông đánh dấm làng bên, cho vào ngủ, rồi đốt lửa cho sưởi và dọn cơm cho ăn. Đêm hôm ấy rét lắm, mà nhà thì chỉ có độc một chiếc chiếu. Người kia thì rét không thể nào mà không nhường được chiếu cho. Mà để cho khổ thì chẳng đành lòng mới cho nằm chung một giường mà ngủ.

Chàng kia đã được no ấm lại nằm chung với đàn bà lạ gì lửa gần rơm, tình cảm nảy sinh. Không ngờ đêm đó chàng kia bị chứng hạn thấp, chỉ được một lúc thì tắt hơi lạnh ngắt. Bà ấy kinh hoàng vô cùng, sợ quan trên bắt vạ khi phát giác ra, đang đêm phải lôi ra đám tha ma vùi xuống. Từ hôm đó bà thấy trong mình khác.

Được vài tháng nữa, người Tàu lại đến hỏi rằng:

- Từ khi táng mả đến giờ đã làm được việc gì cho người nào chưa?

Bà ấy đưa ra chỗ mả người tình xa lạ kia. Ông khách ngắm nghía một hồi rồi nói rằng:

- Bà quả là người có phúc!. Ngôi đất này là huyết thiên tán đấy, nếu có thai thì tất sinh ra Trạng Nguyên tể tướng.

Bà ấy đầy năm, quả nhiên sinh được một con trai, cốt cách lạ thường. Khi lên bốn tuổi, ra chơi ngoài bờ sông, xảy

có người lái buôn ở làng Sinh Ke, huyện Phương Annon, dời thuyền qua bến, trông thấy thằng bé nhẵn nhụi, ăn cắp đem xuống thuyền đi mất.

Bà kia tìm con đâu cũng không thấy tưởng là chết đuối dưới sông rồi, sầu thảm không biết ngần nào.

Người lái buôn từ khi đem đứa bé về, yêu mến lắm, khi mới lớn lên, tìm thầy cho đi học. Giáp Hải - tên đứa bé - học hành tấn tới, văn chương hay nhất trong làng. Đến năm ba mươi hai tuổi, thi đỗ Trạng nguyên.

Hôm vinh quy về làng, phải phục dịch khó nhọc, có người biết nguyên ủy ông ấy, bảo riêng với nhau:

- Không biết người ở xứ nào đến đây làm khổ dân ta thế này !

Giáp Hải nghe lỏm được câu ấy, không biết vì cớ ra sao. Một hôm, xét xem các mỗ mã tổ tiên, thì không có ngôi nào đáng phát Trạng nguyên, trong bụng hồ nghi lắm. Nhân mới hỏi những người quen thuộc, có người biết chuyện nói với ông ấy. Giáp Hải mới đến tận làng Công Luận dò xem, thì thấy có bà cụ già ngoài bảy mươi tuổi, bán hàng bên cạnh đường, trông ra tình cảnh khốn đốn lắm.

Giáp Hải sai người vào hỏi rằng:

- Bà cụ kia có chồng con gì không, sao mà khốn khó một thân một mình đến thế?

Bà cụ nói:

- Tôi là người ở làng này, khi xưa có sinh được một mụn con trai, đã bốn, năm tuổi, chơi với trẻ con ở bờ sông, rồi không biết nó lạc đi đâu mất. Bây giờ chỉ một thân, không biết nương cậy vào ai, tình cảnh sầu thảm, nói ra không xiết.

Giáp Hải độ là mẹ mình, mới sai người bảo rằng:

- Bà cụ gia ca mà không có ai trông nom, đi theo về với tôi để tôi nuôi cho, có bằng lòng không?

Bà kia nói:

- Nếu quan lớn có bụng thương tôi như thế thì phúc cho tôi lắm.

Giáp Hải mới đem về nuôi nấng, nhưng cũng chưa dám chắc là mẹ. Chân Giáp Hải vốn có cái nốt ruồi đỏ, thường khi ngồi nhàn để lộ ra. Bà cụ ấy một hôm trông thấy, cứ nhìn tròng trọc không chớp mắt.

Người nhà quả rằng:

- Quý thể quan lớn, bà cụ kia sao dám nhìn mãi thế ?

Bà kia nói:

- Tôi khi xưa, sinh được một đứa con trai cũng có cái nốt ruồi như thế nay tôi trông thấy, tôi lại nhớ đến con tôi, cho nên tôi nhìn ngắm một chút, xin quan lớn thứ lỗi cho tôi.

Giáp Hải lập tức gọi bà ấy hỏi cặn kẽ từng tí, bà cụ ấy kể rạch ròi thủy chung. Giáp Hải buồn rầu mà than rằng:

- Ta bấy bọ uống mất một đời, có mẹ mà không biết; nay nhờ trời lại được gặp đây, mới biết đến mẹ.

Về sau làm đến Lại bộ thượng thư, Tái bảo Sách quốc công, về nhà trí sĩ !

Giáp Hải nhận tổ mộ ở làng Bát Tràng cho nên vẫn chỉ huyện Gia Lâm phải thờ ông ấy. Đến sau có ông tiến sĩ Nguyễn văn Thịnh, cho Giáp Hải là người làng Sinh Kế, và lại làm quan nhà Mạc muốn tước tên ông ấy ở trong sổ tiên hiền huyện Gia Lâm. Đêm nằm mơ thấy Giáp Hải mắng rằng:

- Tao tội gì mà mày tước tên tao, mày là bọn hậu sinh, sao dám khinh lờn tiền bối, sẽ có báo ứng cho mà xem.

Ông Thịnh sợ hãi, không dám xoá tên đi nữa. Nay huyện Gia Lâm vẫn có thờ, mà làng Bát Tràng cũng phải cúng tế.

3. Giáp Hải lấy vợ tiên

Ngày xưa, về đời Lê, có người Giáp Hải, quê làng Bát Tràng, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, cha mất sớm, bị bắt làm con nuôi một phú thương ở vùng khác.

Khi ra kinh để học tập, ông đi qua bến đò Bồ Đề thấy người thuyền chài bắt được một con rùa khá lớn, sắp mổ để nấu ăn, bèn hỏi mua rồi mang con rùa đến kinh đô, vào trọ ở nhà ông Lãn Bình. Ngày ngày ông vẫn nuôi nấng con rùa cẩn thận.

Ông chỉ có một thầy một trò, mỗi bữa cứ sáng sớm thì khóa cửa lại, cả hai thầy trò cùng đến trường Quốc Tử Giám học tập mãi đến chiều mới về. Cửa vẫn khóa nguyên, mở cửa vào trong nhà thì thấy đã có mâm cơm sắp sẵn tươm tất. Ông không hiểu ra sao, nhưng thầy trò có ăn hàng tháng như thế, bèn lập tâm dò xét. Một hôm ông dậy thật sớm, dẫn người học trò cứ đến trường học tập, còn ông thì đi có việc riêng rồi quay về nấp ở sau nhà để rình. Một lúc lâu thấy có người con gái rất đẹp từ trong con rùa hiện ra, tuổi trạc chừng mười bảy, mười tám, quần áo chỉnh tề, vẻ người khuê các, rồi thấy xuống đốt lửa nấu ăn. Thừa lúc cô gái đang mãi ở dưới bếp, ông lên vào nhà trên mang cái vỏ rùa giấu vào trong rương và khóa kín lại, đoạn ông chạy xuống bếp ôm ngay lấy người đẹp. Cô gái trách: “Cậu không nên làm thế, thiếp vốn là con gái Nam Hải Long Vương, chơi xa lạc đường chưa về kịp, bị người thuyền chài bắt được, nếu không gặp cậu cứu cho thì cái thân hèn mọn này đã không còn nữa. Vì cảm tấm lòng nghĩa hiệp của cậu cứu thoát sinh mạng thiếp trong lúc hiểm nghèo nên thiếp phải hy sinh để đáp lại cái ơn nghĩa lớn lao đó, mong cậu thương đến thiếp là một kẻ lạc loài mà kết nghĩa trăm năm thì thiếp lấy làm hân hạnh lắm”.

Từ đó hai người ăn ở với nhau rất đầm thắm, vui vẻ.

Được ít lâu, cô gái bảo với chồng rằng: “Từ khi em lỡ bước lạc đường may sao nhờ cậu cứu thoát, lại được cùng cậu kết làm vợ chồng thật là vinh hạnh cho em lắm. Song còn mẹ và gia quyến em bấy lâu chẳng biết tin tức của em ra sao, em vẫn hằng ngày băn khoăn thương nhớ. Vậy em muốn mời cậu xuống chơi thủy cung để em được gặp mẹ già”.

Giáp Hải nói:

“Anh hiện đang cố học tập để sang năm đi thi, nếu theo em về Thủy cung, thì bỏ dở cả việc học”.

Cô gái nói: “Xin cậu đừng ngại điều đó. Cạnh nhà em ở dưới Thủy cung cũng có trường học của cụ Trạng Lương, người làng Cao Lương huyện Thiên Bản, rất tiện việc học cho cậu”.

Giáp Hải nghe nói có ý lấy làm ngần ngại không muốn đi, nhưng cô gái hết sức khuyên nài, và lại vợ chồng hương lửa đương nồng, nên ông cũng đành nghe theo. Hối đường lối xuống Thủy cung, cô gái nói:

“Cậu cứ trả lại xác rùa cho em, rồi đem nó đến chỗ đã mua rùa khi trước, để em đi lối nào thì cậu cứ theo em mà đi, tức khắc sẽ đến Thủy cung”.

Giáp Hải liền mở rương trả lại xác rùa, cô gái nhập vào con rùa. Theo lời đã dặn, ông lại mang rùa đến bến Bồ Đề cho rùa bò xuống sông, bỗng thấy mặt nước rẽ tách ra làm đôi thành đường đi. Ông cứ theo rùa mà đi, đến một nơi thấy có mấy tòa cung điện nguy nga. Bỗng thấy cô gái lại hiện ở trong rùa mà ra, đưa ông vào chào thân mẫu và kể lại đầu đuôi về sự gặp gỡ của hai người. Cha đã mất, mẹ là Long Thái Hậu thấy con gái trở về lại có chồng rất lấy làm mừng, bèn nhận ông là rể và mở tiệc làm lễ cưới cho con gái rất trọng thể, rồi cho hai vợ chồng ở riêng một cung điện.

Được mấy hôm ông nhắc đến việc học, vợ sai người đưa

ông sang thăm trường của cụ Trọng Lương. Ông thấy học trò rất đông và cụ Trọng đang ngồi trên giảng văn chẳng khác gì trên trần vậy. Đèn gần vái chào, cụ trở tay vào mặt ông mà nói: “Anh này trông tinh thần kiện vượng, hẳn là người trần gian. Tại sao lại xuống đây?”

Ông cứ thật sự trình bày. Cụ mời ông ngồi và kể chuyện: “Thuở bình sinh tôi đỗ Trạng Nguyên về đời vua Lê Thánh Tôn, được ở hàng nhị thập bát tú hội Tao Đàn, cũng không đến nỗi phụ đèn sách. Còn về phần anh sau này cũng được vinh hiển. Có lần tôi lên châu Thượng Đế được dự hội đồng Nam Tào, khi thảo luận về văn chương và đạo đức của người Việt, có nghe nói đến Giáp Hải và đã thấy định cho anh đỗ Trạng Nguyên về khoa thi sang năm”.

Được ít lâu Giáp Hải nói với vợ xin phép nhạc mẫu cho về trần gian để đi thi. Long Thái Hậu dặn rằng: “Anh là người học thức uyên thâm và đức hạnh, ắt sẽ đỗ cao. Đến khi công thành danh toại tôi sẽ cho người đón anh xuống để cùng đoàn tụ”. Rồi bà sai mở tiệc tiễn biệt. Tiệc xong vợ ông và mấy sứ giả thủy cung đưa ông lên cõi trần.

Khi về tới kinh thành thì kỳ thi sắp tới, nên ông ở lại đây để kịp kỳ thi. Khoa ấy vào năm Mậu Thìn, niên hiệu Đại Chính nhà Mạc, lấy đỗ ba mươi sáu tiến sĩ, Giáp Hải đỗ đầu tức là Trạng Nguyên. Ông vinh quy về làng bái yết tổ tiên và cha mẹ nuôi rồi sang làng Cao Hương để viếng mộ cụ Trọng Lương. Được ít lâu bà Thái Hậu Long cung sai sứ lên mời ông xuống nhưng ông vừa được bổ làm quan, mới dặn sứ giả về thưa với nhạc mẫu tha lỗi cho và xin cho vợ ông lên dương gian để đoàn tụ với ông. Sau ông làm đến Thượng Thư, được phong chức Đế Quốc công.

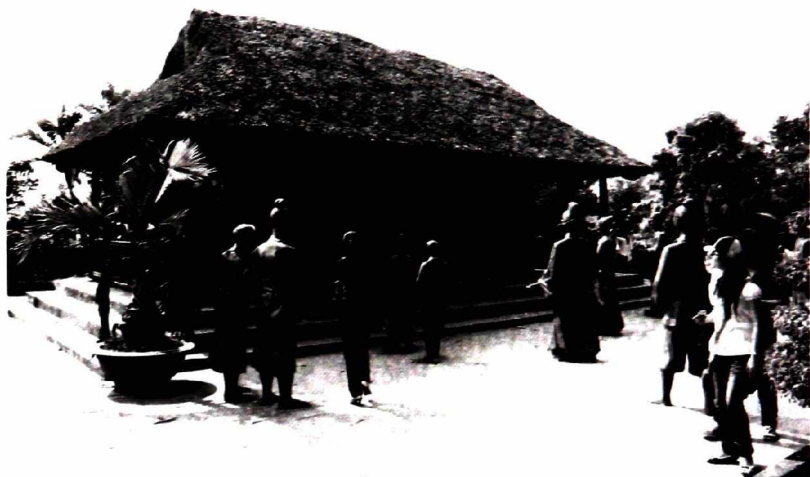
Người vợ Thủy Cung của ông sinh được một đứa con trai, đặt tên là Giáp Phong, học đỗ tiến sĩ. Con cháu ông về sau đều thịnh đạt.

8. NGUYỄN BÌNH KHIÊM - NHÀ THÔNG THÁI LỚN

(1491 - 1585)

Nguyễn Bình Khiêm sinh năm 1491, mất năm 1585, người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại (nay là xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, ngoại thành Hải Phòng). Sinh trưởng trong một gia đình vọng tộc (cháu ngoại quan thượng thư Nhữ Văn Lan) có học vấn, cả hai thân mẫu đều là những người có văn tài học hạnh nên Nguyễn Bình Khiêm từ sớm đã hấp thụ truyền thống gia giáo kỷ cương. Nhất là phụ mẫu của Nguyễn Bình Khiêm, tương truyền bà là người giỏi giang văn tài và tinh thông địa lý, tướng số. Ngay từ khi Nguyễn Bình Khiêm cất tiếng khóc chào đời, thấy con mình có tướng mạo khác thường, bà đã dốc lòng đào tạo con trai thành một tài năng giúp nước, cứu đời. Niềm thôi thúc đó khiến Nguyễn Bình Khiêm sớm tìm được thầy học có đạo cao đức cả là cụ bảng nhãn Lương Đắc Bằng. Với trí tuệ mẫn tiệp, thông minh từ nhỏ, lại gặp thầy giỏi khác nào như rồng gặp mây. Nguyễn Bình Khiêm sớm thành tài năng kiệt xuất nổi tiếng. Và sau này, tài học vấn uyên thâm của ông đã vượt xa thầy. Tương truyền Lương Đắc Bằng là người giỏi lý học, đã đem sách Thái Ất thần kinh ra dạy cho học trò, nhưng có những điều trong sách ấy Lương Đắc Bằng cũng không hiểu được mà chỉ có Nguyễn Bình Khiêm sau này mới lĩnh thông.

Lớn lên trong một giai đoạn lịch sử nhà Lê suy thoái, các phe phái trong triều đổ ỵ, chém giết lẫn nhau. Năm



Khi trở về ở ẩn, ông vẫn mở trường dạy học, mong đào tạo cho đời những tài năng “kinh bang tế thế”. Đồng thời từ Am Bạch Vân ở vùng quê thôn dã, ông đã từng đưa ra những dự báo, kiến giải chính xác cho 3 thế lực phong kiến: Trịnh, Nguyễn và Mạc.

1572, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê lập ra một triều đại mới. Thế là suốt cuộc đời thanh niên trai trẻ, Nguyễn Bình Khiêm phải sống trong ẩn dật, không thi thố được tài năng. Mãi tới năm 1535. Lúc này đã 45 tuổi, ông mới đi thi. Ba lần thi Hương, thi Hội, thi Đình ông đều đỗ đầu và đỗ Trạng nguyên. Từ đấy, ông làm quan với tân triều, nhà Mạc phong chức Tả thị lang (chức đứng hàng thứ ba trong bộ Hình). Triều đình nhà Mạc rất trân trọng Nguyễn Bình Khiêm. Ông hy vọng triều đại nhà Mạc có thể xây dựng lại đất nước. Lúc này, Mạc Đăng Dung đã nhường ngôi cho con là Mạc Đăng Doanh và rút về làm Thái thượng hoàng. Doanh là người tỏ ra có chí khí đảm lược. Nguyễn Bình Khiêm, một nhà học giả uyên thâm, một trí thức dân tộc đã nhìn thấy điều đó. Và ông

hy vọng: với nhân vật này, triều đại mới có thể đưa đất nước thoát khỏi tình trạng rối ren mà vua tôi nhà Lê và các tập đoàn phong kiến trước đó gây ra.

Nhưng niềm tin đó bị thất vọng. Là một học giả, học rộng biết nhiều, trong thơ ông hay nhắc tới sự thăng trầm “thương hải biến vi tang điền” (biển xanh biến thành nương dâu) của trời đất, tạo vật và cuộc đời trôi nổi như “phù vân”. Ông thương xót cho “vận mệnh” quốc gia và cảm thông sâu sắc tình cảnh của “dân đen”, “con đỏ”. Ông thật sự mong muốn đất nước thịnh vượng, thái bình. Tương truyền, hình như để tránh những cuộc binh đao khói lửa, tương tàn cho chúng dân và nhìn thấy trước thời cuộc, “vận mệnh” của đất nước trong hoàn cảnh ấy chưa thể có những lực lượng đảm đương được việc thống nhất, nên khi các tập đoàn phong kiến đến hỏi kế sách, ông đều bày cho họ những phương sách khác nhau để giữ thế “chân vạc”. Năm 1568, Nguyễn Hoàng thấy anh là Nguyễn Uông bị Trịnh Kiểm sát hại, lo cho “số phận” nên đã ngầm cho người hỏi kế an thân, Nguyễn Bình Khiêm nói: “Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân” (ngụ ý nói: Dựa vào một dải Hoành sơn có thể lập nghiệp được lâu dài). Thế là Nguyễn Hoàng tức tốc xin anh rể là Trịnh Kiểm cho vào trấn thủ đất Thuận Hóa (từ Đèo Ngang trở vào).

Tại Thăng Long, thời ấy chúa Trịnh cũng ra sức ức hiếp vua Lê và muốn phế bỏ, liền cho người hỏi ý kiến Nguyễn Bình Khiêm. Ông không trả lời và lảng lạng dẫn sứ giả ra thăm chùa và nói với nhà sư: “Giữ chùa thờ Phật thì ăn oản”, ngụ ý muốn khuyên chúa Trịnh cứ tôn phò nhà Lê thì quyền hành tất giữ được. Nếu tự ý phế lập sẽ dẫn đến binh đao. Còn đối với nhà Mạc, sau những cuộc chiến tranh liên miên, phải bỏ chạy lên Cao Bằng thế thủ, vua Mạc cho người về hỏi ý kiến Nguyễn Bình Khiêm, ông đã trả lời: “Cao Bằng tuy hiểm, khả diên sở thế” (Cao Bằng tuy đất hẹp, nhưng có thể giữ được vài đời). Quả nhiên, mãi đến năm 1688, sau ba đời giữ

đất Cao Bằng, nhà Mạc mới bị diệt. Các truyền thuyết trên đây muốn chứng tỏ rằng Nguyễn Bình Khiêm là người có tài tiên đoán, do nắm được bí truyền của sách Thái Ất thần kinh. Vả lại còn truyền thuyết nữa về Trạng Trình với tập Trình quốc công sấm ký. Tương truyền trong tập sách đó, ông đã tiên tri và biết trước các sự việc nhân tình thế thái, thời cuộc xảy ra “năm trăm năm sau”. Thực, hư thế nào, còn là vấn đề cần phải nghiên cứu khẳng định hay phủ định của các nhà học giả Việt Nam sau này để trả lại giá trị xứng đáng cho Nguyễn Bình Khiêm. Đương nhiên, một điều cần khẳng định: Nguyễn Bình Khiêm thật sự là nhà học giả “thượng thông thiên văn, hạ tri địa lý, trung tri nhân sự” (trên trời hiểu thiên văn, dưới đất tường địa lý, ở giữa hiểu con người).

Nguyễn Bình Khiêm đã để lại cho hậu thế những tác phẩm văn thơ có giá trị như: Tập thơ Bạch Vân (gồm hàng trăm bài thơ chữ Hán còn lưu lại) và hai tập: Trình quốc công Bạch vân thi tập và Trình quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập hay còn gọi là Bạch Vân quốc ngữ thi (với hàng trăm bài thơ chữ Nôm). Thơ Nguyễn Bình Khiêm giàu chất liệu hiện thực, mang tính triết lý sâu xa của thời cuộc. Ông phê phán gay gắt bọn tham quan ô lại hút máu, hút mỡ của dân. Thơ ông còn truyền đạt cho đời một đạo lý đối nhân xử thế, đạo vua tôi, cha con và quan hệ bầu bạn, hàng xóm láng giềng. Đọc thơ ông là thấy cả một tấm lòng lo cho nước, thương đời, thương dân, và một tâm hồn suốt đời da diết với đạo lý: “Tiên thiên hạ chi ưu phi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc” (lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ). Vì thế khi về ở ẩn, ông vẫn mở trường dạy học, mong đào tạo cho đời những tài năng “kinh bang tế thế”. Học trò của ông cũng có người trở thành danh tướng, Trạng nguyên như: Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Quylene...

Có thể nói ở thế kỷ 16, Nguyễn Bình Khiêm là nhà triết học lớn của Việt Nam. Tư tưởng triết học của ông “không bận

tâm đi vào xu hướng duy lý... đi tìm khái niệm bản thể luận như Lão Tử, như triết học Phật giáo hay cái phóng nhiệm nhiều lúc đến nguy biên của Trang Tử. Ông hiểu sâu sắc triết học Tống Nho nhưng không đi vào sự câu nệ vụn vặt, không lý giải quá sâu cái lý, có khi rắc rối, hoặc chẻ sợi tóc làm tư để tìm hiểu, biện giải nhiều thứ mơ hồ rối rắm trong những khái niệm hỗn tạp đó. Với sự uyên thâm vốn có, ông được triều đình nhà Mạc và sĩ phu đương thời phong là Trình tuyên hầu, tức là một vị Hầu tước khởi nguồn dòng suối triết học của họ Trình (tức Trình Di, Trình Hiện - hai nhà triết học khai phá ra phái Lạc Dương của Tống Nho), hoặc đời còn gọi ông là cụ Trạng Trình. Tuy vậy, triết học của ông là triết học đã được sống dậy, biểu hiện trong thơ như sự gợi ý mạch bảo của cuộc sống thực tiễn. Ông chất lọc từ trong nhận thức triết học mà mình thu lượm được, phép biện chứng nhìn bên ngoài có vẻ như thô sơ để giải đáp nhiều hiện tượng tự nhiên và xã hội nảy sinh ở quanh mình. Trong thơ ông, ngoài mặt triết lý nhân sinh, nổi bật lên những suy ngẫm chiêm nghiệm, đúc kết như muốn vươn lên khái quát “luật” đời bằng những phạm trù triết học. Vì lẽ đó, ông rất hay dùng đến những cặp phạm trù đối lập như: đen - trắng, tốt - xấu, đầy - vơi, sinh - diệt, vuông - tròn, để giải bày quan niệm triết lý nhân sinh của mình.

Tuy nhiên, “một hạn chế dễ nhận thấy trong tư tưởng triết học của Nguyễn Bỉnh Khiêm là tuy nắm được phép biện chứng, nhưng vẫn nặng về duy tâm. Quan niệm về sự phát triển của ông còn nằm trong khung tròn khép kín chứ chưa phải là vòng tròn xoáy ốc. Đó là sự phát triển tuần hoàn, là cái phép biện chứng của Chu dịch... ông đã nhận được trong nền giáo dục Nho học đương thời, cộng với phép biện chứng thô sơ của Lão Tử trong Đạo đức kinh. Đó cũng là những hạn chế đương nhiên của rất nhiều nhà triết học cổ đại” (Đào Thái Tôn).

Nhìn lại toàn bộ tiến trình lịch sử và con người thế kỷ 16, Nguyễn Bình Khiêm(1) xứng đáng là “cây đại thụ”, nhà học giả, nhà triết gia của thế kỷ.

Sau đây là một số giai thoại về ông

1. Con người đàn bà nuôi chí lớn

Nguyễn Bình Khiêm sinh ra từ một cuộc hôn nhân không bình thường, và phần chủ động thuộc về mẹ ông, Nhữ Thị Thục, người đất Tiên Minh, làng An Tử hạ. Ngoại của Nguyễn Bình Khiêm là Nhữ Văn Lan, một người thông minh khác thường từ tấm bé, khi lớn lên đã làm rạng rỡ dòng họ và quê hương với bằng vàng tiến sĩ, khoa thi năm Quý Mùi, niên hiệu Quang Thuận, đời Lê Thánh Tông, được nhà Vua tin dùng, phong chức Thượng thư bộ Hộ.

Theo người ta kể lại thì bà Nhữ Thị Thục là bậc nữ lưu phong vận tài hoa vào bậc nhất chốn kinh kỳ thời bấy giờ.

Điều khó hiểu là suốt thời kỳ con gái, theo cha, với những cuộc giao thiệp hết sức rộng rãi mà địa vị người cha cho phép, bà vẫn hoàn toàn thờ ơ với tất cả, từ ông trạng, ông nghè, ông tổng. Có lẽ trong quan niệm riêng của bà thì tất cả những tài năng của những con người ấy chỉ đủ để thi đỗ làm quan, phục tùng vua. Tuổi trẻ bà trôi qua với những cuộc giao du sơn thủy.

Thế rồi chỉ một lần gặp gỡ với ông đồ nhà quê tên Nguyễn Văn Định bà đã tự nguyện gá nghĩa. Bà Thục rất tinh thông thuật số, bà đến với ông Định chỉ vì nhận thấy ở ông có tướng sinh quý tử. Từ nhỏ, bà đã nuôi chí lớn: chồng bà phải là Vua, hoặc sinh con ra làm Vua. Bà cũng đoán trước, ngay từ thời nhà Lê còn cực thịnh, bước đường suy vong của triều Lê chẳng còn bao xa. Nhưng rồi thực tế dường như đã không đáp ứng được mong muốn của bà, “quý tử” của bà sau này danh vọng lấm chít đồ trạng nguyên là cùng. Vì vậy, giữa

hai vợ chồng thường xảy ra xích mích.

Lần nọ, bà Nhữ Thị Thục đi chợ, ông Văn Định ở nhà trông con. Ông buộc dây vào cành tre, kéo lên, kéo xuống cho con chơi và nói:

- Nguyệt treo cung, nguyệt treo cung!

Tưởng con không biết gì, chẳng ngờ Văn Đạt (tên lúc nhỏ của Binh Khiêm) nói:

- Vịn tay tiên, nhè nhẹ rung.

Khi bà Thục về, Văn Định khoe chuyện ấy bảo là con trai họ thông minh. Không dè, bà Thục nói:

- Nguyệt tượng trưng cho bầy tôi! Nuôi con mong thành Vua, thành Chúa, chứ thành bầy tôi thì nói làm gì.

Lần khác, biết vợ thường soạn những câu ca để dạy con và ghi lại trong sách, khi vợ đi vắng Văn Định lấy sách của vợ tìm một câu để dạy con, thấy câu:

“Bống bống, bang bang, ngày sau con lớn, con tựa ngai vàng”

Văn Định hoảng sợ, cho là ý kiến phản nghịch, có thể bị tội chém đầu, bèn chữa chữ “tựa” thành “vịn”. Bà Thục về đến, biết chuyện này bực lắm.

- Sinh con ra, mong con làm vua thiên hạ. Nay thấy nó dạy con làm tôi, chán quá! Rất tiếc thân này là phận gái.

Vì nhiều quan niệm bất đồng, bà Thục đã bỏ nhà ra đi, không bao giờ trở lại với chồng và con, cho cả đến khi nhắm mắt cũng vậy.

Tương truyền khi còn sống với Văn Định, có lần bà Thục ra Đồ Sơn, gặp một người dân chài, oai vệ, cao to, sắc sảo, vừa thi trúng võ cử, sắp đi làm lính túc vệ, bà giật mình than rằng: Người này mới thật là người mà ta mong ước - Tiếc thay

khi đó bà đã là gái có chồng.

Người ấy, sau này cướp ngôi nhà Lê, lên làm Vua, mở đầu cho triều Mạc (1527), Mạc Đăng Dung.

Có truyền thuyết cho rằng, sau khi bỏ đi, bà Thục đã bước thêm bước nữa, ít lâu sau sinh hạ ông Phùng Khắc Khoan. Về sau Phùng Khắc Khoan theo học Nguyễn Bình Khiêm, được ông coi như em ruột. Như vậy, tuy bà Thục có hai người con đều đỗ đạt và đều nổi tiếng, nhưng dù sao thì bà cũng không đạt được cái chí lớn lao của mình.

2. Số chỉ làm Trạng

Nguyễn Bình Khiêm thông minh lạ thường. Đầy thôi nôi đã biết nói, lên bốn được mẹ dạy cho học thuộc lòng các bài chính nghĩa của kinh, truyện cùng với mười bài thơ Nôm.

Tương truyền một hôm, bà Thục đưa Nguyễn Bình Khiêm về quê ngoại thăm gia đình, dọc đường gặp một thầy tướng số Trung Hoa. Thấy Bình Khiêm có tướng mạo lạ thường, ông bèn nói:

- Đứa trẻ này về sau có thể làm tới ngôi vương.

Nhưng rồi sau khi xem kỹ lại, ông than:

- Da khô quá, thật là đáng tiếc! Cùng lắm chỉ là trạng nguyên mà thôi.

Tuy thất vọng, nhưng bà Thục vẫn không thôi nuôi chí lớn. Bà hi vọng “nhân định thắng thiên”, bà mong rằng với âm trạch của tiền nhân, quyết sau này con bà phải ở ngôi thiên tử, để lại tiếng thơm cho muôn thế hệ mai sau.

Nhưng rồi thực tế đã không đáp ứng được mong mỏi của bà. Đứa con mà bà xem là “quý tử” ấy đã không theo kịp mẫu người lý tưởng mà bà hằng tìm kiếm. Bà xem như cuộc đời mình đã bỏ đi. Và dương công danh của Nguyễn Bình Khiêm

sau này như thầy tương số Trung Hoa dự đoán: Số ông chỉ làm trạng nguyên.

3. Thái Ất Thần Kinh

Thầy con học giỏi hơn người, cha mẹ Nguyễn Bình Khiêm quyết định cho con theo học quan Bằng nhân Lương Đức Bằng, người làng Hội Trào, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Nguyễn Bình Khiêm học rất giỏi lại nổi tiếng về văn thơ.

Một hôm, cụ Lương Đức Bằng ốm, biết rằng mình không sống lâu được nữa bèn gọi Nguyễn Bình Khiêm lại, chỉ cho ông một cái tráp nhỏ, đặt ở đầu giường, rồi bảo:

- Con hãy mang tráp đến đây, rồi mở ra lấy một bộ sách mà ta đã gói kỹ vào để sẵn trong ấy.

Nguyễn Bình Khiêm vâng lời, làm theo ý thầy. Cụ Bằng lại bảo tiếp:

- Thầy cho con quyển sách này, vì thầy nghĩ chỉ có con mới có thể hiểu nổi, nhưng con phải hứa với thầy là phải giữ gìn sách cẩn thận. Quyển sách này liên quan đến một việc khá li kỳ, thầy sẽ kể con nghe. Lần trước, khi thầy đi sứ qua Tàu, lúc trở về nước, có một cụ khách già trao cho thầy quyển sách. Thầy tưởng cho thầy nhưng sau đó, cụ ấy lại nói: "Ta không cho ngươi, ta chỉ nhờ người đem về giao lại cho một người An Nam". Thầy rất ngạc nhiên khi không nghe cụ già ấy nói đến tên họ người mà cụ muốn gửi gắm. Cụ già liền xoa tay: "Không cần. Chừng nào trong tâm linh nhà ngươi muốn cho ai thì người ấy sẽ được phần". Nói xong, ông cụ ấy bỏ đi mất, chừng đó, thầy mới hiểu ông ấy là một dị nhân. Nay, thầy giao quyển sách này lại cho con, ấy là con có phần.

Nghे lời thầy, Nguyễn Bình Khiêm mang sách về nhà, mở ra đọc. Cảm thấy không linh hội được gì mấy, ông bèn mang sách cất đi, thỉnh thoảng lại lấy ra đọc, đọc xong rồi lại cất, cứ như thế mãi. Cho tới một hôm, có một người khách đến cho Nguyễn Bình Khiêm một bài thơ. Ông giở ra xem thì thấy ngụ ý của bài thơ có phần liên hệ với những câu trong bộ sách của thầy Bằng trao, mà ông đã cất công sức đọc nhiều lần nhưng không sao thông được. Bộ sách ấy chính là bộ Thái Ất Thần Kinh mà thầy Bằng để lại cho người học trò cừ khôi của mình.

Nhờ quyển sách này mà về sau Nguyễn Bình Khiêm tinh thông số học, tinh thông mọi sự đời, đoán được thế cuộc, nổi tiếng văn hay.

4. Lấy tử vi cho cái quạt

Vào một ngày mùa hạ, bà trạng đi chợ mua về cho cụ trạng Nguyễn Bình Khiêm một cây quạt giấy.

Trạng tính ngày giờ, rồi lấy cho cây quạt một lá số tử vi. Trạng đoán ra cái ngày chết. Việc làm ấy, trạng bí mật không cho ai hay. Trạng lại nghĩ:

- Nếu để dùng lâu ngày nó sẽ rách hoặc thất lạc đi, như vậy “cái ngày chết” của nó ắt sẽ xảy ra và xảy ra rất bình thường. Nếu đúng như nó có số thật, không ai có thể ngăn cản được, thì sao ta chẳng mang cất nó đi, để xem tới ngày ấy, nó có chết thật hay không?

Nghĩ thế, nên trạng Trình niêm phong ngay cây quạt rồi treo nó lên chỗ kín đáo nhất. Tới ngày, cây quạt vẫn còn nguyên. Hôm đó, suốt từ sáng tới chiều, trạng Trình cứ ở nhà, quanh quẩn ở nơi để quạt, xem nó chết ra sao. Thình thoảng trạng lại ngấm ngía và lấy tay phui những hạt bụi bám xung quanh.

Vừa lúc ấy, có khách đến mời trạng sang ăn giỗ, ông từ chối không đi, cho rằng trạng giận việc gì nên đánh tiếng nhờ bà trạng.

Từ sáng, thấy cử chỉ kỳ dị của chồng, bà trạng đã chường mắt lăm rồi, nên khi được khách cậy nhờ, bà liền đốc thúc trạng:

- Ông ở nhà làm gì, người ta nghi tình nên sang mời, mà ông nỡ từ chối. Tôi mua quạt về cho ông dùng, chớ đâu phải để ông mang cất đi, rồi cứ ra vào mà phủi bụi cho nó như đầy tớ thế.

Vừa nói, bà trạng vừa giật lấy cây quạt xé nát tan ra từng mảnh vụn. Thấy vậy, trạng cười nói:

- Ra là thế. Cuối cùng thì ta đã biết được nó chết thế nào.

Rồi mặc cho bà trạng đứng ngẩn người ra không hiểu, trạng khăn áo chỉnh tề đi sang nhà người khách lúc sáng để ăn giỗ.

5. Ngựa đá qua sông

Dòng sông Thái Bình hiền hoà, bình lặng, chiếc dò ngang nho nhỏ vẫn cần mẫn đi về, nối liền đôi bờ. Bên này là đất Vinh Lại, nơi quê hương của trạng, một vùng đất hiếu học và trọng khoa cử. Nhưng học thì rất nhiều mà đỗ đạt thì lại ít, chẳng mấy ai làm nên những sự nghiệp lớn lao. Có thể xem vùng đất này:

“Tuần kiệt như sao buổi sớm

Nhân tài như lá mùa thu”

(Bình Ngô Đại Cáo - Nguyễn Trãi)

Dân miền Vinh Lại ăm ức vô cùng, họ tìm đến hỏi trạng cho ra nhẽ, song trạng không trả lời gì khác hơn ngoài câu:

- Thiên cơ bất khả lậu!

Dân chúng thâm bất mãn, cho rằng trạng thâm hiểm, nhỏ mọn, biết mà không nói để bản thân riêng hưởng.

Nghe tin ấy, trạng rất phiền lòng nhưng rồi thông cảm cho sự nôn nóng, sốt ruột của dân làng, trạng lại bỏ qua. Sau đó, trạng bèn làm một con ngựa, trạng còn cho thợ khắc hai câu thơ bằng chữ nho:

“Hà thời thạch mã độ giang

Thử thời Vĩnh Lại nghinh ngang công hầu”.

Tạm dịch như sau:

“Bao giờ ngựa đá sang sông

Thì dân Vĩnh Lại quận công cả làng”

Ngựa vừa dựng lên, dân làng rủ nhau đến xem rất đông...

Kể từ đó, ngày lại ngày, họ cứ chờ đợi, mong ngóng, có người tin tưởng tương lai xán lạn không xa, nhưng cũng có người lại cho rằng trạng nói thế chỉ để trấn an dân làng, chứ làm gì có chuyện ngựa đá biết đi, nói chi đến việc lợi sang sông được mà hồng những chức như quận công, đô đốc.

Nhưng rồi người dân Vĩnh Lại đã thoả nguyện, ngày lại ngày, dòng sông cuộn chảy mang theo phù sa bên lở, bên bồi. Con sông Vĩnh Lại lở thêm để bồi sang bên kia, đến cuối đời Hậu Lê thì con ngựa đá đã sang sông thật. Người thì vui mừng, người thì hối tiếc vì đã trách nhầm trạng, song ai nấy đều hy vọng một cuộc đời hiển hách. Uy tín trạng ngày càng cao hơn và đồn đi khắp nơi, đâu đâu cũng rôm rả chuyện con ngựa đá ở bờ sông Vĩnh Lại. Trai làng thì lên mặt, con gái các nơi đổ xô đến tìm nơi để làm dâu, mong sau ngày trở thành bà đô đốc hay bà quận công.

Chúa lúc ấy, trong Nam lại xảy ra cuộc chiến tranh giữa Tây Sơn và chúa Nguyễn. Tây Sơn thắng trận, rồi thừa thắng đem binh ra diệt luôn chúa Trịnh ở Bắc, trả quyền cho nhà Lê. Vua nhà Lê từ đó thoát khỏi nạn chúa Trịnh chuyên quyền, nhưng sau khi vua Hiến Tông mất, vua Chiêu Thống lên ngôi, dòng dõi của Trịnh lại trở về. Vua Lê phải triệu Hữu Chinh ở Nghệ An ra giúp. Chinh đem binh ra đánh đuổi và dẹp tan đám con cháu của chúa Trịnh còn sót lại. Nhưng Chinh lại chuyên quyền, ra mặt chống với Tây Sơn, Nguyễn Huệ thấy vậy, sai Nhậm đánh Chinh. Chinh đem vua Lê chạy trốn. Nửa đường Chinh bị Nhậm bắt, vua thì thoát nhưng phải giả dạng thường dân mang theo ân tín mà chạy. Tướng Tây Sơn đuổi theo, nhà vua phải qua sông Vĩnh Lại và ở lại làng này.

Việc vua đến lưu trú, lại thêm chuyện “ngựa đá qua sông” dân làng cho rằng đây là ý trời để làng Vĩnh Lại được oai danh hiển hách, mới rước vua về đình rồi thảo hịch chiêu mộ quân sĩ để chống Tây Sơn, sẵn có ấn tín của vua, hết người này đến người khác bức vua phong tước. Thế cùng, lực kiệt, nhà vua đành nghe theo, vậy là chỉ trong mấy ngày dân Vĩnh Lại đều thành quan này, quan nọ cả.

Phong tước xong, nhà vua từ giã để chạy sang làng khác. Hay tin dân làng Vĩnh Lại phò Lê chống Tây Sơn, Vũ Văn Nhậm đem quân vây đánh, dân làng chống cự không lại, lớp bị giết, lớp bị bắt thật thảm thương.

6. Hoành sơn nhất đại

Sau khi nhà Lê bị Mạc Đăng Dung chiếm ngôi, con của một vị tướng triều Lê tên là Nguyễn Hoàng Dụ trốn sang Lào, được vua Lào cho nương náu ở xứ Cẩm Châu, trấn Nam Phủ, tỉnh Thanh Hoá.

Năm Quý Tỵ (1532) Nguyễn Kim lập con út vua Chiêu Tông lên làm vua, gọi là Trang Tông.

Để mưu đồ đại sự, Nguyễn Kim thu nạp một kiện tướng ở tỉnh Thanh Hoá tên là Trịnh Kiểm, sau là rể của Nguyễn Kim.

Năm Canh Tý (1540), Nguyễn Kim đem quân đánh chiếm Nghệ An và thu phục luôn cả Thanh Hoá. Nhưng bỗng dưng Nguyễn Kim chết vì ngộ độc (1545), mọi binh quyền về tay Trịnh Kiểm.

Việt Nam lúc bấy giờ bị chia đôi: từ Sơn Nam trở ra thuộc nhà Mạc, gọi là Bắc Triều. Từ Thanh Hoá trở vào là khu vực của nhà Lê hay gọi là Nam Triều.

Nguyễn Kim mất, để lại hai người con trai là Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng, cả hai tuy còn ít tuổi nhưng đã bộc lộ tài năng xuất sắc hơn người. Trịnh Kiểm không khỏi lo sợ cả hai sau này có thể tranh giành địa vị với mình, nên đã ngấm ngấm ngăn trở, và vì thế Nguyễn Uông chỉ mắc một lỗi nhỏ, Trịnh Kiểm cũng buộc Nguyễn Uông phải chịu phép gia hình. Nguyễn Hoàng thấy anh bị hại, sợ đến lượt mình, liền cử người kín đáo lên hỏi Trang Trịnh. Trang không trả lời cụ thể, chỉ đứng ngấm đàn kiến bò trên hòn non bộ trước sân nhà và thốt lên một câu:

“Hoành sơn nhất dải, vạn đại dung thân”

Tạm dịch nghĩa:

“Hoành sơn một dải, dung thân ngàn đời”

Từ câu nói đó, Nguyễn Hoàng nghiệm ra rằng trang Trịnh đã bày cho kế đi vào phương Nam lập nghiệp. Nguyễn Hoàng vội vàng đến nói riêng với bà chị, lựa lời cho ông vào trấn đất Thuận Hoá, phía Nam dãy Hoành Sơn. Nhờ thế mà lập nên cơ nghiệp của họ Nguyễn ở Đàng Trong, truyền nối lâu dài.

Khi cơ đồ của nhà Nguyễn trở nên vững vàng, Nguyễn Hoàng có cho người mang lễ vật đến tạ Trạng Trình, nhưng Trạng đã cương quyết khước từ.

7. Lê tổn, Trịnh tại - Lê bại, Trịnh vong

Nhà Lê Trung Hưng dùng căn cứ ở Thanh Hoá tiến mạnh ra kinh đô. Tuy nhiên các phe phái Lê - Mạc, Trịnh - Nguyễn vẫn hăm hè, đấu trí, đấu sức nhau, mưu sự thịnh vượng cho mình. Nhiều danh sĩ lại phân vân, cân nhắc chẳng biết nên theo Lê, hay ở lại với Mạc. Trong số ấy có Phùng Khắc Khoan, mãi không chọn được hướng đi để tồn tại và phát huy hết khả năng của mình, Phùng Khắc Khoan đã tìm đến Am Bạch Vân để vấn kế Trạng Trình.

Chuyện kể rằng, khi nghe Phùng Khắc Khoan hỏi han đến sự thế, Trạng Trình không hề bảo cho Phùng Khắc Khoan là nên định hướng thế nào, dù họ đã có cả buổi ngồi đàm đạo, ăn cơm, uống rượu.

Phùng Khắc Khoan không khỏi băn khoăn, trần trọc mãi đến gần sáng mới chợp mắt được, vừa lúc ấy Trạng Trình đến đập cửa và nói vọng vào:

- Gà đã gáy rồi, sao không dậy, còn ngủ gì nữa?

Ông Khoan giật mình thức giấc, ông ngẫm hiểu ý của Trạng Trình là đã đến lúc phải vào Thanh Hoá với nhà Lê. Phùng Khắc Khoan vội vàng bật dậy, sắp đặt hành lý rồi đến chào từ biệt Trạng Trình.

Trạng vẫn không nói gì, chờ tới lúc Phùng Khắc Khoan quay gót, Trạng liền cuốn một chiếu ngán ném theo. Nghe tiếng chiếu rơi phịch cạnh chân mình, Phùng Khắc Khoan càng thêm hiểu ý của Trạng: "Phải hành động nhanh như cuốn chiếu, chứ đừng chần chờ gì nữa".

Quả nhiên vào Thanh Hoá, Phùng Khắc Khoan nhanh chóng được trọng dụng và được Thái sư Trịnh Kiểm tin tưởng, việc gì quan trọng cũng hỏi ý kiến.

Khi Lê Trung Tông mất, Trịnh muốn nhân dịp này để nhà Trịnh thay hẳn nhà Lê, vì thực chất nhà vua chỉ là hư vị, mọi công lao trung hưng và quyền bính đều ở trong tay họ Trịnh cả. Trịnh Kiểm hỏi ý, Phùng Khắc Khoan lúng túng không biết trả lời thế nào, liền bí mật phái sứ giả ra Hải Dương hỏi ý kiến Trạng Trình.

Người được cử đi về kể lại:

- Quan Trạng không bảo ban gì cả. Ngài cũng không có thư hồi đáp.

Phùng Khắc Khoan gặng tới:

- Thế ông được quan Trạng tiếp đãi ra sao? Và những câu quan Trạng nói ông còn nhớ kỹ không?

Người được cử đi lắc đầu:

- Dạ, ngài Trạng tiếp đãi rất chu đáo. Nhưng ngoài những câu giao tế bình thường, ngài chẳng nói gì hết. Chỉ trong lúc nhấp chén trà với tôi, quan Trạng có bảo người nhà một câu không ăn nhập gì vào câu chuyện cả!

- Là câu gì thế? Phùng Khắc Khoan thắc mắc.

Người đàn ông đáp sau một thoáng ngẫm nghĩ:

- Quan ngài bảo: “Năm nay thóc giống không tốt, chúng bay nên tìm thóc cũ mà gieo mạ”.

Phùng Khắc Khoan mừng rỡ bảo:

- Đó chính là lời Trạng nói với chúng ta đấy. Đâu, ông cố nhớ lại ngài Trạng còn nói gì thêm không?

- Dạ nếu thế thì có chuyện này. Vừa cận tuần trà xong, ngài Trạng đứng lên, xin ra chùa thắp hương. Tôi giữ lễ, xin

phép đi theo, đến cửa chùa, nhà sư ra đón. Trạng bảo nhà sư: “Giữ chùa, thờ Phật thì được ăn oản”.

Phùng Khắc Khoan gật đầu, rồi vội vàng đội khăn, mặc áo vào gặp Trịnh Kiểm, thuật lại từng lời nói, từng cử chỉ của Trạng Trình. Kiểm hiểu ngay ý Trạng Trình dặn: Phải tôn Lê thì mới hưởng phúc lâu dài. Và sau đó, Kiểm cho tìm người cháu của ông Lê Trữ, là anh ruột vua Lê Thái Tổ, tên là Lê Duy Bang ở làng Bồ Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá đem về phò lên ngôi, tức là Lê Anh Tông.

Về sau, con cháu chúa Trịnh cũng đã nhiều lần muốn chiếm ngôi nhà Lê, nhưng cụ Trạng Trình đều khuyên khéo:

“Lê tồn, Trịnh tại; Lê bại, Trịnh vong”

Tuy nhà Lê suy nhược, nhưng Lê còn thì Trịnh mới đứng vững được.

Lời sấm của Trạng Trình không sai, khi vua Lê Chiêu Thống để mất ngai vàng thì dòng Trịnh cũng chẳng còn ai xưng chúa nữa.

8. Giới ứng xử thoát cửa tử

Một ngày kia, Trạng Trình được Vua triệu vào để giao cho chức Hình bộ tả thị lang. Thì ra Trạng đã được Vua tin dùng trong việc thi hành đường lối khoan hậu trong hình ngục. Vua tỏ ra hết sức phần nộ đối với lễ thói hà khắc của giới hình quan từ thời Uy Mục đến giờ.

Sự tín nhiệm của Vua đã đem lại cho Trạng Trình những nỗi vui ít buồn nhiều, bởi tất cả dường đã trở thành cái nếp khó di dời hoặc lay chuyển. Phân xử, bắt bớ, tra khảo để hạch sách tiền của, chẳng phép nước luật Vua gì cả. Điều đáng nói là chính bọn hữu ty và cả viên Thượng thư bộ hình luôn tỏ ra nghi ngại hoặc không tán thành, hoặc né tránh. Họ quan tâm đến cái ghế của họ hơn là quyền lợi của người dân, vô hình

trung Trọng đã trở thành người đối đầu với họ.

Chẳng bao lâu, Trọng lại được thăng chức Lại bộ tả thị lang, kiêm Đông các đại học sĩ, được tham gia giảng sách ở toà Kinh Diên cùng dạy học cho Thái tử.

Thái tử Mạc Phúc Hải tuy còn trẻ tuổi nhưng rất thông minh và biết nghe lời phải, nhưng bản chất có phần mềm yếu, thiếu quyết đoán, ưa phỉnh nịnh. Lợi dụng điều ấy, bọn quan lại sâu dân một nước đã đưa Thái tử vào quỹ đạo của chúng và họ xem Trọng như là chướng ngại cần phải dọn sạch, việc đầu tiên là chúng tìm cách ly gián, gièm pha Thái tử và thầy mình.

Đúng dịp, hôm ấy Trọng phụ trách buổi giảng sách, đề giảng chỉ là một câu trong sách “Luận ngữ”:

Vị quân nan, vị thần bất dị

(Làm Vua khó, làm tôi không dễ)

Bài giảng liên quan đến đường lối làm Vua của Thái tử, vì vậy đã kêu gọi sự chú ý của bọn nịnh thần, chúng chuẩn bị cả một kế hoạch để Trọng tự chuốc tai vạ cho mình. Trọng đã đoán trước nên đặt cho mình ở một tư thế sẵn sàng, điềm tĩnh và tự tin.

Quả nhiên, theo kế hoạch của chúng, Thái tử khơi mào:

- Thế nào là “làm tôi không dễ”?

Trọng Trình từ tốn:

- Tâu điện hạ, nếu chỉ biết nhắm mắt phục tùng để hưởng lợi về mình, dùng mưu mô xiểm nịnh để đưa Vua vào con đường lỗi đạo và muôn dân phải gánh phần tai họa thì không khó. Còn như nếu hết lòng vì nước mà hiến mưu cao, chước lạ, đem lời trung chính mà can ngăn Vua thì không những nghĩa vụ của mình sẽ được làm tròn mà còn phúc lây đến trăm họ. Được như thế dễ có mấy người. Làm tôi như vậy

thật không dễ.

Những cặp mắt hằn thù đều hướng cả vào Trọng. Thái tử lại đặt tiếp vấn đề:

- Thế còn “làm Vua khó”?

Trọng chậm rãi:

- Tàu điện hạ, thật đúng như thế.

Thái tử ra chiều khó chịu:

- Hoàng tổ ta, hoàng khảo ta đã dày công xây dựng, biến nguy thành an, đổi loạn làm trị, để lại cho ta một cơ đồ vững chãi như thế này, há phải làm Vua cũng khó ư?

Một nỗi căm phẫn trào lên trong lòng Trọng. Đây đúng là luận điệu của bọn nịnh thần vừa mới mớm lời cho Thái tử. Song Trọng đã kịp thời trấn tĩnh, bởi vì, lúc này chỉ cần một cử chỉ, một lời nói vụng về, một hành động thiếu cân nhắc thì ông sẽ rơi vào bẫy của bọn tiểu nhân nham hiểm ngay. Nghĩ thế nên Trọng nói thật ôn tồn.

- Tàu điện hạ, đúng như lời điện hạ phán. Ngày nay ân trạch của triều đình đã thấm nhuần đến mọi hang cùng xóm vắng, khiến nơi nơi yên ấm. Hiện tại chính là lúc ngồi hưởng phúc. Tuy nhiên kẻ ngu thần này vẫn thường nghĩ đến như Nghiêu, Thuấn xưa mà vẫn nơm nớp lo sợ trong nước còn một người dân đói khổ, bị oan khuất.

- Nhà ngươi có vì ta mà hiến kế không?

- Tàu điện hạ, nhân đức điện hạ ai ai mà không biết, kẻ hèn này đâu dám tau xằng. Nhân buổi giảng sách hôm nay, thần chỉ dám mạo muội dâng lên điện hạ một câu: “Như bão xích tử, lâm thành cầu chi, tuy bất trúng, bất viễn hỹ. Vị hữu học dưỡng tử nhi hậu giá giả dã”. Hạ thần chỉ mong điện hạ yêu dân như con, như thế thì lẽ nào không hiểu được lòng dân mà đề ra liệu pháp trị nước, cần gì đến kẻ này.

9. TRẠNG BÙNG - PHÙNG KHẮC KHOAN

(1527-1613)

Phùng Khắc Khoan là người làng Phùng Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây (nay là Hà Nội).

Theo sách sử để lại thì ông Phùng Khắc Khoan là anh em cùng mẹ khác cha với ông Trạng Trình. Nguyên bà mẹ ông Trạng Trình và Phùng Khắc Khoan là Từ Thục phu nhân là người họ Nhữ, con gái quan Hộ bộ thượng thư là Nhữ văn Lang ở làng An Tử, huyện Tiên Minh. Bà là người học giỏi, thơ hay, lại tinh thông lý số.

Lấy ông Văn Định, sinh ra Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, bà Từ Thục phu nhân nửa đường đứt gánh, lên Sơn Tây lấy chồng khác rồi sinh ra Phùng Khắc Khoan. Cũng như Trạng Trình, Phùng Khắc Khoan có tư chất thông minh từ nhỏ. Lúc lớn lên, bà cho xuống Hải Dương theo học ông anh là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.

Ông Khiêm hết lòng dạy dỗ em nên chẳng mấy lúc Phùng Khắc Khoan nổi tiếng văn chương tài đức.

Lúc bấy giờ, nhà Lê giữ ở Thanh Hóa. Tính độn, Trạng Trình biết rằng nhà Lê thế nào cũng có thời trung hưng, ông bèn sai Phùng Khắc Khoan vào Thanh Hóa phò nhà Lê. Gặp Phùng Khắc Khoan, vua Lê Trang Tôn mừng lắm, đãi vào hàng quân sư. Phùng Khắc Khoan lập nhiều mưu kế, có nhiều kế hoạch để lấy lòng dân, thu dụng người ở các nơi lân cận.



Chùa Thầy bên núi Sài, Thạch Thất - nơi Trạng Bùng nghỉ hưu. Tại đây cụ đã cho trùng tu hai nhịp cầu Nhật Tiêu, Nguyệt Tiêu kiểu bên núi Sài trước mặt chùa Thầy.

Vua Trang Tôn tin dùng hết sức. Đến thời vua Thế Tôn khôi phục thành Thăng Long, vua sai Phùng Khắc Khoan đi sứ nhà Minh để vận động phong tước. Nhà Minh phong vua Thế Tôn là “An Nam đô hộ sứ”.

Khắc Khoan trả lại sắc phong cho vua Minh và tâu:

- Chúa tôi là họ Lê, nguyên là dòng dõi nước Nam, không có tội tình như họ Mạc mà thiên triều lại phong tước như họ Mạc, chúa tôi không nhận sắc mệnh được. Dám mong thiên triều xét lại, chớ quả là không dám nhận.

Thấy Phùng Khắc Khoan trình thế, vua Minh tự như “quan chức của Thế Tôn, mà ăn nói đàng hoàng, lý sự như thế, chắc hẳn Thế Tôn không phải người vừa”.

Bèn đổi sắc lệnh mà phong cho Thế Tôn làm “An Nam Quốc vương”.

Trong thời kỳ đi sứ nhà Minh bên Tàu, gặp ngày Tết Nguyên Đán, vua Minh ra lệnh cho các đình thần và các sứ thần ngoại quốc mỗi người phải làm một bài thơ chúc mừng. Ai cũng dâng lên một bài. Riêng Phùng Khắc Khoan ngay lúc đó dâng lên tới ba mươi sáu bài thơ, ý khác nhau, lời khác nhau, làm cho vua Minh phải kinh ngạc sao lại có người làm thơ hay mà nhanh đến như thế. Vua Minh bèn phê cho đỗ Trạng nguyên (Trạng nguyên cả nước Nam lẫn nước Tàu) vì thế mới có tên là Trạng Bùng (vì ông Phùng Khắc Khoan sinh ở làng Phùng xá, tức là làng Bùng).

Tục truyền khi Trạng Bùng đi sứ về đến Lạng Sơn ông được thấy bà Liễu Hạnh hiện lên trên đỉnh núi mà ở dưới chân núi thì gỗ để ngổn ngang, lại có chữ “Liễu Hạnh” và chữ “Bùng”. Ông biết ý Chúa Liễu liền cho lập đền thờ Chúa Liễu ngay tại đó.

Về sau về đến Hồ Tây, bà Chúa Liễu lại hiện ra lần nữa để tạ ơn ông. Hai người làm thơ xướng họa với nhau rất nhiều, người sau bình phẩm không thể quyết thơ của người nào hay hơn thơ người nào.

1. Bị thầy đồ đốt kiện

Phùng Khắc Khoan thời hàn vi, mở một lớp học để sinh nhai. Nhưng bên cạnh nhà ông đã có một thầy đồ dạy học rồi, vì vậy học trò đến học với ông chỉ lèo tèo một hai đứa. Nhiều bạn, ông lắng nghe người láng giềng giảng sách thì thấy ông ta giảng nghĩa lung tung, sai sót rất nhiều. Thế mà người ta cứ cho con đến học mới là lạ. Vừa buồn, vừa tức, ông viết mấy câu châm biếm ở trước cửa nhà mình:

“Đô đô bình trượng ngã

Đệ tử môn đường hạc úc hồ văn tai

Đệ tử bất kiến lai”

Mấy câu thơ che giấu tài năng. Chữ Hán có một số chữ mà mặt chữ nhìn qua tương tự giống nhau, người học không đến nơi đến chốn thường đọc lầm. Thành ngữ có câu chữ tác ra chữ tội, chữ ngộ ra chữ quá. Sách Luận ngữ có câu: “úc ức hồ văn tai”, nghĩa là: văn chương rục rờ thay. Nhưng cả năm chữ này hơi giống mấy chữ: “Đồ đồ bình trượng ngã” không có nghĩa gì cả. Phùng Khắc Khoan có dụng ý chế giễu rằng: Thầy dốt đọc sách sai mặt chữ thì học trò đến học rất nhiều. Còn thầy giáo đọc đúng thì chẳng thấy có đứa học trò nào đến.

Thầy đồ kia tức giận, làm đơn kiện lên quan. Quan cho đòi cả hai người đến, bắt làm thơ để thử tài. Đầu đề bài thơ là: Con trai (chữ Hán là bạng). Phùng Khắc Khoan viết ngay một bài thơ thất ngôn bát cú chữ Hán. Ông đồ chỉ làm có bốn câu thơ chữ Nôm:

Hùm hụp nền bằng bàn tay doang

Hỏi nó cái chi? Ấy cái bạng

Vỏ làm nghiên chấp sử chấp kinh

Ruột nấu cháo bổ tâm bổ tạng

Ông Phùng chắc mẩm thắng cuộc. Nào ngờ quan huyện xem xong hai bài thơ, lại phán:

- Còn trẻ sao lại dám sánh với bậc già cả được?

Rồi quan ra lệnh cho cụ đồ vẫn được phép mở trường, mọi học sinh của ông Phùng cũng cho về học với cụ đồ.

Kiện tụng thất bại, Phùng Khắc Khoan bức chí ra về. Bỗng thấy người nhà quan huyện chạy theo gọi lại. Vào phòng riêng, Quan huyện ôn tồn bảo ông:

- Tiên sinh có biết loài sư tử không? Nó vỏ được cả con hùm con beo, nhưng khi vỏ con thỏ mà cũng dốc sức thì nó đại. Tiên sinh nên nghĩ đến việc lớn hơn, há cần giành giật

...và còn với người già như vậy.

Nói xong ông huyện còn lấy tiền ra biếu Phùng Khắc Khoan, giúp ông qua cơn túng quẫn. Phùng Khắc Khoan cảm động và lĩnh ngộ. Ông sắp xếp hành trang, tìm đường vào Thanh Hóa giúp nhà Lê.

2. Ông tổ của nghề giúp dân

Năm 1580, vua Lê Thế Tông cho mở khoa thi hội. Ông đã 53 tuổi, xin thi và đỗ hoàng giáp. Bấy giờ từ địa lý đến nhân văn ông đều tinh tường. Trong triều, ngoài nội ai cũng tôn gọi ông là trạng: Trạng Bùng.

Lúc giữ chức Công bộ hữu thị lang, Phùng Khắc Khoan được cử đi sứ phương bắc. Bấy giờ, bọn quyền thần nhà Minh vì ủng hộ họ Mạc mà không thừa nhận nhà Lê trung hưng. Vì thế, đoàn của Phùng đi đến Nam Quan thì bị ngăn lại. Phùng phải vận dụng hết trí thông minh, khéo léo lắm mới qua lọt. Lại phải mất 3 tháng lặn lội nữa, họ mới tới được kinh đô nhà Minh.

Dịp ấy nhằm vào tuần vạn thọ của vua Minh, Phùng Khắc Khoan làm tập thơ gồm ba chục bài dâng lên. Minh Thần Tông xem, hết sức tán thưởng và coi trọng rồi châu phê: “Nhân tài ở đâu cũng có. Xem thơ Khắc Khoan thấy rõ là người học rộng và đầy lòng trung nghĩa, thực là đáng khen”.

Từ đó, vua Minh Tôn trọng Khắc Khoan mà gọi ông là Phùng kỳ lão chứ không gọi tên húy. Lúc đó sứ thần Triều Tiên là Lý Chí Phong cũng rất phục tài họ Phùng và đã viết lời tựa cho tập thơ này.

Phùng Khắc Khoan rất yêu nước, thương dân, luôn muốn cho cây trồng và vật nuôi ngày một phát triển để dân đỡ khổ. Nghề nuôi tằm dệt tơ của ta có từ lâu đời nhưng buổi đầu ta chỉ mới biết dệt lụa, cao nhất là lụa đậu, còn gấm, vóc,

trên đường đi qua đất Thục (thuộc Tứ Xuyên bây giờ) là nơi có nghề dệt lụa truyền thống, nổi tiếng. Đoàn đã xin vào nghỉ nhờ ở một làng trong đó, cốt để xem xét và học cách làm của họ.

Phùng Khắc Khoan thấy thứ sản phẩm mỹ thuật này được làm ra cũng chỉ từ đôi mắt và đôi bàn tay của người thợ thủ công. Ông ra sức tìm hiểu rồi học cách làm của họ từ tạo khung dệt, cách nhuộm màu đến mắc go và thủ thuật đưa thoi, kết sợi.

Sau khi về nước, Phùng Khắc Khoan đã dành thời gian đi đến các làng nuôi tằm, dệt tơ đem kỹ thuật làm vải lụa truyền cho nhân dân. Nhờ đó, các làng dệt ven sông Tô như Nghi Tàm, Trúc Bạch, Yên Thái, Bái An, Trích Sài... cho đến vùng ven sông Nhuệ (Tỉnh Sơn Tây), có nhiều gia đình biết dệt lụa. Sau này, nơi tiếp thụ và phát huy tốt nhất kỹ thuật của nghề này là vùng sông Nhuệ. Lụa ở đây mỏng, nhẹ, mịn màng, mặc vào trông thanh thoát, thanh quý. Nhân dân lấy tên quan Trạng đặt cho vải lụa mình dệt, gọi là lụa Bùng.

Trên đường về nước đoàn của Phùng Khắc Khoan vượt sông Dương Tử, đi qua một vùng mênh mông những đồng, bãi trồng hoa màu và nông dân trong mùa thu hái nông sản. Họ Phùng nhận ra, ở đây có những loại cây trồng mà nước mình chưa có như ngô, đậu nành... Ông cho đoàn xin vào nghỉ nhờ ở một làng gần đó, được dân cho ăn bánh và ăn tương, những thứ được chế biến từ các loại hạt kia chế biến ra. Họ Phùng chú ý nhiều đến những chóc nước tư ng bà con ở đây làm để ăn dần. Ông hỏi họ về cách rang đậu, ủ men và ngả tương. Ông mua một ít hạt ngô và hạt đậu nành đem về làm giống.

Từ đó, trên đồng ruộng nước ta bắt đầu có những loại cây trồng mới là ngô và đậu nành. Cũng từ đó nhân dân ta, qua sự truyền dạy của Trạng Bùng đã biết cách làm tương, một loại nước chấm ngon và bổ, để dành được quanh năm.

3. Trạng Bùng và chúa Trịnh

Năm Kỷ Tỵ (1629), sau khi đuổi được nhà Mạc, Trịnh Tráng được Vua Lê phong làm sư phụ Thanh vương. Nhân đó, Trịnh Tráng muốn lấy danh nghĩa nhà Lê bắt chúa Nguyễn phải hàng phục. Chúa Trịnh sai sứ mang sắc vua Lê vào phong cho Chúa Nguyễn Phúc Nguyên chức Thái phó quốc công, dụ chúa Nguyễn cho con ra châu và nộp ba chục thớt voi và ba chục chiến thuyền.

Chúa Nguyễn tiếp sứ, nhưng ý không muốn thụ phong mà cũng không muốn tuân theo yêu sách của chúa Trịnh. Ông bèn hỏi Đào Duy Từ cách đối phó

Từ khuyên chúa Nguyễn hãy cứ nhận sắc rồi sẽ có cách. Ông sai làm một cái mâm hai đáy bỏ tờ sắc phong của chúa Trịnh vào giữa hai đáy, kèm theo một mảnh giấy viết bốn câu thơ. Chúa Nguyễn sai để lễ vật vào chiếc mâm đó và sai sứ là Văn Khuông mang ra Thăng Long tạ ơn vua Lê, chúa Trịnh.

Chúa Trịnh thấy có lễ vật mà không có biểu tạ về việc được vinh phong, lấy làm nghi lắm. Sau, có người thấy cái mâm dày mà nặng, mới khám phá ra là mâm hai đáy. Chúa Trịnh thấy có 4 câu thơ chép ở mảnh giấy như sau:

Mâu nhi vô dịch,

Mịch phi kiến tích

Ái lạc tâm trường

Lục lai tương dịch.

Cả triều đình không ai hiểu nghĩa ra làm sao cả. Sau phải mời Trạng Bùng (tức Phùng Khắc Khoan) đến để hỏi. Trạng Bùng liếc mắt xem qua và giải ngay rằng: Mâu nhi vô dịch nghĩa là chữ “mâu” mà không có dấu phết thế tức là chữ “dư”; Mịch phi kiến tích nghĩa là chữ “mịch” mà bỏ chữ “kiến” là chữ “bất”. Ái lạc tâm trường : chữ “ái” bỏ chữ “tâm” nghĩa

là chữ “thụ”; Lực lai tương dịch nghĩa là chữ “lực” đối dịch với chữ “lai”, hai chữ để cạnh nhau, thế là chữ “sắc”.

Vậy cả bốn câu thơ là bốn chữ: Dư bất thụ sắc (ta không nhận sắc phong).

Họ Nguyễn không chịu thần phục triều đình cho nên làm ra bốn câu thơ đó. Chúa Trịnh tức lắm, sai đuổi theo bắt sứ giả lại, nhưng sứ giả đã bỏ đi xa rồi.

4. Văn chương cụ Phùng

Sau khi xin nghỉ quan vì già cả, Phùng Khắc Khoan về quê sống trên miền quê xứ Đoài. Cụ đã cho trùng tu hai nhịp cầu Nhật Tiêu, Nguyệt Tiêu kiêu bên núi Sài trước mặt chùa Thầy. Ngoài ra Phùng Khắc Khoan còn cho đào mương tưới nước quanh vùng núi Thầy, từ đó dẫn nước đi tưới cho các vùng lân cận. Nhưng đậm nét nhất trong ký ức nhân dân Bùng Xá vẫn là công đức Phùng Khắc Khoan truyền dạy cho dân làng nghề dệt tơ và cách trồng ngô, trồng đỗ do cụ đưa giống về. Phùng Khắc Khoan qua đời năm 1613, thọ 86 tuổi.

Sự nghiệp thơ văn Phùng Khắc Khoan để lại khá lớn, bao gồm sáng tác bằng chữ Hán lẫn chữ Nôm, trong đó có ba tác phẩm quan trọng là Ngôn chí thi tập, Lâm tuyển văn, Mai Linh sứ hoa thi tập.

Thơ Phùng Khắc Khoan vừa nói cái chí lớn của kẻ nam nhi phải lập công danh ở đời, vừa nêu cao vai trò của sách vở, văn chương, của văn hóa, với quan niệm rằng tất cả những người làm nên sự nghiệp “khanh tướng” đều có học vấn cao:

Từ xưa những người lập thân làm nên khanh tướng,

Là những người trong bụng phải có thi thư.

Phùng Khắc Khoan có hoài bão về sự nghiệp văn chương cũng rất lớn. Khi mới 16-17 tuổi, Cụ đã tự bày tỏ tâm sự của mình:

Kê sinh nhai cất chứa trong nhà sách là cửa quý,

Sức lực thay cày bừa bút là nô bộc.

Phùng Khắc Khoan có một quan niệm về văn chương rõ ràng: “Văn chương phải sắc bén, coi thường con dao của bọn thư lại. Bút phải được dùng làm tươi sáng, vẻ vang cho nước”. Và: “Cái gọi là thơ không phải là thứ lấu lười trong tiếng sáo lối chơi chữ dưới ngòi bút”. Thơ văn, theo Phùng Khắc Khoan phải là:

Hạ bút làm cho mưa gió phải động

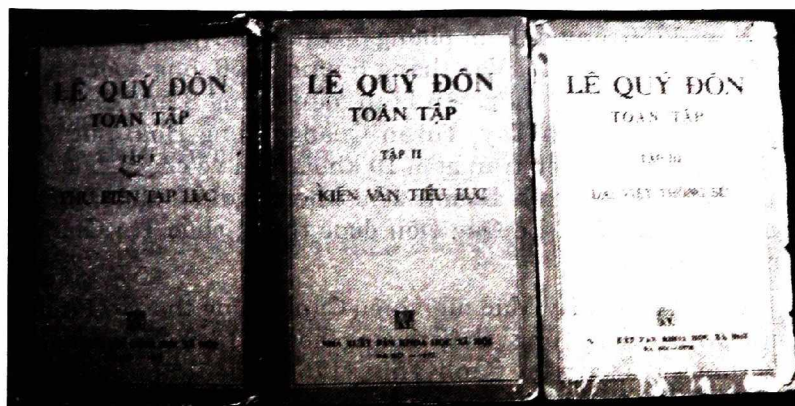
Thơ thành khiến quỷ thần kinh sợ.

Nội dung thơ văn Phùng Khắc Khoan cũng phong phú, đẹp đẽ như chính cuộc đời cụ, một cuộc đời lớn, tất cả vì đất nước, nhân dân.

10. LÊ QUÝ ĐÔN - THẦN ĐỒNG ĐẤT VIỆT (1726 - 1784)

Bảng nhãn Lê Quý Đôn là một trong những nhà bác học tài danh nhất nước ta. Lê Quý Đôn học vấn uyên thâm, thông tỏ mọi chuyện trên đời

Lê Quý Đôn là con trai cả của ông Lê Trọng Thứ. Thân sinh của Lê Quý Đôn đậu tiến sĩ năm Bảo Thái thứ 2 (1721) và làm quan đến chức Hình bộ Thượng thư, được phong tước hầu.



"Lê Quý Đôn toàn tập" là tập hợp các bài viết của ông được Nhà xuất bản Khoa học xã hội phát hành.

Thuở nhỏ, ông có tên là Danh Phương, đến năm 1743 sau khi đỗ giải nguyên trường Sơn Nam thì đổi thành Quý Đôn, tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường.

Khi còn bé, Lê Quý Đôn đã nổi tiếng là thần đồng. Nhiều sách chép tiểu sử của ông có ghi: năm tuổi đã đọc được nhiều bài Kinh Thi, mười tuổi đã học sử. Ông thường dạy học trò: “Bụng không chứa ba vạn quyển sách, mắt không nhìn thấy khắp núi sông thiên hạ, thì vị tất đã làm văn hay”.

Năm 13 tuổi (1739), theo cha lên kinh đô học, đến năm 18 tuổi, ông đậu giải nguyên kỳ thi Hương trường thi Sơn Nam. Sau đó, dự thi Hội không đỗ, ông về quê nhà dạy học và viết sách.

Năm 1752, Lê Quý Đôn được 27 tuổi, ông đỗ đầu thi Hội và khi vào thi Đình ông cũng đậu đầu Bảng Nhân tức Tam Nguyên (Khoá này không lấy Trạng nguyên). Sau khi thi đỗ, Lê Quý Đôn được bổ nhiệm chức Thụ Thư ở Viện Hàn Lâm. Năm 1754, ông được bổ làm Hàn lâm thừa chỉ rồi sung Toàn tu Quốc sử quán.

Năm 1756, ông đi liêm phóng ở trấn Sơn Nam, phát giác được 7 viên quan hối lộ. Vào tháng 5 năm 1756, ông được biệt phái sang Phủ Chúa, coi phiên binh, đến tháng 8 ông đi hiệp đồng với các đạo Sơn Tây, Tuyên Quang, Hưng Hóa. Lúc về triều ông dâng bài điều trần gồm 19 khoản nói về chức Chưởng phiên binh. Chúa Trịnh Doanh xem khen ngợi và thưởng 50 lạng bạc. Năm 1757, Lê Quý Đôn được thăng chức Thị Giảng Viện Hàn Lâm.

Tháng 6 năm Kỷ Mão niên hiệu Cảnh Hưng thứ 20 (1759) triều vua Lê Hiến Tông, thái thượng hoàng Lê Ý Tông mất. Sang tháng Giêng năm Canh Thìn (1760) triều đình cử một phái đoàn sứ bộ đi báo tang và dâng cống lễ với nhà Thanh. Lê Quý Đôn và Trịnh Xuân Chú được cử làm phó sứ.

Trong dịp này, khi sứ đoàn An Nam đi qua các phủ châu Trung Hoa đều bị họ gọi là *Di Quan Di Mục*, nghĩa là quan lại mọi rợ. Khi sứ đoàn đến Quế Lâm, Lê Quý Đôn viết thư cho quan tổng trấn Quảng Châu để phản đối sự kiện này. Với uy tín và học vấn của Lê Quý Đôn, triều đình Trung Hoa đành phải chấp nhận bỏ những danh từ miệt thị khinh khi này và gọi sứ đoàn là An Nam Cống sứ.

Năm 1762, Lê Quý Đôn về triều được thăng chức Hàn Lâm Viện Thừa Chỉ. Ông lập Bí Thư Các và dâng sớ xin thiết lập pháp chế để trị dân nhưng không được triều đình chấp thuận và bổ ông làm Tham chính Hải Dương.

Năm 1765, ông từ quan xin cáo hưu về sống nơi quê nhà, viết sách.

Năm 1767, Trịnh Doanh qua đời, Trịnh Sâm nối ngôi Chúa, Lê Quý Đôn được phục chức Thi Thư và tham gia biên soạn Quốc sử biên chức Tư nghiệp Quốc Tử Giám.

Năm 1770, ông được thăng chức Công Bộ Hữu Thị Lang. Mùa xuân năm 1776, ông được bổ làm Hiệp Trấn, Tham Tấn Quân Cơ ở xứ Đàng Trong.

Năm 1778, ông được bổ nhiệm chức Hành Tham Tụng nhưng cố từ và xin được đổi sang võ ban. Ông được trao chức Hữu Hiệu Điểm, quyền Phủ Sự, phong tước Nghĩa Phái Hầu.

Năm 1781, ông được sung chức Quốc sử Tổng tài.

Năm 1783, ông đi hiệp trấn Nghệ An, không lâu sau thì mất.

Lê Quý Đôn sống ở thế kỷ thứ 18 thời kỳ xã hội Việt Nam có nhiều biến động lớn. Trong lòng xã hội Việt Nam đầy mâu thuẫn khi ấy đang nảy sinh những mầm mống mới của thời kỳ kinh tế hàng hóa, thị trường trong nước mở rộng, thủ công nghiệp và thương nghiệp có cơ hội phát triển... Tình hình đó đã tác động mạnh mẽ tới đời sống văn hóa, tư tưởng,

khoa học. Ở thế kỷ XVIII, xuất hiện nhiều tên tuổi rực rỡ như Đoàn Thị Điểm, Ngô Thì Sĩ, Nguyễn Gia Thiều, Đặng Trần Côn, Lê Hữu Trác... Đồng thời các tri thức văn hóa, khoa học của dân tộc được tích lũy hàng ngàn năm tới nay đã ở vào giai đoạn súc tích, tiến đến trình độ phải hệ thống, phân loại. Thực tế khách quan này đòi hỏi phải có những bộ óc bách khoa và Lê Quý Đôn với học vấn uyên bác của mình đã trở thành người “lập đại hành” mọi tri thức của thời đại. Có thể nói, toàn bộ những tri thức cao nhất ở thế kỷ thứ 18 đều được bao quát vào trong các tác phẩm của Lê Quý Đôn. Tác phẩm của ông như cái móc lớn đánh dấu thành tựu văn hóa của cả một thời đại với tất cả những ưu điểm cùng nhược điểm của nó.

Tác phẩm của Lê Quý Đôn thống kê có tới 40 bộ, bao gồm hàng trăm quyển, nhưng một số bị thất lạc. Công trình biên soạn lớn nhất của Lê Quý Đôn là bộ Toàn Việt thi lục 6 quyển, tuyển chọn 897 bài thơ của 73 tác giả từ thời Lý đến đời Lê Tương Dực (1509 - 1516). Lê Quý Đôn hoàn thành Toàn Việt thi lục năm 1768, dâng lên vua, được thưởng 20 lạng bạc.

Về sáng tác văn xuôi, theo Phan Huy Chú, Lê Quý Đôn có Quế Đường văn tập 4 quyển, nhưng sách này đã mất. Về sáng tác thơ, Lê Quý Đôn để lại có Quế Đường thi tập khoảng vài trăm bài làm ở trong nước và trong thời gian đi sứ Trung Quốc.

Nhận xét tổng quát về thơ Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú viết: “Ông là người học vấn rộng khắp, đặt bút thành văn. Cốt cách thơ trong sáng. Lời văn hồn nhiên..., không cần suy nghĩ mà trôi chảy dồi dào như sông dài biển cả, không chỗ nào không đạt tới, thật là phong cách đại gia”.

Quan niệm về thơ của Lê Quý Đôn được tổng hợp lại như sau: “Làm thơ có 3 điểm chính: một là tình, hai là cảnh,

ba là việc. Tiếng sáo thiên nhiên kêu ở trong lòng mà động vào máy tình; thị giác tiếp xúc với ngoài, cảnh động vào ý, dựa cổ mà chứng kim, chép việc thuật chuyện, thu lăm lăm lấy tinh thần... đại để không ngoài ba điểm ấy”.

Đây là những tiêu chuẩn về thơ mà Lê Quý Đôn đề ra cho quá trình sáng tác của mình. Đọc thơ Lê Quý Đôn, chúng ta thấy thơ ông thật phong phú đa dạng, sâu sắc về tư tưởng, nghệ thuật và để lại trong lòng ta những xúc động đẹp đẽ, sâu xa:

Thành cổ lộng

Thành hoang tường đổ đã bốn trăm năm,

Dây dưa, dây đậu leo quấn xanh tốt.

Sóng biết đã rửa sạch nỗi hận cho vua Trần,

Cỏ xanh khó che lấp sự hổ thẹn của Mộc Thạnh.

Sau trận mưa bò vàng cây bật gươm cũ,

Dưới trăng chim lạnh kêu bên lầu tàn.

Bờ cõi cần gì phải mở rộng mãi

Đời Nghiêu Thuấn xưa chỉ có chín châu thôi.

Sau khi ông mất, dân gian luôn truyền tụng những giai thoại văn học nổi tiếng về ông.

1. Chữ Đại (大) hay chữ Thái (太)?

Tương truyền thuở nhỏ, một hôm cậu bé cỏi trưởng đi tắm với các bạn. Có một vị quan Thượng thư đồng liêu với cha (là Lê Trọng Thứ) tới thăm, hỏi đường đến nhà. Cậu liền đứng dạng chân và dang tay ra bảo quan Thượng:

Nếu ông biết được cháu đang ra dấu chữ gì, cháu sẽ chỉ nhà cho ông.

Quan Thượng cũng tha thứ cho sự nghịch ngợm của tuổi trẻ nên bỏ đi. Cậu cười âm lên và bảo với các bạn:

Ông ấy làm quan to mà không biết chữ các bạn ơi!

Quan Thượng bực mình quay lại nói:

Trẻ con đừng hỗn láo. Mày mới học lỏm được chữ Đại mà đã dám đi trêu chọc người rồi.

Cậu càng cười to hơn:

Thế thì ông không biết chữ thật! Có cái chấm ở dưới nữa thì là chữ Thái chứ sao lại chữ Đại!

2. Rắn đầu rắn cổ

Khi quan Thượng vào nhà ông Lê Trọng Thứ, mới biết cậu bé ấy là con của bạn mình. Ông kể lại câu chuyện đọc đường. Lê Trọng Thứ gọi con ra trách mắng và đánh đòn. Quan Thượng thấy cậu bé thông minh nên đã xin tha cho ông với điều kiện phải ứng khẩu một bài thơ tạ tội. Cậu xin quan Thượng ra đầu đề. Quan Thượng nói:

Phụ thân cậu đã bảo cậu “rắn đầu rắn cổ”, cậu cứ lấy đó làm đề bài.

Cậu ngẫm nghĩ một chốc rồi đọc:

Chẳng phải *liu diu* vẫn giống nhà!

Rắn đầu biếng học quyết không tha

Thẹn đèn *hổ lửa* đau lòng mẹ,

Nay thét, *mai găm* rất cổ cha.

Ráo mép chỉ quen tuồng lếu láo,

Lần lưng chẳng khỏi vết roi da.

Từ nay *Châu Lỗ* xin siêng học,

Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia!

(Châu Lỗ có phải là quê hương của Khổng Tử)

Đề bài là do quan Thượng đặt ra, ý nói cậu bé cứng đầu, lười học. Vậy mà Lê Quý Đôn đã tài tình sử dụng từ “rắn” để ghép vào trong nội dung các câu thơ của mình: rắn liu diu, rắn đầu, rắn hổ lửa, rắn mai gầm, rắn ráo, rắn thần lằn, rắn hổ trâu, rắn hổ mang và ví mình như Khổng Tử - Mạnh Tử (*từ nay Trâu Lỗ xin siêng học*). Quan Thượng hết sức thán phục.

3. Tam xuyên tứ mục

Nhà Lê Quý Đôn ở gần ngã ba sông Hồng và sông Trà Lý. Một hôm, một vị quan bên Liêu Xá đến thăm ông Lê Trọng Thứ. Vị quan có nghe tiếng cậu bé con quan Thượng Lê rất hay chữ, muốn trực tiếp thử tài. Nể tình, ông Lê Trọng Thứ cho gọi Lê Quý Đôn tới.

Khoanh tay, kính cẩn chào khách xong, Lê Quý Đôn đứng nép bên cha, chờ đợi.

Ông khách nói:

Ta nghe cháu còn bé mà đã hay chữ. Vậy ta ra vẽ đối, cháu đối lại nhé!

Lê Quý Đôn lễ phép:

Dạ, xin Bác ra đề ạ!

Nhà cháu gần ngã ba sông, vậy ta ra vẽ đối là tam xuyên! - Ông khách nói.

Vẽ đối giản dị mà hắc búa, chữ tam (三) có ba nét sổ ngang nhưng dựng lên, thành ba nét sổ đứng và là chữ xuyên (丨). “Tam xuyên” (三 丨) có nghĩa “ba con sông”.

Lê Quý Đôn chưa đáp ngay mà cứ trăn trăn nhìn ông khách có mang cặp kính. Ông khách rất vui vì tìm được về

đổi rất hiếm. Thân đồng ư? khó thế này sức mấy mà đổi nổi!

Sao, có đổi được không, cháu bé? - Thấy Lê Quý Đôn chưa đổi được, ông khách hỏi.

Lê Quý Đôn lễ phép thưa:

Dạ, cháu xin đổi là tứ mục (四目).

“Tứ mục” có nghĩa “bốn con mắt”. Ông khách chỉ còn biết thốt lên:

Tuyệt vời!

Chữ đổi lại thật chuẩn, chữ “tứ” (四) viết quay dọc lại, cũng là chữ “mục” (目).

Quay sang ông Thượng Lê, khách xuýt xoa:

Thằng bé này về sau văn chương sẽ lẫy lừng đấy!

Câu nói nổi tiếng của ông để lại:

· “Phi nóng bất ổn, phi công bất phú, phi thương bất hoạt, phi trí bất hưng.”

PHẦN HAI

BÍ ẨN VĂN XƯƠNG



CHƯƠNG THỨ NHẤT

CÁCH BỐ TRÍ BÀN HỌC VĂN XƯƠNG CHO CON CÁI

Ngồi ở vị trí sao Văn Xương sẽ nhận được từ trường của sao Văn Xương khiến con cái có tinh thần phấn chấn, thể lực sung mãn. Đây là cơ sở tốt, giúp con cái đạt được thành công trong học tập.

1. Đặt bàn học theo hướng sao Văn Xương chiếu

Đặt bàn học cho con cái hợp lý trong nhà là điều quan trọng nhất đối với các bậc cha mẹ. Về mặt phong thủy, bàn học ở vị trí tốt nhất là nơi sao Văn Xương chiếu. Sao Văn Xương chủ quản về việc học hành. Muốn chọn được vị trí sao Văn Xương chiếu, bạn phải tính năm sinh của con bạn.

Căn cứ vào con số cuối của năm sinh con bạn để xác định phương vị sao Văn Xương chiếu.

Thí dụ con bạn sinh năm 2001, chữ số cuối cùng của năm là số 1. Nhìn vào bảng phương vị sao Văn Xương chiếu là phương Tý tức hướng Bắc. Như vậy, bàn học của con bạn phải quay về hướng Bắc, tức con bạn ngồi quay mặt nhìn về phía Bắc là tốt nhất.

Bảng xác định phương vị sao Văn Xương

Chữ số cuối cùng của năm sinh	Phương vị Văn Xương của bàn học	Hướng
1	Tý	Bắc
2	Dần	Đông Bắc
3	Mão	Đông
4	Tỵ	Đông Nam
5	Ngọ	Nam
6	Thân	Tây Nam
7	Dậu	Tây
8	Thân	Tây Nam
9	Dậu	Tây
0	Hợi	Tây Bắc

Bạn nên cố gắng bố trí theo đúng hướng trong bảng trên. Nếu bạn có cuốn lịch “Vạn Niên thực dụng”, bạn có thể tra ngày sinh Thiên Can Địa Chi của con bạn. Căn cứ vào Thiên Can ngày sinh sẽ tìm ra phương vị sao Văn Xương của con bạn. Đây cũng là cách chọn phương vị sao Văn Xương đơn giản khác với cách chọn theo con số cuối cùng của năm sinh. Bạn có thể kiểm nghiệm từng vị trí để chọn được vị trí phù hợp nhất với con bạn.

Các nhà phong thủy học cho rằng, cách xác định phương vị sao Văn Xương theo Thiên Can của ngày sinh chính xác hơn. Con bạn vốn thông minh, học giỏi, nếu ngồi đúng hướng sao Văn Xương chiếu sẽ càng thông minh hơn, càng học giỏi hơn.

Bảng xác định phương vị sao Văn Xương chiếu theo Thiên Can của ngày sinh

Thiên can ngày sinh	Phương vị Văn Xương của bàn học	Hướng
Ngày Giáp	Tỵ	Đông Nam lệch Nam
Ngày Ất	Ngọ	Chính Nam
Ngày Bính	Thân	Tây Nam lệch Tây
Ngày Đinh	Đậu	Chính Nam
Ngày Mậu	Thân	Tây Nam lệch Tây
Ngày Kỷ	Đậu	Chính Nam
Ngày Canh	Hợi	Tây Bắc lệch Bắc
Ngày Tân	Tý	Chính Bắc
Ngày Nhâm	Dần	Đông Bắc lệch Đông
Ngày Quý	Mão	Chính Đông

Nếu bàn học của con bạn đặt máy vi tính, bạn phải xem nó có phải là đứa trẻ kỵ “Hỏa” không? Những đứa trẻ sinh vào mùa hè hoặc tháng 9 âm lịch đều kỵ Hỏa. Nếu để trẻ kỵ Hỏa ngồi bên máy vi tính sẽ khiến chúng mệt mỏi, vì vậy bạn có thể để cốc nước hoặc bình hoa có nước bên cạnh vi tính.

2. Đặt các vật phong thủy trợ giúp sao Văn Xương thúc đẩy vận khí học hành của con cái

Sau khi xác định được hướng sao Văn Xương chiếu, bạn cần đặt vật phong thủy phù hợp với hướng của sao Văn Xương chiếu. Ví dụ, phương vị sao Văn Xương của con bạn ở hướng Ngọ trên la bàn phong thủy, bạn mua vật trang trí hình con ngựa hoặc đồ chơi ô tô đặt trên bàn học.

Sau đây là bảng các vật trang trí phong thủy theo Thiên Can ngày sinh của trẻ.

Bảng các vật trang trí phong thủy theo Thiên Can ngày sinh của trẻ

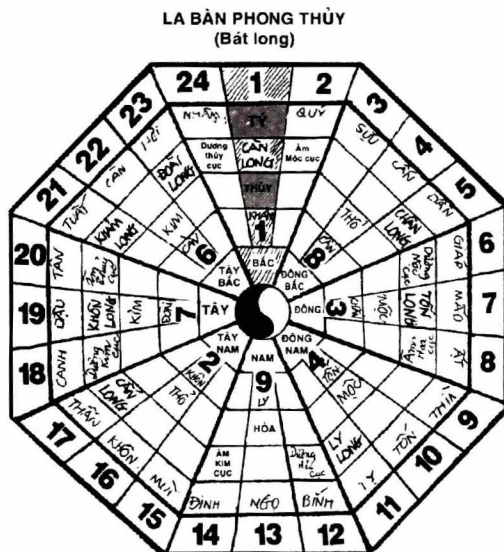
<i>Thiên can ngày sinh</i>	<i>Các vật trang trí phong thủy hỗ trợ sao Văn Xương</i>
<i>Ngày Giáp</i>	<i>Tranh vẽ, tượng, đồ chơi hình con rắn</i>
<i>Ngày Ất</i>	<i>Tranh vẽ, tượng, đồ chơi hình con ngựa, ô tô</i>
<i>Ngày Bính</i>	<i>Tranh vẽ, tượng, đồ chơi hình con khỉ, Tôn Ngộ Không</i>
<i>Ngày Đinh</i>	<i>Tranh vẽ, tượng, đồ chơi hình con gà</i>
<i>Ngày Mậu</i>	<i>Tranh vẽ, tượng, đồ chơi hình con khỉ, Tôn Ngộ Không</i>
<i>Ngày Kỷ</i>	<i>Tranh vẽ, tượng, đồ chơi hình con gà</i>
<i>Ngày Canh</i>	<i>Tranh vẽ, tượng, đồ chơi hình con lợn</i>
<i>Ngày Tân</i>	<i>Tranh vẽ, tượng, đồ chơi hình con chuột, chữ Phúc</i>
<i>Ngày Nhâm</i>	<i>Tranh vẽ, tượng, đồ chơi hình con hổ, mèo</i>
<i>Ngày Quý</i>	<i>Tranh vẽ, tượng, đồ chơi hình con mèo</i>

Các loại hình con vật trên tốt nhất là dùng tượng đồng, không sử dụng tượng nhựa vì nhựa không có sinh khí.

3. Vật phong thủy trợ giúp sao Văn Xương tương xung

Một số nhà phong thủy dùng vật phong thủy tương xung để trợ giúp sao Văn Xương. Các nhà phong thủy căn cứ vào la bàn phong thủy để xác định vị trí đặt vật phong thủy.

Căn cứ vào la bàn phong thủy để xác định chọn vật phong thủy tương xung. Ví dụ, hướng Văn Xương của con bạn là hướng chính Nam tức hướng Ngọ thuộc Hỏa, con bạn sinh vào mùa hè ngũ hành kỵ Hỏa, đại kỵ nhìn về hướng Ngọ. Theo lý luận “Tý Ngọ tương xung” bạn không đặt con ngựa ở bàn học của con (mặc dù bàn học của con bạn vẫn quay về hướng Ngọ) mà đặt con chuột trên bàn học của con bạn.

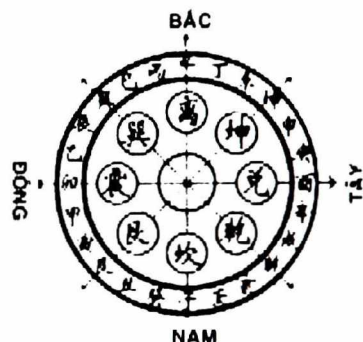


H2 - La bàn phong thủy biểu thị quan hệ ngũ hành và 24 sơn hướng

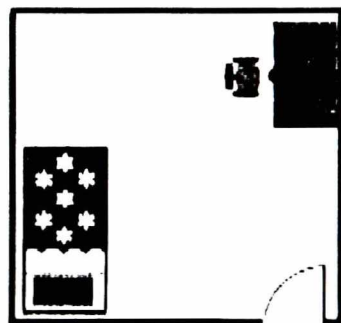
Bảng Ngũ hành kỵ theo mùa sinh

Sinh mùa	Kỵ	Cần (vì khuyết)
Xuân	Mộc	Kim
Hạ	Hỏa	Thủy
Thu	Kim	Mộc
Đông	Thủy	Hỏa
Tháng nhuận	Thổ	Mộc

Ví dụ: Lâm Thanh Hà sinh ngày 3/11/1954, tra lịch Vạn Niên thực dụng thiên can ngày sinh là Quý thuộc Thủy, tra trên bảng phương vị sao Văn Xương là hướng Mão, bàn quay về hướng Mão tức chính Đông.



H3 - Trên bàn học Văn Xương đặt hình con chuột đối với người có hướng Văn Xương: hướng Ngọ.



CHƯƠNG THỨ HAI

CÁCH BỐ TRÍ GIƯỜNG NGỦ VĂN XƯƠNG CHO CON CÁI

Ngủ trên giường Văn Xương có thể được sao Văn Xương trợ giúp. Mỗi người đều ngủ 7 - 8 tiếng trong một ngày, vì vậy bạn chớ coi thường hướng giường ngủ của mình.

1. Xác định tọa hướng của ngôi nhà bạn

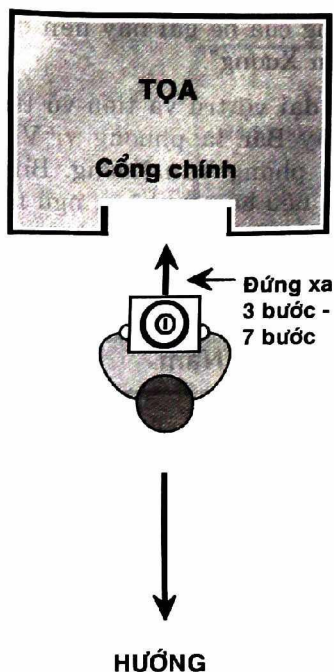
Nếu bạn có la bàn phong thủy thì bạn dễ dàng xác định tọa (hướng lưng của ngôi nhà) hướng (hướng mặt tiền ngôi nhà) của bạn.

Cách đo theo hình 1: Khi sử dụng la bàn bạn phải để la bàn cách xa các đồ vật bằng sắt hoặc nguồn điện. Một nhà phong thủy chuyên nghiệp phải chuẩn bị 2 cái la bàn. Khi phát hiện ra kim la bàn không ổn định phải dùng la bàn thứ hai để kiểm tra kim la bàn của la bàn đầu bị hỏng hay từ trường làm nhiễu.

Cắm la bàn đứng trước cổng hoặc cửa chính của ngôi nhà, cách cổng 3 bước chân. Nếu là nhà chung cư, hướng của nhà chung cư là hướng chính của tất cả các căn hộ. Về cơ bản, tầng càng thấp, phong thủy càng tốt, vì nhận được địa khí nhiều hơn.

BẢNG GỌI PHƯƠNG HƯỚNG

STT	Tọa hướng	Cách gọi	Gọi tắt
1	Tọa Tý hướng Ngọ	hướng Tý - Ngọ	Ngọ
2	Tọa Quý hướng Đinh	hướng Quý Đinh	Đinh
3	Tọa Sửu hướng Mùi	hướng Sửu Mùi	Mùi
4	Tọa Cấn hướng Khôn	hướng Cấn Khôn	Khôn
5	Tọa Dần hướng Thân	hướng Dần Thân	Thân
6	Tọa Giáp hướng Canh	hướng Giáp Canh	Canh
7	Tọa Mão hướng Dậu	hướng Mão Dậu	Dậu
8	Tọa Ất hướng Tân	hướng Ất Tân	Tân
9	Tọa Thìn hướng Tuất	hướng Thìn Tuất	Tuất
10	Tọa Tốn hướng Càn	hướng Tốn Càn	Càn
11	Tọa Tỵ hướng Hợi	hướng Tỵ Hợi	Hợi
12	Tọa Bính hướng Nhâm	hướng Bính Nhâm	Nhâm
13	Tọa Ngọ hướng Tý	hướng Ngọ Tý	Tý
14	Tọa Đinh hướng Quý	hướng Đinh Quý	Quý
15	Tọa Mùi hướng Sửu	hướng Mùi Sửu	Sửu
16	Tọa Khôn hướng Cấn	hướng Khôn Cấn	Cấn
17	Tọa Thân hướng Dần	hướng Thân Dần	Dần
18	Tọa Canh hướng Giáp	hướng Canh Giáp	Giáp
19	Tọa Dậu hướng Mão	hướng Dậu Mão	Mão
20	Tọa Tân hướng Ất	hướng Tân Ất	Ất
21	Tọa Tuất hướng Thìn	hướng Tuất Thìn	Thìn
22	Tọa Càn hướng Tốn	hướng Càn Tốn	Tốn
23	Tọa Hợi hướng Tỵ	hướng Hợi Tỵ	Tỵ
24	Tọa Nhâm hướng Bính	hướng Nhâm Bính	Bính



H4 - Xác định hướng nhà

Phòng của chủ nhà không nên cho trẻ ở vì khí khác rất lớn. Nếu phòng học của con bạn có “Nhất Tứ đồng cung” thì đại lợi đối với việc học hành của con cái. Sách Cửu tinh nói: “Tứ Lục Nhất Bạch đồng cung tốt phát khoa danh chi hiển”, lại nói “sao Tứ Lục là Thần Văn Xương, cai quản lộc vị. Nhất bất là ứng của Quan Tinh, phụ trách Văn Chương”.

Trong 20 năm của Bát vận 2004 - 2023 các loại nhà có sao Nhất Bạch Tứ Lục đồng cung gọi là “nhà Văn Xương”.

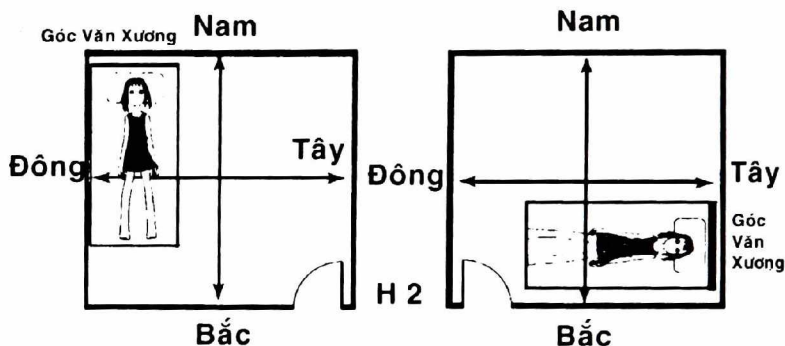
Ví dụ nhà tọa Cấn hướng Khôn, còn gọi là tọa Đông Bắc, hướng Tây Nam, gian ở góc Đông Nam là phòng Văn Xương hợp với bé gái. Đây là phòng phong thủy học hành lý tưởng.

Bảng nhà Văn Xương

Tọa hướng ngôi nhà	Phòng Văn Xương	Hợp với
Tọa Sửu hướng Mùi	Tây Bắc	Nam
Tọa Cấn hướng Khôn	Đông Nam	Nữ

Trong phòng Văn Xương, giường của bé gái này nên đặt ở góc Đông Nam, gọi là “giường Văn Xương”.

Trong Phi tinh học có lý luận đại vũ trụ và tiểu vũ trụ. Xét tổng thể ngôi nhà, nếu góc Tây Bắc là phương vị Văn Xương, phòng ở góc Tây Bắc gọi là phòng Văn Xương. Bình thường phòng khách là “đại vũ trụ”, nếu bạn ở phòng ngủ tức bạn đang ở “tiểu vũ trụ”. Phòng ngủ cũng chia làm 9 ô.

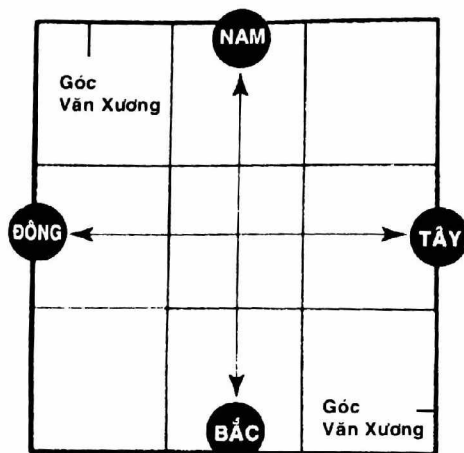


H5 - Cách đặt giường Văn Xương

Nếu góc Văn Xương ở Đông Nam, đặt giường đầu Nam đuôi Bắc

Nếu góc Văn Xương ở Tây Bắc, đặt giường đầu Tây đuôi Đông

22 loại nhà tọa hướng còn lại tìm chỗ sao Nhất Bạch và Tứ Lục bay đến. Nếu chỗ sao Nhất Bạch bay đến gặp Mộc * thì coi là Nhất Tứ đồng cung, nếu chỗ sao Tứ Lục bay đến gặp Thủy* đều gọi là vị trí Văn Xương.



H6 - Xác định góc Văn Xương trong phòng

2. Các vật phong thủy trợ giúp “Tử nhất đồng cung”

Bên cạnh giường ngủ kê tủ đầu giường, trên đặt lọ trúc phú quý (4 cành), rất tốt về mặt phong thủy.

Sao Nhất Bạch thuộc Thủy, sao Tứ Lục thuộc Mộc. Nếu treo 4 chiếc bút, đặt một cốc nước cũng đạt hiệu quả phong thủy.

Phần trên giới thiệu 2 hướng nhà có sao Văn Xương còn 22 hướng nhà sau đây cũng có sao Văn Xương chiếu. Để tiện cho các bậc cha mẹ tìm sao Văn Xương nhanh chóng và kê giường đúng cách, chúng tôi đã soạn gộp thành một bảng. Bạn phải học thuộc từng hướng nhà để xác định chính xác phương vị sao Văn Xương trong nhà mình. Chữ “Tọa” có thể thay bằng chữ “Sơn”.

Sơn hướng ngôi nhà	Hướng sao Văn Xương chiếu	Cách bố trí giường ngủ
Giáp Sơn hướng Canh và Nhâm Sơn hướng Bính	Bắc	Kê đầu giường theo hướng Bắc, bên trái giường đặt một cốc nước thủy tinh, bên phải giường treo 4 chiếc bút lông
Mão sơn hướng Dậu và Ất Sơn hướng Tân	Tây	Kê đầu giường theo hướng Tây, bên phải giường treo 4 chiếc bút lông hoặc treo tranh cây trúc tạo thành Văn Xương cục.
Tý Sơn hướng Ngọ và Quý Sơn hướng Đinh	Bắc	Kê đầu giường theo hướng Bắc, bên trái giường đặt một cốc nước thủy tinh, bên phải giường treo 4 chiếc bút lông.
Thìn sơn hướng Tuất	Tây Bắc	Kê đầu giường theo hướng Tây Bắc, bên trái giường đặt một cốc nước thủy tinh, bên phải giường treo 4 chiếc bút lông.
Tổn sơn hướng Càn và Tỵ sơn hướng Hợi	Đông Nam	Kê đầu giường theo hướng Đông Nam, bên trái giường đặt một cốc nước, bên phải giường treo 4 chiếc bút lông.
Canh sơn hướng Giáp và Bính sơn hướng Nhâm	Bắc	Kê đầu giường theo hướng Bắc, bên phải giường đặt một cốc nước.

Dẫn sơn hướng Thân	Đông	Kê đầu giường về hướng Đông, bên trái giường đặt một cốc nước, bên phải giường treo 4 chiếc bút lông hoặc một bức tranh cây trúc.
Dậu sơn hướng Mão và Tân Sơn hướng Ất	Đông	Kê đầu giường theo hướng Đông, bên trái giường đặt một cốc nước.
Ngọ sơn hướng Tý và Đinh Sơn hướng Quý	Nam	Kê đầu giường theo hướng Nam, bên phải giường đặt một cốc nước thủy tinh, bên trái giường treo 4 cây bút lông.
Tuất sơn hướng Thìn	Đông Nam	Kê đầu giường theo hướng Đông Nam, bên phải giường đặt 1 cốc nước.
Càn sơn hướng Tốn và Hợi sơn hướng Ty	Tây Bắc	Kê đầu giường theo hướng Tây Bắc, bên trái giường treo 4 cây bút lông, bên phải giường đặt một cốc nước.
Mùi sơn hướng Sửu	Tây	Kê đầu giường theo hướng Tây, bên phải giường treo 4 cây bút lông, bên trái giường đặt một cốc nước.
Khôn sơn hướng Cấn	Bắc	Kê đầu giường theo hướng Bắc, bên trái giường đặt một cốc nước, bên phải giường treo 4 cây bút lông.

<i>Thân sơn hướng Dẫn</i>	<i>Tây</i>	<i>Kê đầu giường theo hướng Tây, bên phải giường đặt 1 cốc nước bên trái giường đặt 4 cây bút lông hoặc 1 bức tranh trúc.</i>
<i>Sửu sơn hướng Mùi</i>	<i>Tây Bắc</i>	<i>Kê đầu giường theo hướng Tây Bắc bên trái giường đặt 1 cốc nước, bên phải giường treo 4 chiếc bút lông hoặc tranh trúc.</i>
<i>Cấn sơn hướng Khôn</i>	<i>Đông Nam</i>	<i>Kê giường theo hướng Đông Nam, bên phải giường đặt 1 cốc nước bên trái giường treo 1 bức tranh trúc hoặc treo 4 chiếc bút lông.</i>

3. Thăm Văn Xương trợ giúp vận học

Màu sắc của thăm kê dưới chân có tác dụng giúp con cái bạn trở nên thông minh hơn. Sau đây là bảng màu sắc của thăm phòng học.

Bảng màu sắc thăm phòng học

<i>Mùa và các ngày tháng sinh dương lịch</i>		<i>Màu sắc thăm</i>
<i>Mùa Xuân</i>	<i>Từ 5/2 đến 5/5</i>	<i>Đỏ, xanh lá cây, vàng</i>
<i>Mùa Hạ</i>	<i>Từ 6/5 đến 8/8</i>	<i>Xanh lam, xám</i>
<i>Giao thời Hạ Thu</i>	<i>Từ 9/8 đến 8/10</i>	<i>Đỏ, tím</i>
<i>Giao thời Thu Đông</i>	<i>Từ 9/10 đến 8/11</i>	<i>Xanh lam, xám</i>
<i>Mùa Đông</i>	<i>Từ 9/11 đến 4/2</i>	<i>Đỏ, tím</i>

CHƯƠNG THỨ BA

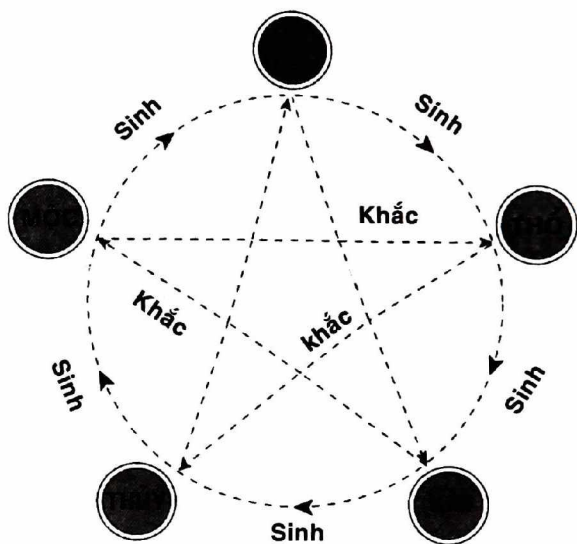
THỨC ĂN TRỢ GIÚP SAO VĂN XƯƠNG

Muốn trẻ thông minh đầu tiên bạn phải biết con bạn khuyết hành gì để lựa chọn thức ăn mà con bạn cần. Đây là điều quan trọng mà các bậc cha mẹ nên biết.

1. Tìm hiểu lý luận Âm dương Ngũ hành

Học thuyết Âm dương quan niệm, tất cả mọi vật đều có một trong hai thuộc tính: âm hoặc dương. Sự hình thành phát triển của mọi sự vật, hiện tượng là do sự vận động của hai khí âm dương tạo ra. Con người thông minh, sáng suốt, trí tuệ là kết quả của âm dương cân bằng. Con người ngu dốt, đần độn là do mất cân bằng âm dương lâu ngày dẫn đến bệnh tật. Trong một con người cũng có hai mặt âm dương. Bất cứ vật nào, hiện tượng nào, những yếu tố nào ở bên ngoài, ở bên trên, sáng, nóng, nhanh, cứng... đều là phần dương, những yếu tố nào ở bên trong, ở bên dưới, tối, lạnh, chậm... đều là phần âm.

(*)Nguyên tố: Yếu tố vật chất



H 7 - Quy luật của Ngũ hành tương sinh tương khắc

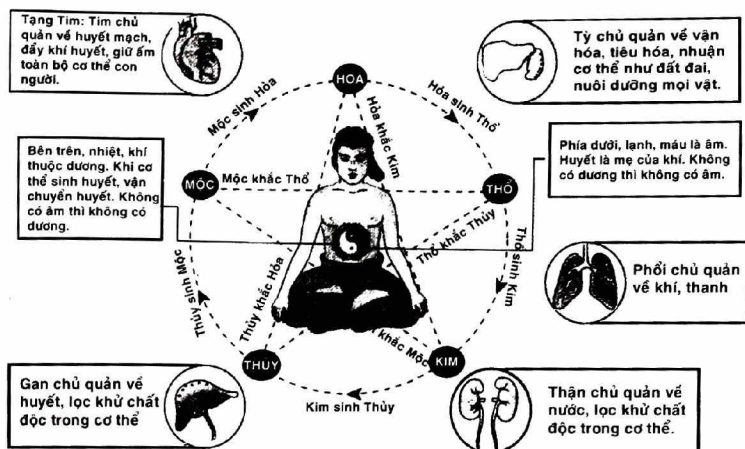
Học thuyết Ngũ hành cho rằng, thế giới vật chất do 5 hành tạo ra: Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ. Đây là 5 nguyên tố^(*) của vũ trụ. Sự phát triển của mọi sự vật trong giới tự nhiên là kết quả của sự vận động của 5 nguyên tố này. (Xem hình H4).

Quy luật tương sinh: Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim.

Quy luật tương khắc: Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ.

A: Tạng tim: Tim chủ quản về huyết mạch, đẩy khí huyết, giữ ấm toàn bộ cơ thể con người.

* Nguyên tố: yếu tố vật chất



H8 - Ngũ hành và ngũ tạng con người

B: Tì chủ quản về vận hóa, tiêu hóa, nhuận cơ thể như đất đai nuôi dưỡng mọi vật.

C: Phổi chủ quản về khí, thanh

D: Gan chủ quản về huyết, lọc khử chất độc trong cơ thể

a) Bên trên, nhiệt khí thuộc dương. Khí có thể sinh huyết, vận chuyển huyết. Không có Âm thì không có Dương.

b) Phía dưới, lạnh, máu là Âm. Huyết là mẹ của khí. Không có Dương thì không có Âm.

©Mùa Đông, bao gồm cả mùa Xuân

2. Thức ăn phù hợp với trẻ sinh mùa Đông (thức ăn mùa Đông)

Mọi thức ăn đều có tính chất ngũ hành:

Kim: chủ quản Phổi

Mộc: chủ quản Gan

Thủy: chủ quản Thận

Hỏa: chủ quản Tim

Thổ: chủ quản Tỳ và Vị

Người sinh mùa Đông, ngũ hành khuyết Hỏa, chân tay giá lạnh, thiếu sức sống, hay mệt mỏi. Nếu bạn có con cái sinh vào mùa Đông cần ăn các thức ăn để bổ sung hành Hỏa sau:

- Ăn dầu động vật:

Đầu động vật ngũ hành thuộc Hỏa như đầu cá, đầu gà, đầu chim, thủ lợn, đầu vịt. Nếu con bạn ăn sẽ thấy hiệu quả rõ ngay. Theo nghiên cứu 52 vị lãnh tụ trên thế giới ở thế kỷ XX thì có 82% số lãnh tụ thường xuyên ăn đầu cá. Đầu cá giúp con người trở nên thông minh sáng suốt. Ăn óc lợn cũng rất có lợi cho não người. Ở đây cũng nên chú ý: ăn các thức ăn này cần vận động nhiều.



H9 - Canh đầu cá là thức ăn ưa thích của các nhà lãnh tụ chính trị thế giới

- Ăn thịt dê, thịt chó.

Trẻ ngũ hành khuyết Hỏa, nên cho ăn thịt dê thịt chó. Thịt dê, thịt chó ngũ hành thuộc Hỏa, rất tốt đối với trẻ ngũ hành khuyết Hỏa. Có người phát hiện, nếu ăn thịt chó 7 ngày liên tục, hầu như tất cả các con chó đều bỏ chạy khi gặp.



H 10 - Thịt dê, chó đều rất bổ ích với trẻ ngũ hành khuyết Hỏa

- Ăn cháo tim gan lợn:

Theo kinh nghiệm dân gian các sĩ tử ngày xưa muốn thi đỗ đều ăn cháo tim gan lợn. Tim gan lợn là thức ăn hoạt huyết bổ não số một. Bạn cần cho con bạn ăn một lượng vừa phải là cũng đủ giúp con bạn thông minh học giỏi.

- Ăn lòng đỏ trứng:

Mỗi ngày 3 bữa, Einstein nhà vật lý vĩ đại chỉ ăn trứng gà. Sau khi nghiên cứu bộ não của Einstein, các nhà khoa học kết luận bộ não đặc biệt của Einstein rất đặc biệt, kết quả của việc ăn trứng gà trong một thời gian dài.

(*) Mùa hè từ 8/10 - 8/11 mùa thu (ngũ hành khuyết Thủy)

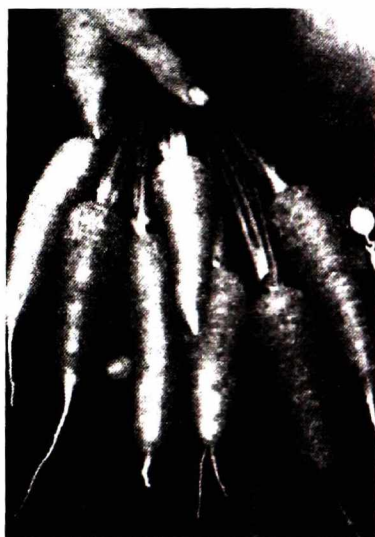
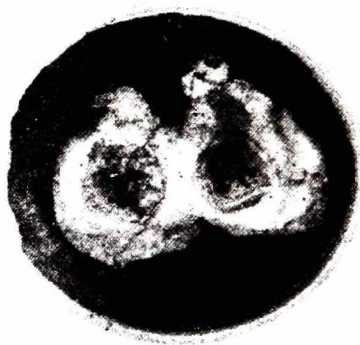
Trứng gà là thức ăn bổ não loại tốt nhất với điều kiện là lòng đỏ trứng được luộc chín trong nước sôi. Lòng đỏ trứng gà, ngũ hành thuộc Hỏa, bổ não. Nếu ăn trứng gà đều đặn, một tuần 7 quả trứng có thể tăng cường trí nhớ.

- Ăn ớt:

Các nhà kinh doanh Hồng Kông thành đạt đều thích ăn ớt. Hồng Kim Bảo được gọi là “vua ăn ớt”. Từ nhỏ Kim Bảo đã thích ăn ớt. Theo ông, những người ăn ớt rất ít khi bị cảm. Cảm theo Đông y là do Thủy gây ra. Những người ngũ hành khuyết Hỏa, vào mùa đông thường rất mệt mỏi.

- Ăn cà rốt:

Ăn cà rốt tăng cường sức đề kháng cho cơ thể, điều quan trọng hơn là tăng cường trí thông minh.



H11 - Trứng gà và cà rốt đều rất tốt cho sự phát triển trí thông minh

3. Thức ăn phù hợp với trẻ sinh mùa hè^(*) (Thức ăn mùa Hè)

- Ăn thịt bò:

Thịt bò ngũ hành thuộc Thổ (thấp Thổ), có tác dụng tản nhiệt. Có nhà triết học nói: lịch sử văn minh loài người là “lịch sử ăn thịt bò”. Những nước tư bản công nghiệp như Anh, Mỹ, Pháp lượng tiêu thụ thịt bò rất lớn. Thịt bò là thức ăn rất phù hợp với trẻ sinh mùa hè.

- Rong biển:

Rong biển ngũ hành thuộc Thủy Mộc, có nhiều chất có ích cho sức khỏe. Rong biển là thức ăn người Nhật rất thích. Nghe nói những người ăn rong biển thường trường thọ.



H12 - Rong biển là thức ăn trường thọ của người Nhật

- Uống nước đậu:

Trẻ em sinh mùa hè do ngũ hành khuyết Thủy nên mỗi tuần uống 3 lần nước đậu nành.

- Ăn cá:

Nên ăn cá loại vừa, cá hấp, nên chọn loại có kích thước vừa phải, không nên chọn cá quá to, quá dài. Những con cá dài hơn chiếc dừa thối không ngon. Cá nên ăn bữa trưa thì hiệu quả cao.

- Ăn giá đỗ:

Ăn giá đỗ sống có lợi cho sức khỏe, đặc biệt đối với trẻ sơ sinh mùa hè. Giá đỗ tính mát (hạ hỏa), bổ não.

- Ngủ dậy uống một chén nước lạnh:

Trẻ sinh mùa hạ, hỏa vượng. Nếu giữ thói quen uống nước lạnh buổi sáng rất có lợi. Từ 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều là thời gian hỏa vượng. Nên uống nước trong khoảng thời gian đó. Những người khuyết Thủy thực hiện cách này rất có hiệu quả, song điều cần nhớ là không nên uống quá nhiều.

Muốn trẻ thông minh học giỏi cần chú ý thói quen uống sau đây:

- Không nên ăn một món liên tục trong thời gian từ 3 - 4 ngày. Những chất dinh dưỡng quá thừa sẽ đọng lại trong cơ thể. Những chất này là tác nhân gây chứng rối loạn tiêu hóa.

- Những trẻ không ăn sáng thường bị sỏi mật, do lượng Cholesterol bão hòa, tích trong túi mật lâu ngày thành sỏi.

- Sau khi ăn xong không nên đánh răng

Đánh răng sau bữa ăn dễ gây ra chứng chảy máu chân răng, lợi sưng. Sau khi ăn, một hai tiếng có thể đánh răng.

- Không nên ăn mì ăn liền trong một thời gian dài



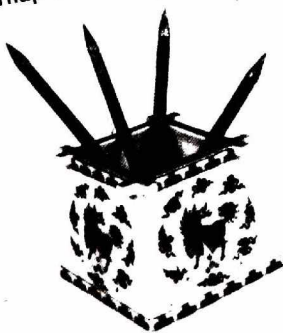
Bút Văn Xương



Tháp Văn Xương



Mũ Trạng nguyên



Ổng đựng bút văn
xương sao Tứ lục

H13 - Một số vật phong thủy Văn Xương

Mì ăn liền có chất bảo quản thực phẩm, ăn trong m
thời gian dài dễ gây chứng chướng bụng, ăn không tiêu.

- Không cho trẻ ăn cà chua xanh và khoai tây mọc mầ

Cà chua xanh và vỏ khoai tây xanh có độc tố, vị chấ
Nếu ăn nhiều sẽ trúng độc hoa mắt chóng mặt, buồn nôn...

- Không nên cho trẻ ăn lạc sống

Vỏ lạc sống lẫn trứng ký sinh trùng, gây bệnh truyền
nhiễm. Vỏ lạc bên trong có thể có vi trùng dịch hạch. Vì vậy
không nên cho trẻ ăn lạc sống.

CHƯƠNG IV

TÌM “DỤNG THẦN”(*) CUỘC ĐỜI CỦA CON CÁI

Dụng Thần ngũ hành của con cái là quy luật hưng vượng ngũ hành của con cái. Muốn cải tạo vận khí phải tìm ra được con cái thuộc ngũ hành dụng Thần nào.

Trước tiên phải tìm hiểu 12 tiết trong năm âm lịch

Bảng tiết khí

<i>Tháng âm</i>	<i>Tiết khí</i>	<i>Ý nghĩa</i>	<i>Thời gian (theo dương lịch)</i>
Giêng	LẬP XUÂN	Vào xuân	Khoảng từ 4/2 đến 5/3
Hai	KINH TRẬP	Sâu nở	Khoảng từ 6/3 đến 5/4
Ba	THANH MINH	Trong sáng	Khoảng từ 5/4 đến 6/5
Tư	LẬP HẠ	Vào hè	Khoảng từ 7/5 đến 6/6
Năm	MANG CHỦNG	Tua rua	Khoảng 7/6 đến 7/7
Sáu	TIỂU THỦ	Ồi bức	Khoảng 7/7 đến 8/8
Bảy	LẬP THU	Vào thu	Khoảng 8/8 đến 8/9
Tám	BẠCH LỘ	Nắng nhạt	Khoảng 8/9 đến 8/10
Chín	HÀN LỘ	Mát mẻ	Khoảng 8/10 đến 8/11
Mười	LẬP ĐÔNG	Vào đông	Khoảng 8/11 đến 8/12
M.Một	ĐẠI TUYẾT	Tuyết lớn	Khoảng 8/12 đến 6/11
Chạp	TIỂU HÀN	Rét ngọt	Khoảng 6/1 đến 4/2

Đối chiếu ngày sinh tháng đẻ của con cái với lịch Vạn Niên bạn sẽ tìm ra con bạn sinh trong tiết khí nào.

Ví dụ con bạn sinh ngày 22/5/1988

Tra lịch Vạn Niên thực dụng ngày 22/5/1988 Thiên Can là Đinh (Sửu), tra tháng: tháng tư thiếu, ở trong khoảng 5/5 đến 5/6 lập hạ là tháng Đinh Tỵ.

Số Can Chi ngày tháng của con bạn là “ngày Đinh tháng Tỵ”.

Sau Lập Xuân: Mộc Vượng* Sau Lập Hạ: Hỏa Vượng

Sau Lập Thu: Kim Vượng Sau Lập Đông: Thủy Vượng

Trước Lập Xuân, Lập Hạ, Lập Đông: Thổ Vượng (mỗi lần vượng 18 ngày).

1. Nếu con bạn sinh ngày GIÁP bạn tra bảng Thiên Can Giáp Mộc

Chữ Giáp đại biểu Dương Mộc, cây cổ thụ, cây cao lớn. Cá tính của con bạn nhân đức, ôn hoà, bề ngoài bình tĩnh trong lòng sôi sục, hiểu lý lẽ nhưng đa nghi, ham tài lại so đo. Những trẻ sinh ngày Thiên can chữ Giáp gọi là ngày Giáp Mộc nên nhớ kỹ một câu: “Giáp Mộc chọc trời, thoát thai dự vào Hỏa, quý như vàng mười, Canh Kim khắc chế”.

Những đứa trẻ sinh ngày thiên can chữ Giáp, căn cứ vào từng tháng để biết đứa trẻ hợp với hành nào trong ngũ hành thuộc can chi nào, xung với hành nào thuộc can chi nào.

^{*)}Dụng thần: tra bảng Thiên can ngày sinh để biết con cái sinh đúng mùa sinh hay lỗi mùa sinh. Có thuyết chủ trương “dụng thần” căn cứ vào năm sinh để tính toán sinh đúng hay lỗi mùa sinh.

Bảng Thiên Can GIÁP - MỘC

Địa chỉ tháng sinh	Ngũ hành dụng thần (ngũ hành sinh khắc)
Tháng giêng (Dần)	HỎA, THỦY (Bính, Quý)
Tháng Hai (Mão)	THỔ, KIM (Canh, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ)
Tháng Ba (Thìn)	KIM, HỎA (Canh, Đinh, Nhâm)
Tháng Tư (Tỵ)	HỎA, THỔ (Quý, Đinh, Canh)
Tháng Năm (Ngọ)	THỦY, HỎA (Quý, Đinh, Canh)
Tháng Sáu (Mùi)	THỦY, KIM (Quý, Canh, Đinh)
Tháng Bảy (Thân)	KIM, HỎA (Canh, Đinh, Nhâm)
Tháng Tám (Dậu)	KIM, HỎA (Canh, Đinh, Bính)
Tháng Chín (Tuất)	KIM, MỘC (Canh, Giáp, Đinh, Nhâm, Quý)
Tháng Mười (Hợi)	KIM, HỎA (Canh, Đinh, Bính, Mậu)
Tháng M. Một (Tý)	HỎA, KIM (Đinh, Canh, Bính)
Tháng Chạp (Sửu)	HỎA KIM (Đinh, Canh, Bính)

Vì là Giáp Mộc: cây to cần ánh sáng, cần kim để trở thành vật hữu dụng. Vì vậy trẻ Giáp Mộc rất cần trẻ Canh Kim giúp đỡ.

Trẻ Giáp Mộc sinh mùa Xuân rất tốt. Giáp thuộc Mộc, mùa xuân Mộc vượng, trẻ sinh mùa Xuân gọi là đương thời đắc lệnh (sinh đúng mùa), cuộc đời thành công.

Trẻ Giáp Mộc sinh mùa Thu rất hung, tháng Thân tháng Dậu đại hung, vì mùa Thu Kim vượng.

2. Con bạn sinh ngày Ất, bạn tra bảng Thiên Can Ất Mộc

Bảng Thiên can ẤT MỘC

Địa chi tháng sinh	Ngũ hành dụng thần (ngũ hành sinh khắc)
Tháng Giêng (Dần) Tháng Hai (Mão) Tháng Ba (Thìn)	HỎA, THỦY (Bính, Quý) HỎA, THỦY (Bính, Quý) THỦY, HỎA (Quý, Bính, Mậu)
Tháng Tư (Tỵ) Tháng Năm (Ngọ) Tháng Sáu (Mùi)	THỦY (Quý) THỦY, HỎA (Quý, Bính) THỦY, HỎA (Quý, Bính)
Tháng Bảy (Thân) Tháng Tám (Dậu) Tháng Chín (Tuất)	HỎA, THỔ (Bính, Quý, Kỷ) THỦY (Quý, Bính, Đinh) THỦY, KIM (Quý, Tân)
Tháng Mười (Hợi) Tháng M. Một (Tý) Tháng Chạp (Sửu)	HỎA, THỔ (Bính, Mậu) HỎA (Bính) HỎA (Bính)

Ất Mộc ví như cây nhỏ, cây leo. Con cái Ất Mộc tính nhu thuận, hay làm nũng, biết nhả nhịn. Ất Mộc cần nước để sinh trưởng, vì vậy Ất Mộc cần Quý Thủy. Ất Mộc cũng cần ánh sáng, vì vậy Ất Mộc cần Bính Hỏa để phát triển.

Ất Mộc cần Giáp Mộc giống như cây leo cần cây to để sinh trưởng. Vì vậy con gái Ất Mộc rất cần nam Giáp Mộc. Hồng Phật Nữ gặp Lý Tinh đã từng nói: “Thiếp vốn là dây leo, nguyện nương vào cây lớn”.

Chỉ cần At Mộc gặp Giáp mộc, bất cứ hoàn cảnh nào, màu nào đều được cứu. At Mộc gặp nước không sợ lửa.

Trẻ sinh ngày Ất Mộc gặp Can Chi Hỏa lại càng xinh đẹp. Cách này gọi là Mộc Hỏa thông minh. Bé gái Ất Mộc sinh vào mùa Hè tất thông minh xinh đẹp nhưng tính nét hung hăng, nói năng lung tung. Nếu con gái Ất Mộc có chữ “Sửu”, “Mùi” trong “bát tự”(*) thì dịu dàng vì Sửu, Mùi dưỡng Mộc.

3. Nếu con bạn sinh ngày BÍNH, bạn tra bảng Thiên Can Bính Hỏa sau:

<i>Địa chi tháng sinh</i>	<i>Ngũ hành dụng thần (ngũ hành sinh khắc)</i>
Tháng Giêng (Dần) Tháng Hai (Mão) Tháng Ba (Thìn)	KIM, THỦY (Nhâm, Canh) THUY, THỔ (Nhâm, Kỷ) THỦY, MỘC (Nhâm, Giáp)
Tháng Tư (Tỵ) Tháng Năm (Ngọ) Tháng Sáu (Mùi)	KIM, THỦY (Nhâm, Bính, Quý) THỦY, KIM (Nhâm, Canh) THỦY, KIM (Nhâm, Canh)
Tháng Bảy (Thân) Tháng Tám (Dậu) Tháng Chín (Tuất)	THỦY, THỔ (Nhâm, Mậu) THỦY (Nhâm, Quý) THỦY, MỘC (Giáp, Nhâm)
Tháng Mười (Hợi) Tháng M. Một (Tý) Tháng Chạp (Sửu)	MỘC (Giáp, Mậu, Canh, Nhâm) THỦY, THỔ (Nhâm, Mậu, Kỷ) THỦY, MỘC (Nhâm, Giáp)

(*)Bát tự: 8 chữ, chỉ giờ sinh, ngày sinh, tháng sinh, năm sinh theo Can Chi

- Bính Hỏa đại biểu dương Hỏa, như ánh mặt trời chiếu rọi khắp nơi. Trẻ em sinh ngày Bính, hiếu thắng, mạnh mẽ, tình cảm phong phú, tích cực. Các đoàn thể muốn thành công phải có những người sinh ngày Bính.

- Trẻ sinh ngày Bính nếu sinh tháng Tỵ (tháng tư) là tốt nhất vì “Đương thời đắc lệnh” (sinh đúng mùa). Nếu bát tự và lưu niên Mộc vận tốt, người này sẽ làm thủ lĩnh.

- Người sinh ngày Bính Hỏa tháng Dần, gặp chữ Ngọ trong Bát tự là người tính nóng, nhưng gặp Thổ tất dịu đi, song khiến vận xấu.

- Có người Bính Hỏa gặp vận về nhà hay chửi bới lung tung. Hóa ra trong nhà sử dụng tivi lớn, trải thảm đỏ. Sau khi bỏ thảm đỏ, đổi tivi nhỏ, đặt tượng đất. Từ đó chủ nhà không còn chửi bới nữa.

4. Nếu con bạn sinh ngày Đinh, bạn tra bảng Thiên Can Đinh Hỏa

- Đinh đại biểu âm hỏa, chỉ lửa đèn. Bính hỏa hướng ngoại, Đinh Hỏa hướng nội. Trẻ Đinh Hỏa sinh tháng Dần, Tỵ, Ngọ tính hướng nội rất rõ. Nữ Đinh Hỏa tính hoà nhã, thích buôn bán, yêu quý tiền bạc. Đinh Hỏa cần lửa đèn trợ giúp.

- Lời Kinh nói: “Đinh Hỏa nhu mì, tính ôn hòa, gặp Ất thì hiếu, gặp Nhâm thì trung”. Đinh Hỏa gặp Ất Mộc như con gái gặp mẹ, gặp Nhâm Thủy hóa giải hung sát.

- Tuy Đinh Hỏa không mạnh như Bính Hỏa song có thể luyện Kim thành khí. Đinh Hỏa có Giáp Mộc kết hợp mới vượng. Giáp Mộc lại dựa vào Canh Kim mới trợ giúp được Đinh Hỏa. Cho nên có câu: “Đinh Hỏa cần cả Canh Kim lẫn Giáp Mộc”.

Dịa chi tháng sinh	Ngũ hành dụng thần (ngũ hành sinh khắc)
Tháng Giêng (Dần)	MỘC, KIM (Giáp, Canh)
Tháng Hai (Mão)	KIM, MỘC (Canh, Giáp)
Tháng Ba (Thìn)	MỘC, KIM (Giáp, Canh)
Tháng Tư (Tỵ)	MỘC, KIM (Giáp, Canh)
Tháng Năm (Ngọ)	THỦY, KIM (Nhâm, Canh, Quý)
Tháng Sáu (Mùi)	MỘC, THỦY (Giáp, Nhâm, Canh)
Tháng Bảy (Thân)	MỘC, KIM (Giáp, Canh, Bính, Mậu)
Tháng Tám (Dậu)	MỘC, KIM (Giáp, Canh, Bính, Mậu)
Tháng Chín (Tuất)	MỘC (Giáp, Canh, Mậu)
Tháng Mười (Hợi)	MỘC, KIM (Giáp, Canh)
Tháng M. Một (Tý)	MỘC (Giáp, Canh)
Tháng Chạp (Sửu)	MỘC (Giáp, Canh)

5. Nếu con bạn sinh ngày Mậu, bạn tra bảng Thiên Can Mậu Thổ

- Mậu đại biểu dương Thổ, thường chỉ thổ cứng có tính hỏa, đá cũng được coi là dương Thổ.

- Trẻ sinh ngày Mậu thường trầm tĩnh, biết nhẫn nhịn, chịu khổ cực, bề ngoài mềm mỏng nhưng bên trong cứng rắn. Có thể kiên trì thực hiện đến cùng mục tiêu đã đặt ra.

- Nam Mậu Thổ phần lớn cần ba yếu tố: Giáp Mộc, Bính Hỏa và Quý Thủy giúp đỡ:

Giáp Mộc là Thất Sát (thách thức, tai nạn), Bính Hỏa là Thiên Ấn (học thức, ái tình, thể lực), Quý Thủy là Tam tố (vợ con, tiền của, sự nghiệp).

Thiếu một trong 3 yếu tố thì không thành đạt.

Bảng Thiên can Mậu Thổ

Địa chi tháng sinh	Ngũ hành dụng Thần (ngũ hành sinh khắc)
Tháng Giêng (Dần)	HỎA, MỘC (Bính, Giáp, Quý)
Tháng Hai (Mão)	HỎA, MỘC (Bính, Giáp, Quý)
Tháng Ba (Thìn)	MỘC, HỎA (Giáp, Bính, Quý)
Tháng Tư (Tỵ)	MỘC, HỎA (Giáp, Bính, Quý)
Tháng Năm (Ngọ)	THỦY, MỘC (Nhâm, Giáp, Bính)
Tháng Sáu (Mùi)	THỦY, HỎA (Quý, Bính, Giáp)
Tháng Bảy (Thân)	HỎA, THỦY (Bính, Quý, Giáp)
Tháng Tám (Dậu)	HỎA, THỦY (Bính, Quý)
Tháng Chín (Tuất)	MỘC, HỎA (Giáp, Bính, Quý)
Tháng Mười (Hợi)	MỘC, HỎA (Giáp, Bính)
Tháng M. Một (Tý)	HỎA, MỘC (Bính, Giáp)
Tháng Chạp (Sửu)	HỎA, MỘC (Bính, Giáp)

- Nữ Mậu Thổ cũng cần 3 loại yếu tố giúp đỡ

Giáp Mộc là Thiên Quan (tình nhân, chồng, thách thức, áp lực), Bính Hỏa là Thiên Ân (tình yêu của người mẹ, tình cảm của bạn nữ lớn tuổi), Quý Thủy (tiền của, thu nhập ổn định). Nữ Mậu Thổ nếu có 3 yếu tố (3 điều kiện) trên mới thành đạt.

- Mậu Thổ có thể trồng cây lớn, vì vậy thường là bậc đại trí. Trẻ Mậu Thổ sinh tháng Sửu, Mùi, Dần hung.

- Mậu Thổ có thể ngăn được Thủy, vì vậy trẻ Mậu Thổ lớn lên dễ thành danh. Rất nhiều liệt sĩ là người Mậu Thổ.

- Mậu Thổ gặp Quý Thủy: tài giỏi xuất chúng.

- Trẻ Mậu Thổ thường mắc bệnh đường hô hấp, dễ bị cảm, thể chất suy yếu. Tuổi người Mậu Thổ đa sầu đa cảm, tình cảm hay thay đổi, tính tình không ổn định.

- Người Mậu Thổ muốn thành công phải được bạn bè, gia đình, đồng nghiệp hợp tác giúp đỡ. Người Mậu Thổ nên thận trọng khi làm các công việc quan trọng, tránh rơi vào sai lầm.

6. Nếu con bạn sinh ngày Kỷ, bạn tra bảng Thiên Can Kỷ Thổ

Bảng Thiên Can Kỷ Thổ

<i>Địa chi tháng sinh</i>	<i>Ngũ hành dụng Thần (Ngũ hành sinh khắc)</i>
Tháng Giêng (Dần)	HỎA, KIM (Bính, Canh, Giáp)
Tháng Hai (Mão)	MỘC, THỦY (Giáp, Quý, Bính)
Tháng Ba (Thìn)	THỦY, HỎA (Bính, Quý, Giáp)
Tháng Tư (Tỵ)	THỦY, HỎA (Quý, Bính)
Tháng Năm (Ngọ)	THỦY (Quý, Bính)
Tháng Sáu (Mùi)	THỦY (Quý, Bính)
Tháng Bảy (Thân)	HỎA (Bính, Quý)
Tháng Tám (Dậu)	HỎA (Bính, Quý)
Tháng Chín (Tuất)	MỘC, HỎA (Giáp, Bính, Quý)
Tháng Mười (Hợi)	HỎA, MỘC (Bính, Giáp, Mậu)
Tháng M. Một (Tý)	HỎA, MỘC (Bính, Giáp, Mậu)
Tháng Chạp (Sửu)	HỎA, MỘC (Bính, Giáp, Mậu)

- Kỷ Thổ đại biểu âm Thổ, thường chỉ đất ẩm ướt ở bên sông hoặc ven biển. Đất Kỷ Thổ dùng để trồng hoa, rau, không trồng được cây tui. Nếu không đất sẽ bị nguy khốn.

- Tré Kỷ Thổ có tính tình bạo ngược người khác, không có năng lực đảm đương trọng trách lớn, tâm nhàn hạ, hay vô đoàn. Người Kỷ Thổ hoa nhai, vui vẻ nhưng trong lòng đã nghĩ, hay lý sự có tính chống đối mạnh.

- Kỷ Thổ kết hợp với Sửu Thổ, Thìn Thổ sinh Kim. Người khuyết Kim, sinh mùa Xuân, rất thích người Kỷ Thổ. Những người sinh ngày Kỷ thường dễ bị tai nạn sông nước. Khi nghiên cứu các người bị nước là cuộc triển, các nhà phong thủy phát hiện phần lớn là người Kỷ Thổ.

7. Nếu con bạn sinh ngày Canh, tra bảng Thiên Can Canh Kim

Địa chỉ tháng sinh	Ngũ hành dung thân, ngũ hành sinh khắc
Tháng Giêng Dần	THỔ, MỘC, MÃI, GIÁC, NHÂM
Tháng Hai Mão	THỔ, MỘC, ĐINH, GIÁC
Tháng Ba Thìn	MỘC, THỔ, GIÁC, ĐINH
Tháng Tư Tỵ	THỔ, THỔ, NHÂM, DẦN
Tháng Năm Ngọ	THỔ, NHÂM, QÜY
Tháng Sáu Mùi	THỔ, MỘC, ĐINH, GIÁC
Tháng Bảy Thân	THỔ, MỘC, ĐINH, GIÁC
Tháng Tám Dậu	THỔ, MỘC, ĐINH, GIÁC
Tháng Chín Tuất	MỘC, THỔ, GIÁC, NHÂM
Tháng Mười Hợi	THỔ, ĐINH, ĐINH
Tháng Mười Một Tý	THỔ, MỘC, ĐINH, GIÁC, ĐINH
Tháng Mười Hai Sửu	THỔ, MỘC, ĐINH, GIÁC, ĐINH

- Trẻ mệnh Canh Kim, mệnh mang sát khí.

- Canh Kim đại biểu dương Kim, Kim phủ việt (rìu, giáo, mác) thường chỉ rừu. Điều kỳ lạ, các người Canh Kim rất thích treo đặt các đồ sắt thép trong nhà.

- Trẻ nam Canh Kim có cá tính bạo trực, nữ phần lớn thô bạo, tính cương cường. Tính lực khí phách mạnh mẽ, hay sĩ diện, quyết đoán, thể hiện rõ thấy ở người Canh Kim sinh tháng Thân, tháng Dậu. Dùng Đinh hỏa luyện Canh Kim rất tốt. Canh Kim là giúp Giáp Mộc.

- Canh Kim gặp Nhâm Thủy rất tốt. Nữ Canh Kim gặp Đinh Hỏa như cá gặp nước, được mọi người kính trọng. Canh Kim gặp Sửu Thổ, Thìn Thổ, trở nên trì độn, gặp Mùi Thổ, Tuất Thổ dễ gây. Canh Kim gặp Ất Mộc rất tình cảm. Nữ Canh Kim dễ trở thành “nam giới” trong quan hệ đồng tính luyến ái”.

Nữ Canh Kim thường có số mệnh khổ. Do tính quá cương cường nên nữ Canh Kim thường tự gây ra đau khổ.

8. Nếu con bạn sinh ngày Tân, bạn tra bảng Thiên Can Tân Kim

- Tân Kim đại biểu âm Kim, tuy không bằng Canh Kim nhưng là người có nghị lực, vươn lên, không chạy theo hư vinh, cuộc đời người Tân Kim vất vả. Tân Kim cần gặp Thổ mới Vượng, song đề phòng “Thổ trong Kim vùi”, khó vươn lên.

- Nếu Thổ nhiều Tân Kim cần Nhâm Thủy giúp. “Canh Kim mềm yếu, sợ Thổ nhiều, mong Thủy giúp, có thể giúp xả tắc, cứu sinh linh. Nhiệt thì hỷ mẫu, hàn thì hỷ đinh”.

- Người Tân Kim sinh tháng Hai tất đại phú quý. Sinh tháng Tám no đủ.

Bảng Thiên Can Tân Kim

Địa chi tháng sinh	Ngũ hành dụng thần (ngũ hành sinh khắc)
Tháng Giêng (Dần)	THỔ, THỦY (Kỷ, Nhâm)
Tháng Hai (Mão)	THỦY, MỘC (Nhâm, Giáp)
Tháng Ba (Thìn)	THỦY, MỘC (Nhâm, Giáp)
Tháng Tư (Tỵ)	THỦY, THỔ (Nhâm, Giáp)
Tháng Năm (Ngọ)	THỦY, KIM (Nhâm, Canh)
Tháng Sáu (Mùi)	THỦY, MỘC (Nhâm, Giáp)
Tháng Bảy (Thân)	THỦY, MỘC (Nhâm, Giáp)
Tháng Tám (Dậu)	THỦY, MỘC (Nhâm, Giáp)
Tháng Chín (Tuất)	THỦY, MỘC (Nhâm, Giáp)
Tháng Mười (Hợi)	THỦY, HỎA (Nhâm, Bính)
Tháng M. Một (Tý)	HỎA, THỔ (Nhâm, Mậu)
Tháng Chạp (Sửu)	HỎA, THỦY (Bính, Nhâm)

9. Nếu con bạn sinh ngày Nhâm, bạn tra bảng Thiên Can Nhâm Thủy

- Nhâm, đại biểu dương thủy, như nước sông cái, chảy ngàn dặm. Người Nhâm Thủy mạnh dạn thẳng thắn, mạnh mẽ, dễ kích động, tính hay thay đổi, có trách nhiệm, đại khái qua loa, vô đoán, thiếu tính người.

- Gái Nhâm Thủy sinh mùa thu, mạnh mẽ đam đang, nếu quá mạnh mẽ cần Mậu Thổ ngăn chặn. Nhâm Thủy là hàn thủy, phải dùng Đinh Hỏa để sinh Mậu Thổ. Người Nhâm Thủy, sức khỏe tốt là mệnh tốt, nếu sức yếu phần lớn buồn khổ.

- Sách "Trích Thiên Tuy cơ cấu. "Nhâm Thủy thông hà, có thể tiết Kim khí, đức cương, chảy mãi không dừng. Thông căn gặp Quý, có thể xung thiên, biến hóa mà hữu tình, cùng tương trợ". Người Nhâm Thủy sinh địa chi tháng 7, 11, 3, 10, 12 là nước lớn. Nhâm Thủy sinh mùa Xuân gặp Đinh Hỏa rất có tình, sinh mùa hè như Thủy vô Kim, hợp Mộc với Đinh Hỏa, chỉ có công nhuận sắc.

Bảng Thiên Can Nhâm Thủy

Dịa chi tháng sinh	Ngũ hành dụng Thần (Ngũ hành sinh khắc)
Tháng Giêng (Dần) Tháng Hai (Mão) Tháng Ba (Thìn)	KIM, HỎA (Canh, Bính) THỔ, KIM (Mậu, Tân) MỘC, KIM (Giáp, Canh)
Tháng Tư (Tỵ) Tháng Năm (Ngọ) Tháng Sáu (Mùi)	THUỖ, KIM (Nhâm, Tân) THUỖ, KIM (Quý, Canh) KIM, MỘC (Tân, Giáp)
Tháng Bảy (Thân) Tháng Tám (Dậu) Tháng Chín (Tuất)	THỔ, HỎA (Mậu, Đinh) MỘC, KIM (Giáp, Canh) MỘC, HỎA (Giáp, Bính)
Tháng Mười (Hợi) Tháng M. Một (Tý) Tháng Chạp (Sửu)	THỔ, HOẢ (Mậu, Bính) THỔ, HỎA (Mậu, Bính) HỎA, MỘC (Bính, Đinh, Giáp)

10. Nếu con bạn sinh ngày Quý, tra bảng Thiên Can Quý Thủy

- Quý đại biểu âm Thủy, chỉ nước mưa. Quý Thủy gặp Thủy trí nhớ tốt, khá bảo thủ, nhút nhát, tiết kiệm. Sức yếu hướng nội, trầm, sắc mặt hơi đen, cần rèn luyện.

Bảng Thiên Can Quý Thủy

<i>Địa chi tháng sinh</i>	<i>Ngũ hành dụng thần (ngũ hành sinh khắc)</i>
<i>Tháng Giêng (Dần)</i> <i>Tháng Hai (Mão)</i> <i>Tháng Ba (Thìn)</i>	<i>KIM, HỎA (Tân, Bính)</i> <i>KIM (Canh, Tân)</i> <i>HỎA, KIM (Bính, Tân)</i>
<i>Tháng Tư (Tỵ)</i> <i>Tháng Năm (Ngọ)</i> <i>Tháng Sáu (Mùi)</i>	<i>KIM (Tân)</i> <i>KIM, THỦY (Canh, Nhâm)</i> <i>KIM, THỦY (Canh, Nhâm)</i>
<i>Tháng Bảy (Thân)</i> <i>Tháng Tám (Dậu)</i> <i>Tháng Chín (Tuất)</i>	<i>HỎA (Đinh)</i> <i>KIM, HỎA (Tân, Bính)</i> <i>KIM, MỘC (Tân, Giáp)</i>
<i>Tháng Mười (Hợi)</i> <i>Tháng M. Một (Tý)</i> <i>Tháng Chạp (Sửu)</i>	<i>KIM, THỔ (Canh, Tân, Dậu)</i> <i>HỎA, KIM (Bính, Tân)</i> <i>HỎA (Bính, Đinh)</i>

- Quý, Thủy còn chỉ tân dịch trong cơ thể. Ất Mộc cần Quý Thủy. Quý Thủy mạnh, hợp với Bính Hỏa. Quý Thủy sinh tháng 3 tài giỏi hơn người.

- Quý Thủy sinh tháng 4, 5, 6, 9 có thể hóa thành Hỏa gặp Mậu Thổ phải cẩn thận.

- Trẻ Quý Thủy có hạn tiền kiếp, có lúc lại có duyên tiền kiếp. Tò Đông Pha là người Quý Thủy điển hình, luôn gặp các nhân tài duyên nợ.

- Trẻ Quý Thủy là người có tài song kết hợp với Bính Hỏa, Đinh Hỏa, Thủy Hỏa tương tế rất tốt.

CHƯƠNG V

CHIẾN THUẬT SỐNG THEO NGŨ HÀNH

Biết ngũ hành của con cái, bạn có thể quy hoạch một kế hoạch thành công Văn Xương cho con cái. Điều này có thể thay đổi vận khí học tập của con cái. Bạn chớ có coi thường một cái áo màu đỏ, người khuyết Hỏa chỉ cần mặc áo màu đỏ, trong túi đặt cục pin, vận khí sẽ thay đổi.

Con bạn khuyết Hỏa chỉ cần nhờ thầy sinh mùa hè hỏa vượng dạy là có thể giúp con bạn thành công trong học tập.

1. Nếu con bạn ngũ hành khuyết hỏa (sinh mùa Đông hoặc Thiên Can ngày sinh Bính, Đinh) phải bổ khuyết (dụng thần) Hỏa

- Nếu con bạn mặc áo màu hồng, tường phòng học của con bạn cũng màu đỏ.
- Bạn nhất định phải mua một chiếc gối màu đỏ cho cháu.
- Mùa đông cho con bạn đắp chăn điện
- Thăm phòng học của cháu nên là thăm đỏ



H15 - Chậu cảnh.

Ở phong vị Văn Xương, có thể đặt chậu cảnh hoặc 4 cây trúc hoặc treo 4 cây bút lông để thúc đẩy vận khí học tập của con cái

- Rửa mặt nước nóng, sáng ăn lòng đỏ trứng, bữa chính ăn đầu cá, đầu gà, đầu vịt, óc lợn, cháo tim gan, thịt nướng.
- Có thể cho con bạn ăn đào, cà rốt, cà chua, ớt
- Túi áo để bật lửa, cục pin.
- Treo tranh chó, ngựa mèo trong phòng học
- Thời gian học tốt nhất của cháu: 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều, tối từ 7 giờ đến 9 giờ. Nên ngủ dậy sớm.
- Tranh thủ tắm nắng buổi sáng.
- Đi du lịch Austraylia, Singapore, Thái Lan, Mỹ, Ấn Độ, Ai Cập, Nam Phi.

...iền trong phong ngũ tạng
nhiều càng tốt.

- Trường học ở phía Nam nhà ở.
- Nên chọn nghề liên quan đến vi tính, thông tin...
- Khi đi thi nên mặc áo lót màu đỏ, túi đựng 9 quả ớt đỏ.
- Vở bút màu đỏ, pin 9 cục.
- Buổi sáng con bạn khỏe hơn buổi chiều.

2. Nếu con bạn ngũ hành khuyết Thổ (sinh tháng nhuận âm lịch hoặc Thiên Can ngày sinh Mậu, Kỷ) phải bổ khuyết Thổ

- Nên cho con bạn mặc áo màu vàng, màu cà phê nhạt, tường phòng học màu vàng nhạt, gối màu vàng, vỏ chăn màu vàng.
- Ngủ dậy rửa mặt nước ấm. Sáng ăn cháo gà, cháo tim gan.
- Bữa chính ăn nhiều thịt lợn, bò, dê. Không ăn chay.
- Có thể ăn cà chua sống, hoa quả.



H16 - Giá bút Văn Xương dùng để gác bút lông

- Bàn học nên đặt bình gốm sứ, treo tranh chó, rồng, dê, trâu.

- Trồng nhiều loại cây

- Thời gian học tốt nhất sáng từ 7 - 9 giờ, chiều 1 - 5 giờ, sáng sớm 1 - 3 giờ.

- Vận động buổi sáng chạy bộ chân đất là tốt nhất

- Đi du lịch Canada, Hàn Quốc, Nam Phi, Philippin, các nước Đông Âu.

- Bên cạnh vì tính đặt lọ gốm.

- Buổi chiều khoẻ hơn buổi sáng.

- Trường Đại học nên chọn ở Úc, Canada, Pháp, Anh

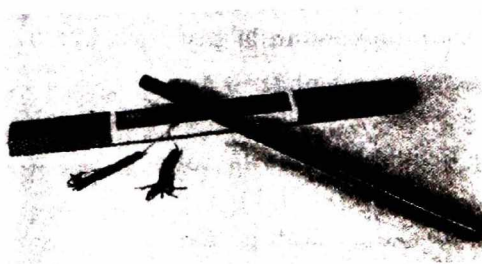
- Chọn ngành quản trị kinh doanh, kỹ sư xây dựng, y khoa.

- Chọn thầy dạy thêm sinh tháng 3, 6, 9, 12 vì tháng 3, 6, 9, 12 là thời kỳ tốt nhất.

- Khi đi thi để đồ gốm trong túi, có thể để cà đá, sỏi.

3. Nếu con bạn ngày sinh thuộc mệnh KIM (sinh mùa xuân hoặc Thiên Can ngày sinh Canh, Tân) phải bổ khuyết Kim

- Nên mặc áo màu trắng, đen, xám, bạc, đeo đồ trang ỨC dùng đồ đồng, đặt tủ lạnh trong phòng học.
- Có thể để một chiếc gương trong cặp.
- Dùng thảm ánh bạc.
- Ngủ dậy rửa mặt nước lạnh, ăn sáng cháo tim gan.
- Có thể ăn trứng cá, bít tết, giá đỗ, rong biển, hạnh đào kem.
- Khi học tốt nhất mở quạt, điều hòa
- Thời gian học tốt nhất 3 giờ chiều đến 9 giờ tối.
- Đi du lịch Anh, Mỹ là tốt nhất
- Khi sử dụng vi tính, đặt đồng ở bên.
- Có thể treo kiếm, dao trong phòng học
- Chọn trường học ở phía Tây nhà
- Buổi chiều sức khỏe tốt hơn buổi sáng



H17 - Ống sáo cũng là vật phong thủy

- Nên chọn nghề quản trị kinh doanh, kế toán, tài chí
- Chọn thầy mạng Thổ dạy thêm.
- Đi thi mặc áo lót màu trắng, ánh bạc, đen
- Túi áo đặt đồng xu đồng, đồ kim loại
- Hằng năm từ 8/8 đến 11/11 là thời kỳ tốt nhất.

4. Nếu con bạn ngũ hành khuyết Mộc (sinh mùa Tl hoặc Thiên Can ngày sinh Giáp, Ất) phải bổ khuy Mộc

- Nên cho con bạn mặc áo màu xanh, gối màu xanh, tường phòng học màu xanh, treo tranh mèo, hoa mẫu đơn, “trúc báo bình an”, đầu giường treo tranh sáo trúc.

- Dùng đồ gỗ, ăn nhiều rau, cá, trứng gà, rong biển, nho, gan lợn, não lợn, cánh vịt, vịt nướng, giá đỗ, hoa quả.

- Nên có chậu cảnh ở cạnh bàn học

- Dùng thảm màu xanh lá cây

- Thời gian học tốt nhất từ 5 - 9 giờ sáng.

- Đi du lịch Mỹ, Nhật là tốt nhất

- Khi đi thi dùng mảnh gỗ đặt trong túi, bút màu xanh.

- Chọn trường phía Nam nhà ở



H18 - 8 đồng tiền cổ

- Chọn ngày, giờ, địa điểm xây dựng là tốt nhất
- Nên chọn thầy ngũ hành đa mộc dạy thêm (tức sinh mùa xuân).
- Nếu thi mùa hè nên tắm mát trước khi đi thi
- Hàng năm từ 4/2 đến 5/5 đi thi có lợi.
- Không nên sử dụng nhiều đồ kim loại hoặc để đồ kim loại trong phòng ngủ.

5. Nếu con bạn ngũ hành khuyết Thủy (sinh mùa hè hoặc sinh ngày Thiên Can Nhâm Quý) phải bổ khuyết Thủy

- Khuyến khích con bạn ăn canh cá, buổi sáng ăn một quả trứng.

- Sáng ngủ dậy, trẻ ngũ hành khuyết Thủy nên rửa mặt nước lạnh, ăn cháo, rong biển.

- Khi đọc sách nên để một cốc nước ở bên cạnh

- Nên ngâm mình trong nước, bơi lội, uống nước nhiều

- Nên ăn kẹo cao su, uống nước đậu, ăn đậu phụ

- Thời gian học tốt nhất 9 giờ tối đến 3 giờ sáng.

- Vận động buổi sáng tốt nhất: bơi

- Du lịch vùng biển...



H19 - Bút Văn xương

-
- Treo tranh hồ nước trong xanh, chơi bình hoa có nước
 - Uống mật ong và nước hoa quả
 - Chọn trường ở phía Bắc nhà ở.
 - Du học Tây Âu.
 - Học nghề quản trị kinh doanh, quảng cáo...
 - Chọn bạn sinh từ 8/11 đến 4/2 (sinh mùa đông)
 - Trước khi đi nên tắm, nên mang bình nước uống.

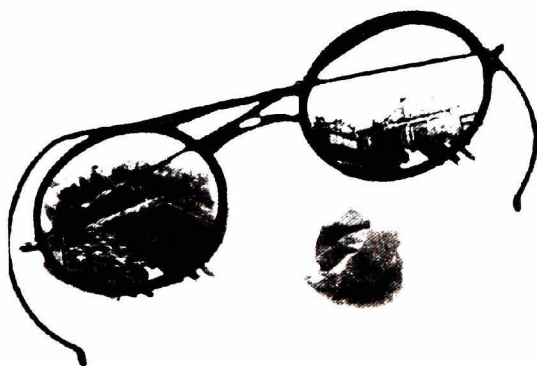
CHƯƠNG VI

TƯỚNG MẶT TƯỚNG BÀN TAY HỌC HÀNH CỦA CON CÁI

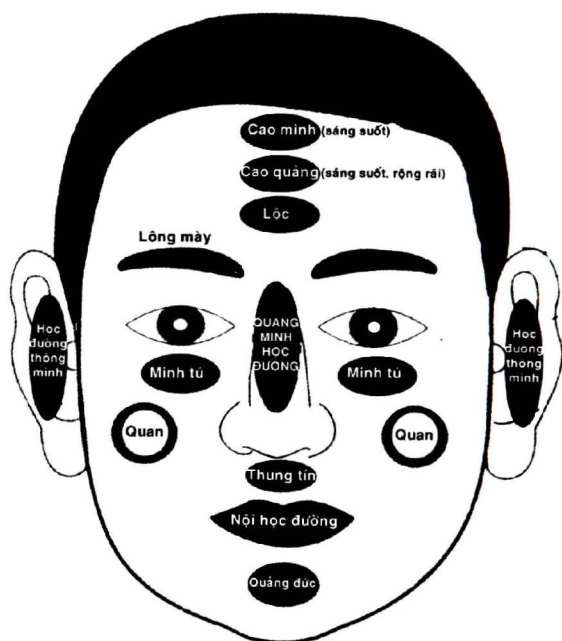
Tướng mặt, tướng bàn tay thể hiện mức độ thông minh thành tích học tập của con cái. Vùng tứ học đường trên mặt quyết định vận học hành của con cái, đường trí tuệ quyết định thành tích học tập của con cái. Tuy tướng mặt, tướng tay là thiên định song vẫn có thể thay đổi được.

1. Học đường mắt của con cái

Học đường mắt còn gọi là học đường quan. Một đôi mắt sáng, có hồn, đẹp có thể giúp con bạn học giỏi, có vị trí trong



H20 - Mắt còn gọi là "học đường quan", Khi thị lực của con cái có vấn đề cần đeo kính hoặc mổ thị lực.



H21 - 8 vị trí học đường

xã hội. Sách cổ nói: “Mắt là học đường quan, là quan tin. Mắt đẹp, sáng phải lòng trắng lòng đen rõ ràng, dài, có hồ. Mắt chủ quản văn chương, thanh danh, mắt trong sáng, tâ trong sáng, là sang.

Sách “Nhân luân đại thống phú” nói: “mắt sáng, trí tu thâm hậu”. Mắt như mắt phượng, năng lực tư duy nhanh nhạy trí nhớ tốt. Mắt phượng là mắt giữa xuôi đuôi cong vút. Người có mắt phượng hay gặp họa đào hoa.

Cần cho con cái ăn uống có chất bổ mắt, vitamin A. Nếu ăn nhiều dầu cá, con cái mắt sáng, tuy bị lùn nhưng học đứ đầu khóa.

2. Học đường trán của con cai

Học đường trán còn gọi là “lộc học đường”. Trán rộng, đẹp, trí tuệ phát triển, tinh thần hăng hái. Con cái kỳ trán thấp, hẹp, lệch, nghiêng, méo, lõm, có lông. Trán mọc lông e rằng bố mẹ chết sớm. Trán rộng đầy đặn, cân, có lộc, có tài, thiếu niên thành đạt.

3. Học đường tai của con cái

Tai ngũ hành thuộc Thủy. Tai cần to, không vênh. Tai có nốt ruồi chủ thông minh. Tai gọi là “ngoại học đường”. Tai nên có thành quách, dày, bóng, dài tai to. Tai thông với thận, khí thận thực, chủ thông minh. Sách cổ nói: “Tai gọi là “ngoại học đường”, còn gọi là “Kim Mã học đường”, “Thông minh học đường”, “nổi tiếng học đường”. Tai cần to, đỏ, mượt bóng. Tai to, dày, chủ phú quý, trường thọ”.

Tai khuyết, mỏng, nhọn, hay chống đối. Tai trái biểu thị vận số của nam từ 1 - 7 tuổi, tai phải biểu thị vận số của nữ từ 1 - 7 tuổi. Lỗ tai to, trí nhớ lâu bền.

4. Học đường răng cửa của con cái

Răng cửa gọi là “nội học đường”, răng cửa khuyết, mọc lung tung, vận học trực trặc.

Sách “Nhân luân đại thống phú” nói: “Hai răng cửa khuyết, số trực trặc. Học đường đầy đủ, cân xứng, tiếng tăm lừng lẫy thiên hạ”. Răng cửa to, đều, sít, trắng, dài, chủ hiếu học, suy nghĩ nhanh.

Răng thưa, răng nhỏ, răng khuyết đều hung. Răng đủ ố học hành thông. Răng đều chủ trung tín, hiếu kính.

5. Đường trí tuệ lòng bàn tay của con cái

Đường trí tuệ còn gọi là đường Lý trí. Nếu đường trí tuệ sâu rõ, bên cạnh có một đường song song. Đuôi đường lý trí phân nhánh. Chủ là người có tài, học rộng, chí lớn, tư duy độc đáo, đạt thành tích trong học tập, công tác. Nếu trên đường trí tuệ xuất hiện hình tròn, hình vuông nhỏ, cần đề phòng tai họa, bệnh tật. Đường trí tuệ ngắn, bất lợi học hành. Đường trí tuệ bị ngắt quãng, học không tập trung, hay quên.

6. Sắc mặt học hành của con cái

Quan sát sắc mặt có thể biết được vận học hành, thi cử trong 3 tháng. “Liễu Trang tướng pháp” khí sắc mặt chỉ sắc mặt của Mệnh Môn, hai tai, ấn đường, Sơn Căn. Nếu màu sắc của 4 vị trí trên bóng sáng thì thi cử đỗ đạt, học hành tiến bộ.

7. 10 bước xem từ đầu đến chân tướng Văn Xương của con cái

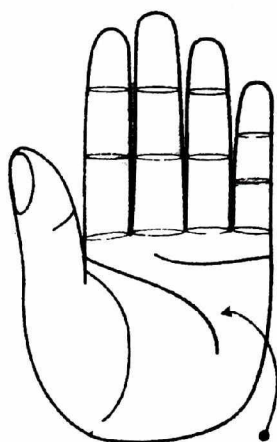
1) Xem tóc: tóc thô, cứng, rậm, rối, mọc lung tung, vận Văn Xương (học hành) khiếm khuyết, cả đời lao khổ, bướng bỉnh. Tóc mềm, mịn, ngoan, dễ bảo, cuộc đời nhàn nhã.

2) Xem trán: Trán rộng đại cát, trán cao, phẳng, không nhăn, vận học hành thông. Trán dô, gồ ghề, học hành trắc trở.

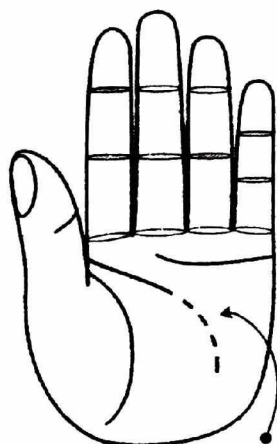
3) Xem lông mày: Lông mày mọc ngược, bướng bỉnh. Mày rậm, thiếu niên đắc chí. Mày thưa, tự ti.

4) Xem mắt: mắt to mắt nhỏ, mắt cao mắt thấp, mắt uyên ương, cha mẹ li dị. Mắt gà chọi dễ mắc bệnh tim, khó học giỏi.

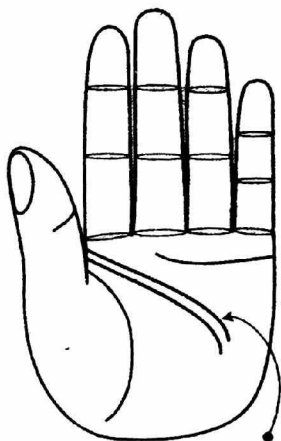
5) Xem tai: Tai ky bé, lệch, vẹo, xiên. Tai là bộ phận quan trọng nhất đối với học hành. Tai không nên vênh. Tai vênh ương ngạnh. Tai cao dễ thành tài.



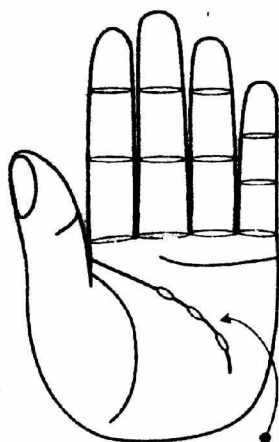
Đường vân tay trí tuệ



**Đường vân tay đứt quãng,
trí tuệ và trí lực kém**

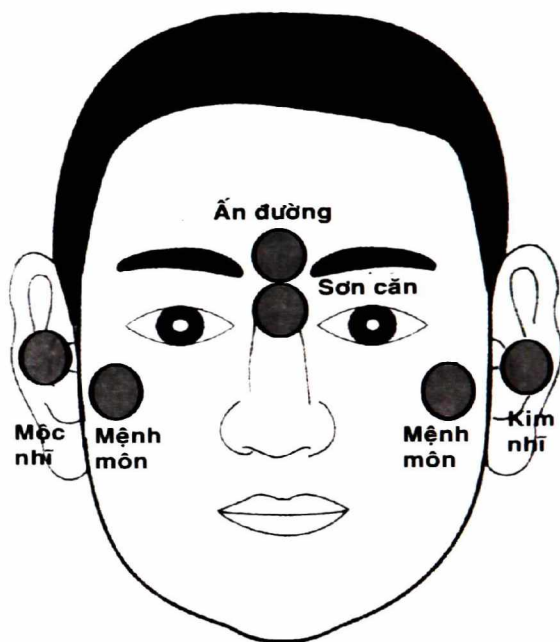


**Đường lý trí song trùng, chủ
thông minh tuyệt đỉnh**



**Đường lý trí ốc đảo,
chủ tai họa bệnh tật**

H22 - Đường trí tuệ trong lòng bàn tay



H23 - Xem tướng vân Xương của con cái

- 6) Xem mũi: mũi có gân xanh, sức yếu, nhút nhát.
 - 7) Xem miệng: miệng có góc cạnh, có tài ăn nói.
 - 8) Xem răng: răng trắng, đều, học sáng dạ. Răng khá khềnh, hay nói khoác, không giữ lời. Răng thưa vô duyên.
 - 9) Nghe tiếng nói: Tiếng nói vang phát tài, có tiền đồ.
 - 10) Nhìn dáng đi: bước chân trái trước, trẻ vận hay thông minh, bước chân phải, học vất vả, học nhiều nhớ ít.
- Nếu dưới cằm có "thịt", cằm đầy đặn, về già hưng vượng con cái phụng dưỡng.

CHƯƠNG VII

MỆNH LÝ THẦN SÁT VÀ MỆNH HỌC CỦA CON CÁI

Dựa vào bát tự (8 chữ ngày sinh tháng đẻ theo Can chi) có thể dự báo được vận học của con cái. Vận học hay còn gọi là duyên học hành phụ thuộc vào sao Văn Xương.

1. Lý luận học đường Văn Xương

Muốn biết con cái có duyên với sao Văn Xương không phải dựa vào ngày sinh tháng đẻ.

Đầu tiên phải biết Thiên Can ngày sinh của con bạn và địa chi bát tự và địa chi đại vận (10 năm), đối chiếu xem có địa chi Văn Xương không.

Bảng tra Địa chi sao Văn Xương

Thiên can	GIÁP	ẤT	BÍNH	ĐINH	MẬU	KỶ	CANH	TÂN	NHÂM	QUÝ	Thiên can ngày sinh
Địa chi	TỊ	NGỌ	THÂN	DẬU	THÂN	DẬU	HỢI	TỶ	DẦN	MÃO	Địa chi Văn xương

Biết thiên can ngày sinh con cái ở mục Thiên Can ngày sinh, nếu trong bát tự có địa chi như ô dưới thì có duyên với học hành, học ít biết nhiều, học giỏi, đỗ đạt.

Có một số người tốt nghiệp đại học xong, chữ thầy lại trả thầy, không sử dụng chuyên môn hoặc dở dang là sao Văn Xương thất lệnh, lại được Học đường tinh.

Bảng tra Thiên can với học đường

<i>Thiên can ngày sinh</i>	<i>Học đường học</i>	<i>Từ quản (giỏi văn)</i>
Giáp	Kỷ	Hợi
Ất	Kỷ	Hợi
Bính	Bính	Dần
Đinh	Bính	Dần
Mậu	Mậu	Thân
Kỷ	Mậu	Thân
Canh	Tân	Tỵ
Tân	Tân	Tỵ
Nhâm	Giáp	Tân
Quý	Giáp	Tân

2. Con cái đại kỵ Cô thần quả tú

Có một số trẻ ngại tiếp xúc chỗ đông người, trốn ở nhà. Thí dụ con cái tuổi Tý, bát tự có địa chi Tuất và địa chi Dần là phạm Quả tú, Cô thần.

Cổ nhân có câu:

“Nam kỵ Cô thần, nữ kỵ Quả Tú”.

Nam "co" tinn tinn ky quai, cách sống một mình, khắc vợ con. Nếu gặp Cô thần, Quả tú phải đi lễ chùa. Điều kỳ lạ là nếu đi theo tín ngưỡng tôn giáo, lập tức hai sao Cô thần Quả tú bị hoá giải.

Bảng tra Cô Thần Quả Tú

Năm sinh	Cô Thần	Quả Tú	Hoa Cái
Tý	Dần	Tuất	Tháng 3
Sửu	Dần	Tuất	Tháng 4
Dần	Tỵ	Sửu	Tháng 5
Mão	Tỵ	Sửu	Tháng 6
Thìn	Tỵ	Sửu	Tháng 7
Tỵ	Thân	Thìn	Tháng 8
Ngọ	Thân	Thìn	Tháng 9
Mùi	Thân	Thìn	Tháng 10
Thân	Hợi	Mùi	Tháng 11
Dậu	Hợi	Mùi	Tháng 12
Tuất	Hợi	Mùi	Tháng 1
Hợi	Dần	Tuất	Tháng 2

Hoa cái là sao nghệ thuật, song nếu phối hợp Cô thần Quả tú dễ trở thành hòa thượng.

Hoa cái đắc lệnh có thể khiến chủ nhân vinh hoa phú quý, học giỏi, có tài có lộc, được mọi người kính trọng.

3. Số học giỏi, học ít biết nhiều

Tuổi Tý sinh tháng 1, 2, 3, 4, 12

Tuổi Sửu sinh tháng 4, 5, 6, 7, 8

Tuổi Dần sinh tháng 8, 9, 10, 11, 12

Tuổi Mão sinh tháng 6, 7, 8, 9, 10

Tuổi Thìn sinh tháng 1, 2, 3, 4, 5

Tuổi Tỵ sinh tháng 2, 3, 4, 5, 6

Tuổi Ngọ sinh tháng 9, 10, 11, 12, 1

Tuổi Mùi sinh tháng 7, 8, 9, 10, 11

Tuổi Thân sinh tháng 1, 2, 3, 11, 12

Tuổi Dậu sinh tháng 3, 4, 5, 6, 7

Tuổi Tuất sinh tháng 1, 2, 10, 11, 12

Tuổi Hợi sinh tháng 5, 6, 7, 8, 9

Đây là tháng sinh của trẻ dự báo sẽ học thông minh v
điều kiện hoàn cảnh gia đình tốt, sức khỏe bản thân bìn
thường.

CHƯƠNG VIII

VĂN XƯƠNG THỰC HÀNH

Trẻ rất hay bắt chước. Dù dùng phương pháp giáo dục gì thì tác dụng của nó phụ thuộc rất nhiều vào tính làm gương của cha mẹ. Cha mẹ phải là người mẫu mực trong sinh hoạt và làm việc. Hãy luôn giữ không khí vui vẻ trong gia đình là điều kiện cơ bản để con cái yên tâm học hành.

1. Hãy để giày dép quay ra ngoài nhà

Người Nhật có thói quen khi về nhà để giày dép ở cổng. Người Hongkong cũng có thói quen này. Điều kì lạ là mũi giày dép luôn hướng ra ngoài. Sau khi tìm hiểu được biết, Hoàng Pháp Đại sư đã học người Trung Quốc đưa tập quán này về Nhật Bản.

Giày dép đại biểu “phiền não”, để mũi giày hướng ra cổng, ngụ ý không nên đem buồn phiền vào nhà. Mỗi người đều có ít nhiều buồn phiền, nếu đem buồn phiền về nhà thật đáng trách. Tâm trạng tiêu cực này sẽ ảnh hưởng đến con cái. Kết quả thành tích học tập của trẻ sẽ sút kém.

Những cuộc cạnh tranh khốc liệt bên ngoài là nguyên nhân gây ra buồn phiền, bực tức, lo lắng. Người lớn có thể chịu đựng được, nhưng trẻ em không thể đối phó được.

Một lần sinh nhật, người cha 60 tuổi nhận được quà sinh nhật của con mình. Đó là một hộp thuốc nhuộm tóc. Người cha tóc vẫn đen, nhưng râu đã bạc trắng. Đứa con nói: “Con tặng bố hộp thuốc nhuộm này không phải để nhuộm tóc mà nhuộm râu. Râu bạc khiến mọi người cảm thấy bố đã già rồi”.

Từ đó người cha 60 tuổi hàng ngày cạo râu. Ông nói với mọi người: “Không ngờ, râu bạc của tôi lại ảnh hưởng đến các cháu như vậy”.

Không phải chỉ có tâm trạng của bố mẹ, ngay cả ăn mặc, dầu tóc cũng có ảnh hưởng đến con cái.

Tiếng cười trong nhà chứng tỏ gia đình hạnh phúc.

Theo báo cáo của nhà tâm lý học Mỹ Diana News năm 1989, 80% đứa trẻ đầy dấm do 3 nguyên nhân sau:

- 1) - Nguyên nhân sinh lý,
- 2) - Mẹ hay khóc,
- 3) - Cha hay la hét.

Người mẹ khóc do lý do nào đó sẽ gây cảm giác sợ hãi cho con mình. Đó là nguyên nhân sâu xa khiến cho trẻ đầy dấm. Nếu tình trạng diễn ra liên tục trong một thời gian dài sẽ tạo ra một đứa trẻ có khuynh hướng phạm tội. Cha càng áp chế mạnh, con càng ngu dốt. Khi “lông cánh mọc đủ”, đứa con sẽ phản kháng bằng nhiều hình thức như bỏ nhà ra đi bụi.

Cha nghiêm khắc có thể khiến đứa con ngoan ngoãn. Nhưng cha quá nghiêm khắc dẫn tới độc đoán có thể khiến con trở nên thụ động, trì độn. Nghiêm khắc nhưng không thể bạo. Trừng phạt phải có mức độ nặng nhẹ, có tác dụng răn đe.



H25 - Hãy để trẻ tự trang trí căn phòng của mình..

2. Dạy con như thế nào là đúng cách?

Tất cả mọi người trong xã hội đều chú ý đến hai đề tài: kiếm tiền và dạy con. Đối với nhiều người, dạy con còn quan trọng hơn kiếm tiền. Thà rằng nghèo nhưng con khôn ngoan còn hơn giàu có con hư hỏng. Tiền của không còn giá trị khi con cái trong nhà hư hỏng.

Trên một bài báo có đầu đề gây xôn xao dư luận: “Những gia đình có con cái trốn học là gia đình người cha thường xuyên vắng nhà”.

Những đứa con không có cha ở nhà sẽ trở nên tự do. Chúng nghĩ bên ngoài là thiên đường vui chơi thỏa thích, còn gia đình trở thành ngục tù. Trách nhiệm của người cha là làm thế nào để đứa con vui sướng mỗi khi trở về nhà.

Khi về nhà, nếu nhìn trên bàn học có cuốn “Tuổi học trò”, hay “Áo trắng”... , đứa trẻ sẽ rất thích. Giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục nhà trường. Mỗi ông bố phải sống mẫu mực, con cái mới là “trò giỏi con ngoan”.

Một ngôi nhà có thể không có tủ lạnh, không có máy giặt, thậm chí không có bàn ghế, giường tủ, nhưng không thể không có giá sách, không có bàn học. Sách là linh hồn của gia đình. Có nhiều người chỉ lo sắm tivi, đầu video, xe máy, còn không chú ý đến bàn học, sách vở của con cái. Tất nhiên gia đình đó không có trẻ chăm học và học giỏi. Vì thế dù nhà chật đến đâu cũng nên có giá sách treo trong nhà.

Có học sinh không biết Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc ở đâu? Nguyên nhân là do trong nhà không có tấm bản đồ thế giới.

Sách không phải để trưng bày, khoe khoang mà là kho tàng trí tuệ. Những kẻ vô công rồi nghề, chơi dè, cờ bạc phần lớn là những người không bao giờ đọc hết một cuốn sách.

3. Thái độ của ông bố đối với đứa con hư

Trong thực tế có rất nhiều trường hợp cha giỏi chăm đọc sách nhưng con lại thích vui chơi, học hành chểnh mảng. Đó là do đứa con không được học hành cẩn thận ngay từ đầu hoặc trí nhớ tồi.

Nếu không may bạn có đứa con trai chơi bời lêu lổng, phá gia chi tử, bạn nên hiểu rằng đây là số mệnh không thể tránh được, hãy trả món nợ trần gian. Bạn hãy yên tâm sống, bởi đây là cái giá phải trả và còn phải trả tiếp tục cho đến hết nợ đời. Chớ để chuyện này biến thành lòng thù hận giữa cha và con. Bạn hãy chấp nhận sự thật. Cho dù bạn cố gắng sống tốt thế nào, sự thật này cũng không thay đổi. Ban đầu bạn cho rằng đứa con hư hỏng là kết quả hôn nhân sai lầm của bạn. Sau này khi bạn xem số của đứa con này mới nhận thấy nó có số “phá gia chi tử”.

Cho dù bạn cho nó cả một gia tài khổng lồ, sau này nó cũng sẽ tàn phá hết. Chỉ những cái gì do nó tạo ra mới bền vững. Rất nhiều ông bố bà mẹ hiểu rõ nguyên lý này nên sớm lo cho con tài sản trí tuệ thay bằng để lại vài ba cái nhà.

Đức Phật cho rằng, cuộc đời là bể khổ vẫn còn chưa đủ. Cuộc đời là một bi hài kịch, thậm chí là thảm kịch. Nhưng chúng ta vẫn phải sống, phải chịu đựng, phải chấp nhận. Rất nhiều ông bố đã buồn bã, chán nản, mệt mỏi tuyệt vọng khi biết tin con cái hư hỏng. Họ cho rằng, mọi cố gắng vun vén gia đình, làm việc coi như vô nghĩa. Đức Phật Thích Ca đã vứt bỏ cuộc sống vàng son trong cung, vứt bỏ ngai vàng, rời bỏ cha mẹ, vợ con để đi tìm con đường thoát khỏi thảm kịch. Ngài đã tìm ra chân lý: kẻ nào mang lại hạnh phúc cho người khác, kẻ đó sẽ có hạnh phúc. Nếu trên đời này nếu còn có một người bất hạnh, ngài vẫn chưa hạnh phúc (đắc đạo).

Chúng ta không tuyên truyền giáo lý nhà Phật mà chỉ nêu sự thật. Chúng ta vẫn phải cố gắng làm việc, làm việc trước hết để tồn tại, để tìm hiểu, để nhận thức thế giới này. Chúng ta sống để xem con cái của chúng ta có tự thoát khỏi u mê không? Chúng ta sống để xem những nghịch lý chuyển thành chân lý như thế nào?

Tình cha con là ân tình, nghĩa tình không thể dứt bỏ. Kẻ nào từ bỏ tình cảm này, kẻ đó sẽ bất hạnh. Chỉ có tình thương thực sự mới làm thay đổi được đứa con hư hỏng. Ông bố còn quan tâm đến con cái vẫn là ông bố tốt. Vợ hư có thể bỏ được, con hư thì không, bởi đứa con là máu thịt của mình.

4. Bố mẹ tài giỏi, con cũng tài giỏi

Trong các đoàn ca kịch, những diễn viên có thể đóng vai nam, vai nữ, vai hoàng đế, vai ăn mày... hết sức tài tình. Người cha tài giỏi cũng phải như vậy, sẽ thân thiết với con cái, trực tiếp giúp đỡ chúng lúc khó khăn.

Dĩ nhiên bố mẹ không thể ở bên con suốt đời, song giai đoạn đầu bố mẹ phải xây dựng tình cảm thân tình. Bố mẹ có thân thiện được với con cái hay còn không phụ thuộc vào bản mệnh ngũ hành của hai người. Nếu ngũ hành cha con xung khắc, người cha phải nhờ người có ngũ hành hành tương sinh giúp đỡ.

Thực tế bố mẹ phải làm việc suốt ngày để duy trì cuộc sống của gia đình, thường ít thời gian gần gũi tâm sự với con cái.

Trong một bộ phim “Vụ án ngày chủ nhật” của Mỹ, một nữ giáo sư dạy đàn piano đã từ bỏ nghề của mình về nhà để chăm sóc đứa con gái 2 tuổi của mình. “Lúc này nó rất cần sự có mặt của tôi. Nếu đến khi nó 13 - 14 tuổi, tôi mới trở về với con cái. Lúc đó chúng đã lớn, không cần tôi nữa”. Vị giáo sư này khẳng định.

Dù đóng vai gì, bố mẹ cũng phải giáo dục tính tự lập cho con cái. Một đứa trẻ tự lập làm chủ mình, không dựa dẫm vào bất cứ ai là một đứa trẻ trưởng thành. Chúng ta không thể làm thay cho con cái suốt đời.

Có nhiều đứa trẻ vấp ngã trong cuộc đời rồi đứng lên được, song cũng có đứa không rút kinh nghiệm thất bại, coi thường lời răn của cha mẹ. Chúng không biết rằng sự vấp ngã lần thứ hai có thể vĩnh viễn không đứng dậy được nữa. Những đứa như vậy chỉ có cái chết mới chấm dứt được sự ngu ngốc, u mê của chúng mà thôi. Chỉ có học vấn thật sự mới khiến con người thoát khỏi u mê. Nhưng điều này không hình thành ở những người con chơi bời lêu lổng.

Bố mẹ không nên làm hộ bài tập cho con, chỉ nên gợi ý hướng dẫn. Bài tập về nhà là bài rèn luyện kỹ năng vận dụng lý thuyết (công thức toán học, kiến thức phân tích...) vào trường hợp cụ thể cho học sinh. Song nhiều phụ huynh lại làm thay con, điều này vô cùng tai hại.

Trong kinh Phật nói, Phật bà quan âm có thể hóa thành 33 thân để phổ độ chúng sinh. Bất cứ ai có lòng thành cầu nguyện đều được Phật bà cứu độ. Chỉ có đứa con giặc ngỗ mới có thể tránh được những sai lầm lớn, không sa ngã.

5. Bố mẹ giữ lời hứa, con cái mới thành thực

Muốn con trở thành người trung thực, bố mẹ phải làm gương, giữ lời hứa. Bố mẹ không nên tùy tiện hứa, nếu không thực hiện phải nói rõ lý do. Không nên nói dối trẻ. Hứa không thực hiện sẽ khiến trẻ thất vọng, không tin bố mẹ. Một người mẹ hứa với con gái, nếu năm học này từ xếp thứ 18 vươn lên tốp 10 trong lớp, sẽ đưa đi siêu thị mua bất cứ thứ gì con thích nhất.

Kết quả, đứa con thụt lùi xếp thứ 28. Bà mẹ vô cùng tức giận, định đánh con gái. Bà nội liền ngăn lại kéo bà mẹ vào phòng ngủ nói:

“Con có biết vì sao nó thụt lùi không?”

Cô con gái ngạc nhiên hỏi: “Vì sao?”

Bà nội trả lời: Có một lần vô tình mẹ đọc nhật ký của nó. Hóa ra nó ghi tất cả lời hứa của con, kể cả lời hứa nhỏ nhất. Nào là đi công viên đại dương, đi du lịch Nhật Bản, đi tắm suối nước nóng... Bên cạnh còn chú thích mẹ là một kẻ nói dối. Lời nói của mẹ không đáng tin”.

Bà mẹ nghe xong, mặt đỏ ửng.

Quên chuyện hứa hẹn với cha mẹ là chuyện nhỏ song dối với con cái lại là chuyện lớn.

Từ đó, bà mẹ kia không dám tùy tiện hứa hẹn đối với con. Không thực hiện lời hứa rất dễ, thực hiện lời hứa mới khó.

Cần khuyến khích trẻ nói thật khi phạm lỗi. Bố mẹ không nên trừng phạt con cái khi mắc lỗi, nếu trẻ nói thật. Nếu trẻ nói thật mà vẫn bị trừng phạt thì chúng sẽ nói dối, bởi nói thật cũng vẫn bị trừng phạt.

Có hai vợ chồng khá đẹp đôi, chồng đạo diễn, vợ chủ doanh nghiệp. Một hôm, người vợ mua cho chồng một bộ comple đuôi én mới hơn 10 triệu đồng, để đi dự buổi tiệc trao giải “Bông sen vàng”. Người chồng vốn xuề xòa không quen ăn mặc sang trọng nề vợ, miễn cưỡng khoác lên người.

Khi ông đạo diễn về nhà, người vợ đang cùng nói chuyện với mấy người khách. Nhìn thấy bộ comple đuôi én đất tiền lấm dầy bùn, ống quần bị thủng, người vợ bỗng nổi cơn điên hét: “Đồ phá hoại, ông đã làm hỏng bộ comple đất tiền rồi”.

Rõ ràng người vợ nổi giận vì chồng làm rách bộ comple nhiều tiền. Ông đạo diễn dí dỏm nói: “Không ngờ bà coi trọng bộ comple đuôi én này hơn tính mạng của tôi!”

Nói xong ông bỏ đi.

Người vợ chờ ra, không ngờ chồng mình lại nói như vậy. Sau này bà ta mới biết, người chồng vừa bị tai nạn giao thông. Bà hối hận thì đã muộn. Người chồng đã ra đi không quay lại.

Nhờ sự giúp đỡ của bạn bè, đồng nghiệp, người vợ cuối cùng đã gặp được chồng. Hiện nay, họ vẫn sống chung dưới một mái nhà, song từ ngày đó người vợ không dám nói to trước mặt chồng nữa. Cô ta đã học được một bài học: Cô không lấy bộ comple đuôi tôm mà lấy một người chồng có học.

Chúng ta những người làm cha mẹ thường lo lắng cho con cái. Nếu các bạn phát hiện đứa con không được những cái mà chúng ta cho, chúng sẽ tìm mọi cách moi tiền của bố mẹ để chi tiêu hoang phí. Đó là những đứa trẻ cổ nhân gọi là

“phá gia chi tử”. Những gì bố mẹ cho, nó sẽ phá hết. Chỉ những cái nó tự làm ra mới có thể còn giữ được. Bạn không cần phải áy náy gì, bởi bạn đã làm tròn trách nhiệm với khả năng của mình. Bạn cũng đừng hi vọng nó thay đổi. Đứa con này đang u mê. Bạn tìm cách thuyết phục khuyên nhủ đều không có tác dụng.

Có một người cha cá độ bóng đá thua 3 triệu đồng. Đứa con trai nói: “Ba, không được dùng tiền của con chơi cá cược bóng đá nữa”.

Người cha nói: “Tao chơi tiền của mày ư?”

Đứa con trai trả lời: “Ba chết, không phải tất cả số tiền tiết kiệm là của con ư? Hôm nay ba thua 3 triệu, không phải tiền tiết kiệm của con đã mất 3 triệu đồng hay không?”

Đây là một sự thật. Thật là một sự thật buồn. Quan hệ cha con như vậy, tuy đáng buồn nhưng vẫn còn hy vọng. Thực tế, nhiều người vẫn nói với nhau, gia tài này của cha mẹ sau này sẽ thuộc về con cái chứ còn ai khác. Chúng tôi không khuyên bạn vứt bỏ tất cả. Chúng tôi cũng không cho rằng hôn nhân của bạn là sai lầm. Đây chẳng qua là một cá nhân do hoàn cảnh tạo ra: ngu dần đến mức độ u mê.

Một nhà đại doanh nghiệp Hồng Kông sau khi qua đời để lại cho con trai hàng chục tỷ đồng Hồng Kông, nhưng không ai tin rằng ông ta chỉ ở ngôi nhà rộng 100 mét vuông, cả đời không đánh bạc, không hút thuốc, không chơi gái, không làm việc thiện. Nhà doanh nghiệp này chỉ say mê đầu tư, kiếm tiền, đếm tiền.

Có người nói: “Nhà doanh nghiệp này quá khổ”. Có người lại nói: “Ông ta làm công suốt đời cho con cái nhưng không có lương”.

Quả nhiên toàn bộ số tiền nhà doanh nghiệp cả đời tích góp đã biến mất trong một thời gian ngắn. Đứa con của ông

ta là kẻ phá gia chi tử. Đến khi khánh kiệt, nó vẫn trách ông để lại số tiền quá ít.

Thập kỷ 60, 70 thế kỷ XX, các nhà đại doanh nghiệp Hongkong đều áp dụng thử thách nghiêm ngặt để đối phó với con cái. Đến thập niên 80, 90 rất nhiều xí nghiệp, công ty Hongkong đều có những “công tử con nhà giàu”, nhưng đã từng bị cha mẹ “đối phó tàn nhẫn”. Họ đã bị đưa xuống làm viên chức thấp nhất, đi học ở nước ngoài với sự giám sát chặt chẽ việc chi tiêu, sinh hoạt.

Có người nói: “Cha tôi đối với người phục vụ rất tốt song đối với chúng tôi rất dữ”. Bà mẹ giải thích: “Đối với con cái rất dữ, bởi trách nhiệm sau này của con cái rất lớn”.

Thế hệ trước tiết kiệm, chăm chỉ, nghiêm túc, tích cực năng động bao nhiêu, phần lớn thế hệ sau hoang phí, lười nhác, phá phách, tiêu cực, thụ động bấy nhiêu. Phải chăng thế hệ sau “mệt mỏi”? Chúng ta có nhiệm vụ không để “thảm kịch” xảy ra.

Tuổi tác, hoàn cảnh xã hội, nghề nghiệp, giới tính, tư tưởng, tính cách, tâm lý đã tạo ra sự khác biệt, sự ngăn cách giữa bố mẹ và con cái. Nghĩa vụ của cha mẹ là hướng dẫn, chỉ bảo con cái có nhận thức đúng đắn, sống có trách nhiệm, có ích cho gia đình, xã hội. Nếu con cái của bạn khôn ngoan, bạn sẽ vô cùng thành thơi, nhưng nếu con cái của bạn chơi bời, lêu lổng, bạn sẽ “mệt mỏi”.

6. Cha mẹ tình cảm bao dung, con cái mới giàu tình cảm

Tam ái là tự yêu mình, thân ái, bác ái. Tự yêu mình là nguồn sống, thân ái là tình cảm quý trọng, bác ái là nguồn gốc của xã hội hài hòa. Chỉ có tam ái mới trở thành người chân chính.

- Tự yêu mình:

Sinh mệnh của mình là quý nhất đối với mình. Thân thể của bạn là tài sản lớn nhất. Ngay cả kẻ liều lĩnh cũng không muốn đổi đôi mắt, đôi tay, đôi chân của mình lấy nửa vương quốc. Chỉ khi rơi vào khốn cùng, có người mới phải bán các bộ phận cơ thể mình.

Trong cuốn “Sách da dê” của Og Mandino có kể một câu chuyện rất có ý nghĩa. Mùa xuân năm 1934, Halod Abbott luôn bị quan chán nản đi trên phố Cidohate thuộc thành phố Lebi bỗng gặp một cảnh tượng vô cùng ấn tượng. Cảnh tượng này chỉ diễn ra khoảng 10 giây nhưng đã làm thay đổi cuộc đời anh ta.

Hồi đó, Abbott mở một hiệu tạp hóa. Mới kinh doanh được 2 năm, anh ta đã tiêu sạch số tiền tích lũy. Abbott buộc phải đóng cửa hàng, đi đến ngân hàng Thương nghiệp vay 1000 USD sau đó đến thành phố Kansas lập nghiệp.

Khi đi qua ngã tư, Abbott nhìn thấy một người ngồi trên tấm ván có lắp bánh xe. Để di chuyển, anh ta phải dùng một cái gậy đẩy. Khi hai người gặp nhau ở làn đường dành cho người đi bộ sang đường, anh ta mỉm cười nói: “Xin chào, thời tiết hôm nay đẹp quá phải không ạ?”

Giọng nói của anh ta tự tin, mạnh mẽ khiến Abbott tỉnh ngộ. Abbott cảm thấy vô cùng xấu hổ về sự bi quan của mình. Anh ta không có 2 chân khỏe mạnh mà lại tự tin như vậy? Từ đó Abbott trở nên mạnh mẽ. Ban đầu anh dự định chỉ vay 1000 USD làm vốn kinh doanh, nay thay đổi quyết định vay 2000 USD để đi Kansas lập nghiệp.

Abbott viết câu châm ngôn dán ở bên cạnh chiếc gương để hàng ngày đọc nó. Câu châm ngôn như sau: “Ta đã từng vô cùng chán nản vì không có giày. Nhưng trên đường phố ta đã gặp một người không có chân”.

- Tình thân ái trong gia đình:

Tình thương yêu trong gia đình là cơ sở của tình cảm con người. Chủ nghĩa phong kiến không phải tùy tiện đề cao chữ hiếu. Có người hỏi Khổng Tử: “Cha mẹ chết phải mặc tang phục bao nhiêu lâu?” Khổng Tử nói: “Bình thường là 3 năm. Mặc tang phục 3 năm để trả nghĩa 3 năm bố mẹ nâng niu bế ẵm mình từ khi sinh ra đến khi 3 tuổi”.

Dương Hương đời Tấn (Trung Quốc) mới 14 tuổi là người có hiếu nổi tiếng một vùng. Cha đi đâu Dương Hương cũng xin đi theo. Một hôm, hai cha con đi lên nương, đến giữa đường, một con hổ nhảy ra định vồ cha ông. Dương Hương tay không, không hề sợ hãi xông vào đánh nhau với hổ. Hổ thấy Dương Hương hùng hổ liền bỏ chạy.

Thực tế không có người trung với vua với nước lại bất hiếu với cha mẹ. Hiếu là gốc của đạo đức. Hiếu đức là gốc của tất cả. Có đức hiếu mới có trường thọ, phú quý, thiện khang. Nếu cha mẹ hợp tính con, thực hành đạo hiếu dễ dàng, nhưng cha mẹ khắc tính con, thực hành đạo hiếu rất khó. Phải là người tài giỏi mới giữ được đạo hiếu.

- Bác ái: Thương yêu con người chính là bác ái. Nhân là một trong 5 đức cơ bản của con người: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Cứu giúp người nghèo, cứu khổ, cứu nạn là một hành động cao thượng của bậc đại nhân. Một đứa con bất nhân đừng mong nó có hiếu với cha mẹ.

Bố mẹ sinh con hy vọng nhờ cậy về già. Ở thời đại ngày nay, đa số các bậc cha mẹ đều có lương hưu, không phải lo cuộc sống lúc “mất mỡ chân chậm”. Vì vậy sinh con gái cũng không đến nỗi tuyệt vọng. Trên thực tế, những người không có con là các vị sư đầu thai ở kiếp này, không có duyên nợ sinh con tức không có duyên nợ kiếp trước phai trả. Theo quan điểm duyên tiền định, bố mẹ là người phai trả nợ, chủ nợ chính là con cái. Nếu không có con không phai trả nợ, chứ không phải là kẻ vô phúc.

7. Bố mẹ tích cực, con cái mới tích cực năng động

Nếu bố mẹ có thái độ tích cực đối với những vấn đề của con cái, đứa trẻ cũng có thái độ tích cực. Nếu con cái bị đứt tay không nên la mắng mà nên khuyên lần sau phải cẩn thận khi dùng dao.

Edison mỗi lần thất bại rất vui. Có người hỏi: “Nghiên cứu thất bại như vậy, vì sao ngài lại vui?”

Edison trả lời: “Bởi tôi lại bớt được một lần thất bại. Điều này chứng tỏ tôi đang đến gần thành công”.

Nguyên tắc coi “thất bại” là cái giá phải trả để tiến tới thành công. Để biết đi xe đạp, trẻ em phải ngã nhiều lần, để biết bơi chúng phải uống nước nhiều lần. Không nên vì ngã xe, uống nước mà không tập đi xe đạp, không tập bơi. Tập đi xe đạp, tập bơi là những lần rèn luyện lòng dũng cảm cho trẻ.

Ở phương Tây, những bữa tiệc lớn trước khi ăn mọi người đều cầu nguyện cảm ơn chúa (thượng đế). Nếu ăn trong tâm trạng bức bối khó chịu rất dễ sinh bệnh. Vì vậy, con cái cảm ơn chúa trước khi ăn, một là để tạo ra tâm trạng bình yên vui vẻ, hai là dạy cho trẻ lòng biết ơn.

Đối với cha mẹ, con cái ham chơi lười nhác là mối lo đầu tiên, bởi sau này chúng sẽ trở thành kẻ ích kỷ, vô dụng. Đối với mỗi sự việc xảy ra, bạn phải nhìn cả mặt tốt lẫn mặt xấu. Chúng ta thường chỉ nghĩ đến mặt xấu của vấn đề. Khuynh hướng này là bi kịch lớn nhất trong cuộc đời. Chỉ có người thông minh mới nhìn vấn đề một cách biện chứng. Khi gặp bất hạnh, bạn buộc phải chấp nhận thực tế. Nếu con bạn gặp thất bại, bạn phải giúp con khắc phục hậu quả và khắc phục tâm trạng thất bại. Thông thường, con người tìm mọi cách che giấu thất bại hoặc đắm chìm trong thành công đến mức không phân biệt được đúng sai. Trên một ý nghĩa nào đó, thất bại nhỏ có giá trị hơn thành công lớn. Chúng ta phải dạy

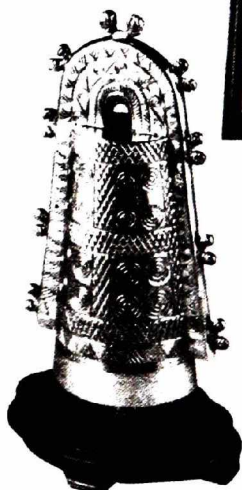
VẬT PHONG THỦY HÓA GIẢI SAO NHỊ HẮC



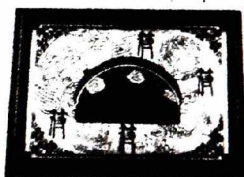
Thuyền hồ lô



Xâu 8 đồng tiền



Chục đồng



Lược phong thủy



Hương Kim tiên

H30 - Vật phong thủy hóa giải sao nhị hắc

cho con cái không sợ thất bại, khi bị thất bại phải rút ra bài học xương máu, thành công hôm nay chính là tiền đề dẫn đến thất bại trong tương lai. Thất bại chính là lần diễn tập, thất bại là hồi chuông cảnh báo cho chúng ta phải làm thế này chứ không phải làm thế kia...

8. Con của bạn có thông minh không?

Có một biểu hiện chứng tỏ một người ngu xuẩn là: nhiều lần thực hiện một công việc, cho dù biết chắc rằng mình sẽ thất bại. Trong thực tế, con người hy vọng vào sự may rủi. Nhưng trông chờ vào vận may chỉ là ảo tưởng. Tâm lý may rủi có thể ru ngủ bạn một thời gian, song cuối cùng bạn phải trả giá. Có kẻ đã phải bán nhà vì chơi đề. Qua nghiên cứu, tuyệt đại bộ phận những kẻ chơi đề, chơi cờ bạc là những kẻ ít học, học không đến nơi đến chốn.

Trí thông minh của con cái phụ thuộc một phần vào gen di truyền, nhưng phần lớn phụ thuộc vào tính tích cực tính năng động và kiến thức của từng người. Cổ nhân có câu “con hơn cha là nhà có phúc”. Điều “hơn cha” ở đây không những là kiến thức, năng lực, tư cách đạo đức, tình cảm mà còn là sức khỏe, trí thông minh, sự thành đạt.

Căn cứ vào quan niệm “cuộc đời là bể khổ”, nếu bạn không khổ về vợ, con, tiền của, nhà cửa, nghề nghiệp, bạn bè, bệnh tật... bạn là người hạnh phúc.

Nhà văn W. Wordsworth có viết một câu rất chí lý về hạnh phúc: “Thiên đường ở quanh ta, nơi con cái của chúng ta”. Bí quyết để sống hạnh phúc là cố gắng giáo dục dạy bảo con cái của chúng ta trở thành những người chân chính. Hạnh phúc của chúng ta phụ thuộc vào điều này. Cho dù nói thế nào, sự thành đạt của con cái có ý nghĩa quyết định đối với hạnh phúc của cha mẹ.

9. Hãy tạo một môi trường tốt cho trẻ phát triển

Môi trường tác động hết sức quan trọng đối với sự trưởng thành của con người. Môi trường tốt đẹp là cơ sở vững chắc tạo nên tư tưởng đúng đắn và nhân cách ưu tú của con người.

Sách “Tam Tự kinh” có câu: “Tích Mạnh mẫu, trạch lân xứ. Tử bất học, đoạn cơ trừ”. Câu đó có nghĩa là “mẹ Mạnh Tử xưa kia kén chọn nơi ở có hàng xóm tốt. Mạnh Tử biếng học, bà bèn chặt khung cửi dệt vải”. Bà đã ba lần thay đổi chỗ ở để có hàng xóm tốt, tạo ra môi trường ưu việt cho con dễ trưởng thành.

Mạnh Tử vốn tên là Mạnh Kha, sinh ra ở vùng thôn quê Trâu Thành tỉnh Sơn Đông, 3 tuổi đã mồ côi cha, gia đình nghèo khổ, hai mẹ con rau cháo nuôi nhau. Lúc đầu nhà bà ở gần nghĩa trang. Mạnh Tử và các bạn nhỏ tuổi suốt ngày chơi trò khiêng quan tài, chôn người chết. Bà mẹ thấy môi trường bất lợi cho sự trưởng thành của con đã quyết định dọn nhà đi nơi khác, đến định cư tại thôn Miếu Hộ. Đây là một làng trù phú, phồn hoa vào thời đó của tỉnh Sơn Đông, có nhiều nhà kinh doanh giàu có. Thế là Mạnh Tử lại suốt ngày cùng các bạn nhỏ tuổi chơi trò buôn bán, học cách rao bán hàng hóa trên đường phố, cũng nói thách, mặc cả cò kè bớt một thêm hai.

Mẹ Mạnh Tử thấy tình hình đó rất bất lợi nên lại quyết định dọn nhà đi nơi khác. Lần này bà chọn nơi ở gần một lớp học do cháu Không Tử là Tử Tư chủ trì giảng dạy. Lớp học này gọi là “Tử Tư thư viện” nằm tại phía Nam Trâu Thành Sơn Đông ngày nay. Mạnh Tử được ở gần lớp học đã bị thu hút mạnh bởi không khí học tập nhộn nhịp, bèn xin mẹ cho học tại đó. Đó là một cơ sở vững chắc tạo nên một nhà triết học lớn của phương Đông là Mạnh Tử.

Môi trường sống tốt đẹp có các tác dụng như sau đối với sự trưởng thành của trẻ thơ:

- *Thúc đẩy sự phát triển thể lực của trẻ*: Bố mẹ chính là người thầy đầu tiên của con trẻ. Từ khi bé bập bẹ học nói cho đến khi tập đứng, tập đi, mọi việc đều do bố mẹ dạy dỗ. Môi trường tốt đẹp thúc đẩy trí lực phát triển, môi trường xấu gây ảnh hưởng ngược lại.

- *Giúp trẻ rèn luyện thói quen tốt*: Ngay từ thuở ấu thơ, bố mẹ cần giúp con trẻ rèn được các thói quen tốt. Môi trường sẽ có tác dụng lớn trong vấn đề này. Bạn bè của con có đức tính tốt chăm học, cần cù giúp việc nhà, ăn nói lễ phép hoặc có thói xấu như chơi bời lêu lổng, ăn mặc lệch thếch, thích gây gỗ đều tác động đến con trẻ.

- *Xúc tiến sự phát triển của trẻ*: Người xưa có câu “Mẹ hiền là Tiên là Phật”, trẻ được bố mẹ chăm sóc chu đáo sẽ phát triển tốt. Môi trường tốt đẹp, trong sạch, vui tươi sẽ làm cho trẻ chóng lớn và trưởng thành. Bố mẹ cần chú ý tạo ra môi trường thích hợp cho con trẻ phát triển khoẻ mạnh.

- *Ảnh hưởng đến thế giới quan của trẻ*: Sống trong một môi trường xấu, trẻ tất nhiên sẽ có nhận thức sai lệch, thế giới quan của trẻ sẽ bị ảnh hưởng, do đó cũng dễ sinh ra những hành vi thiếu lành mạnh.

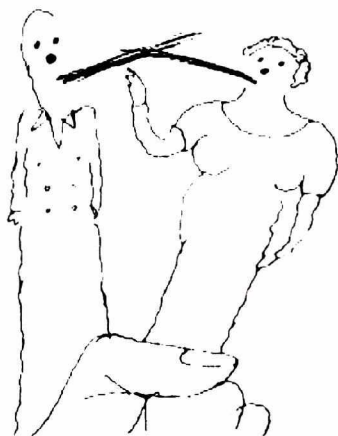
- *Xây dựng một gia đình hòa thuận, ấm cúng*: Như trên đã nói, môi trường gia đình có ảnh hưởng quan trọng đối với sự trưởng thành của trẻ thơ. Bố mẹ cần hết sức chú ý tạo ra không khí hòa thuận, vui vẻ, sống lành mạnh, đặc biệt cần hết sức tránh không để xảy ra tình trạng lục đục, mâu thuẫn, cãi cọ giữa những người sống trong cùng một nhà.

- *Tạo ra không khí lành mạnh, văn minh trong gia đình*: Bố mẹ cần có ý thức xây dựng một bầu không khí lành mạnh, văn minh trong gia đình, làm sao để bọn trẻ biết quan tâm đến thế sự, yêu thích giới tự nhiên và khoa học, ưa chuộng ca nhạc, văn học, hăng hái tham gia hoạt động thể dục thể thao, chú ý tu dưỡng bản thân, ăn nói lịch sự, lễ phép, giúp trẻ

phân biệt rõ đúng sai, phải trái, căm ghét những hiện tượng bất lương, thiếu văn hóa.

- *Xây dựng phong khí gia đình đúng đắn, chính phái:* Phong khí gia đình đúng đắn, chính phái là một yếu tố quan trọng của môi trường gia đình. Mọi thành viên trong gia đình đều phải có quan niệm đạo đức đúng đắn, coi trọng luân lý, biết kính già quý trẻ, thương yêu nhau, nỗ lực học tập, tích cực tham gia việc nhà, sống cần kiệm.

- *Tạo ra một góc không gian riêng cho trẻ:* Trong nhà nên thu xếp để con trẻ có một góc không gian riêng biệt để chúng có thể tự do hoạt động và bộc lộ hết tâm thái, sở thích, thú vui của mình. Dứt khoát nên có một góc học tập dành riêng cho trẻ, có điều kiện tốt hơn nữa thì dành ra một góc sinh hoạt, vui chơi giải trí.



H31 - Bố mẹ chửi nhau, con cái hư

Phụ lục 1

CÁCH LÀM TĂNG CÁT KHÍ SAO VĂN XƯƠNG

Sao Văn Xương chủ về phát huy tài học. Chúng ta nên chọn vị trí này dùng đặt tủ sách, bàn học, phòng học. Đây chính là nơi dành cho người đang học tập thi cử hoặc các học giả muốn tiến nhanh trên con đường nghiên cứu.

Ngược lại, nếu vị trí này chúng ta không biết nên vô tình đặt phòng vệ sinh, bếp đun hoặc đặt các đồ vật không sạch sẽ thì công việc học tập sẽ tốn nhiều công sức nhưng không đạt được thành quả bao nhiêu.

Nhưng cũng có thể tìm ra vị trí tốt rồi nhưng không có cách nào thay đổi được các đồ vật tại vị trí đó thì chúng ta có thể dùng để làm tăng cường cát khí cho vị trí Văn Xương.

A. Cách xác định vị trí sao VĂN XƯƠNG trong nhà:

Ta phải dùng la bàn lấy tâm của ngôi nhà, đo chính xác hướng nhà. Sau đó đối chiếu với các hướng nhà dưới đây:

1- Tuổi: Giáp Tý, Giáp Dần, Giáp Thìn, Giáp Ngọ, Giáp Thân, Giáp Tuất.

- vị trí Văn Xương ở hướng Đông-Nam.

2- Tuổi: Ất Sửu, Ất Mão, Ất Tỵ, Ất Mùi, Ất Dậu, Ất Hợi.

- vị trí Văn Xương ở hướng Nam.

3- Tuổi: Bính Tý, Bính Dần, Bính Thìn, Bính Ngọ, Bính

Thân, Bính Tuất.

Mậu Tý, Mậu Dần, Mậu Thìn, Mậu Ngọ, Mậu Thân, Mậu Tuất.

- vị trí Văn Xương ở hướng Tây-Nam.

4- Tuổi: Đinh Sửu, Đinh Mão, Đinh Tỵ, Đinh Mùi, Đinh Dậu, Đinh Hợi.

Kỷ Sửu, Kỷ Mão, Kỷ Tỵ, Kỷ Mùi, Kỷ Dậu, Kỷ Hợi.

- vị trí Văn Xương ở hướng Tây.

5- Tuổi: Canh Tý, Canh Dần, Canh Thìn, Canh Ngọ, Canh Thân, Canh Tuất.

- vị trí Văn Xương ở hướng Tây-Bắc.

6- Tuổi: Tân Sửu, Tân Mão, Tân Tỵ, Tân Mùi, Tân Dậu, Tân Hợi.

- vị trí Văn Xương ở hướng Bắc.

7- Tuổi: Nhâm Tý, Nhâm Dần, Nhâm Thìn, Nhâm Ngọ, Nhâm Thân, Nhâm Tuất.

- vị trí Văn Xương ở hướng Đông-Bắc.

8- Tuổi: Quý Sửu, Quý Mão, Quý Tỵ, Quý Mùi, Quý Dậu, Quý Hợi.

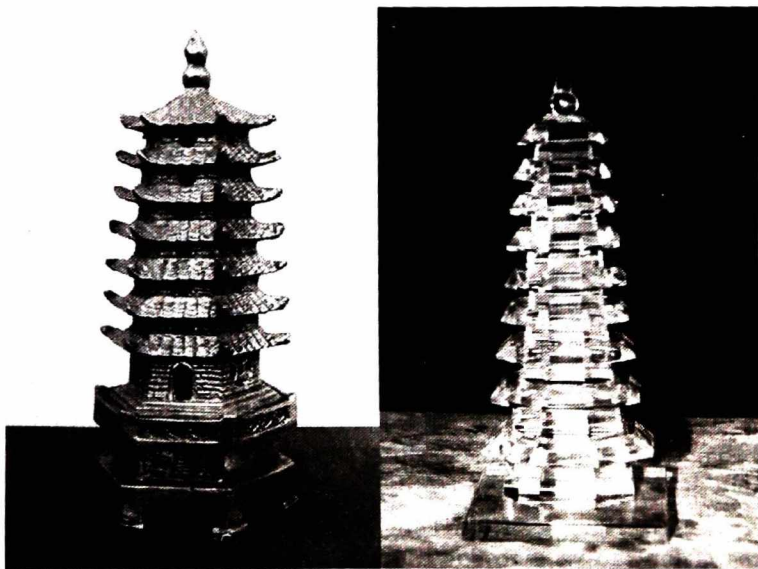
- vị trí Văn Xương ở hướng Đông.

Tháp Văn Xương không chỉ là biểu tượng của chùa chiền với uy lực gia trì của Phật pháp mà từ ngày xưa đã là biểu tượng của trí tuệ, sự nhiệt tình, trí tiến thủ phấn đấu rất lợi cho học sinh học hành đỗ đạt, tiến lên trong con đường công danh sự nghiệp. Ở vùng Bắc Ninh, Yên Lãng, Kiến Thụy Hải Phòng thường xây loại tháp này, nên nghe nói các làng này thường sinh ra người tài giỏi đỗ đạt làm quan to.

Ngoài ra chùa tháp còn có khả năng ngăn ngừa hung khí, tà khí, được sử dụng trong việc loại trừ ma quỷ.

Nó cũng rất hữu dụng cho những ai sắp trải qua những kỳ thi cử quan trọng hoặc những người muốn tăng tiến về trí tuệ và công danh.

Ngoài Tháp Văn Xương ta có thể đặt các loại Vật khí khác hình chóp, đá Thạch Anh, quả cầu Thủy Tinh có cùng hành Thổ, cũng có tác dụng tăng Cát khí của những phương này. Tháp Văn Xương được làm bằng đá Thạch Anh, Thủy Tinh Pha Lê mang hành Thổ cũng rất vượng. Ngoài ra tháp Văn Xương còn được chế tác bằng Đồng, mang hành Kim. Nhưng tốt nhất vẫn là Đá Thạch Anh.



H31 - Tháp Văn xương bằng đồng và Tháp Văn xương bằng thủy tinh

Dùng vật khí Phong thủy đúng cách sẽ đem lại vượng khí tốt, đem lại nhiều sáng tạo cho người sử dụng nó.

B. Thăm quan các biểu tượng văn xương ở địa phương

Một phương pháp thúc đẩy tác dụng cát khí văn xương là nên đưa trẻ thường xuyên thăm viếng các biểu tượng văn xương ở địa phương. Khi trẻ hiểu được ý nghĩa lịch sử của danh thắng văn hóa, cát khí văn xương sẽ hỗ trợ ý chí và sự phấn đấu của chúng rất nhiều trong việc học hành thi cử.

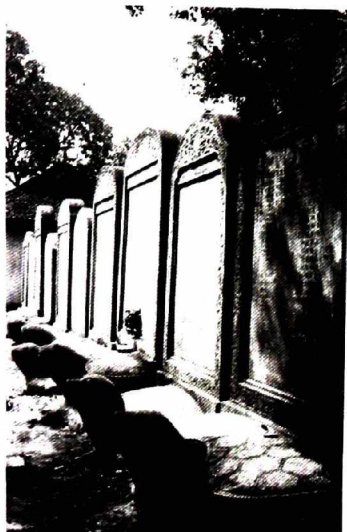
Văn Miếu ở Hà Nội là một công trình đáng quan tâm nhất với các bậc cha mẹ. Văn Miếu được xây dựng từ *“tháng 8 năm Canh Tuất (1070) tức năm Thần Vũ thứ hai đời Lý Thánh Tông, đắp tượng Chu Công, Khổng Tử và Tử phối vẽ tranh tượng Thất thập nhị hiền, bốn mùa cúng tế. Hoàng thái tử đến đấy học.”*.

Năm 1076, Lý Nhân Tông cho lập trường Quốc Tử giám, có thể coi đây là trường đại học đầu tiên ở Việt Nam. Ban đầu, trường chỉ dành riêng cho con vua và con các bậc đại quyền quý (nên gọi tên là Quốc Tử). Từ năm 1253, vua Trần Thái Tông cho mở rộng Quốc Tử giám và thu nhận cả con cái các nhà thường dân có sức học xuất sắc.

Năm 1156, Lý Anh Tông cho sửa lại Văn Miếu và chỉ thờ Khổng Tử.

Sang thời Hậu Lê, Nho giáo rất thịnh hành. Vào năm 1484, Lý Thánh Tông cho dựng bia của những người thi đỗ tiến sĩ từ khóa thi 1442 trở đi.

Năm 1762, Lý Hiến Tông cho sửa lại là Quốc Tử Giám - cơ sở đào tạo và giáo dục cao cấp của triều đình. Năm 1785 đổi thành nhà Thái học.



H32 - Bia Tiến sĩ ở Văn Miếu, Quốc tử giám Hà Nội và tượng thờ Chu Văn An

Đời nhà Nguyễn, khi lập kinh đô ở Huế, năm 1802, vua Gia Long cho xây Quốc tử giám và ấn định đây là Văn Miếu - Hà Nội và cho xây thêm Khuê Văn Các. Trường Giám cũ ở phía sau Văn Miếu lấy làm nhà Khải thánh để thờ cha mẹ Khổng Tử.

Nhà Thái học sinh đời Lý - Trần quy mô thế nào, hiện chưa khảo được, vì các tư liệu lịch sử đã bị quân Minh đốt hoặc đưa hết về Yên Kinh, tức Bắc Kinh ngày nay. Tuy nhiên, nhà Thái học sinh thời nhà Lý đã được Lê Quý Đôn miêu tả trong "Kiến văn tiểu lục" thì: "*Nhà Thái học có ba gian, có tường ngang, lợp bằng ngói đồng. Nhà giảng dạy ở phía đông và tây hai dãy đều 14 gian. Phòng học của học sinh tam xá đều ba dãy, mỗi dãy 25 gian, mỗi gian 2 người*". Kiến trúc Văn Miếu hiện nay là kiến trúc thời đầu nhà Nguyễn. Khuôn viên được bao bọc bởi bốn bức tường xây bằng gạch Bát Tràng.

Quần thể kiến trúc Văn Miếu - Quốc Tử Giám được bố cục đăng đối từng khu, từng lớp theo trục Bắc Nam, mô phỏng tổng thể quy hoạch khu Văn Miếu thờ Khổng Tử ở quê hương ông tại Sơn Đông, Trung Quốc. Tuy nhiên, quy mô ở đây đơn giản hơn, kiến trúc đơn giản hơn và theo phương thức truyền thống nghệ thuật dân tộc. Phía trước Văn Miếu có một hồ lớn gọi là hồ Văn Chương, tên cũ xưa gọi là Thái Hồ. Giữa hồ có gò Kim Châu, trước đây có lầu để ngắm cảnh. Ngoài cổng chính có tứ trụ, hai bên tả hữu có bia “Hạ Mã”, xung quanh khu vực xây tường cao bao quanh. Cổng Văn Miếu xây kiểu Tam quan, trên có 3 chữ “Văn Miếu Môn” kiểu chữ Hán cổ xưa.

Trong Văn Miếu chia làm 5 khu vực rõ rệt, mỗi khu vực đều có tường ngăn cách và cổng đi lại liên hệ với nhau :

Khu thứ nhất: bắt đầu với cổng chính Văn Miếu Môn đi đến cổng Đại Trung Môn, hai bên có cửa nhỏ là Thành Đức Môn và Đại Tài Môn.

Khu thứ hai: từ Đại Trung Môn vào đến Khuê Văn Các (do Đức Tiễn Quân Tổng trấn Bắc Thành Nguyễn Văn Thành xây năm 1805). Đây là nơi thường được dùng làm nơi thưởng thức các sáng tác văn thơ từ cổ xưa tới nay. Hai bên phải trái Khuê Văn Các là Bi Văn Môn và Súc Văn Môn dẫn vào hai khu nhà bia Tiến sĩ.

Khu thứ ba: gồm hồ nước Thiên Quang Tỉnh (nghĩa là giếng soi ánh mặt trời), có hình vuông. Hai bên hồ là khu nhà bia tiến sĩ. Mỗi tấm bia được làm bằng đá, khắc tên các vị thi đỗ Trạng Nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa, Tiến sĩ. Bia đặt trên lưng một con rùa. Hiện còn 82 tấm bia về các khoa thi từ năm 1442 đến năm 1779.

Khu thứ tư: khu trung tâm và là kiến trúc chủ yếu của văn Miếu, gồm hai công trình lớn song song và nối tiếp nhau. Toà ngoài nhà là Bái đường, toà trong là Thượng cung.



H33 - Vào mùa thi đại học hàng năm, các sĩ tử vào Văn Miếu sờ đầu Rùa cầu may cho mùa thi đỗ đạt.

Khu thứ năm: là khu đền Khải thánh, thờ bố mẹ Khổng Tử, liên hệ với khu vực thứ 4 qua Khải Thành môn. Khu này mới được xây dựng lại.

Trong Văn Miếu có tượng Khổng Tử và Tứ phối (Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử). Ở điện thờ Khổng Tử có hai cặp hạc cưỡi trên lưng rùa. Đây là hình tượng rất đặc trưng tại các đền, chùa, lăng tẩm, miếu mạo ở Việt nam. Hình ảnh hạc chầu trên lưng rùa trong nhiều ngôi chùa, miếu..., hạc đứng trên lưng rùa biểu hiện của sự hài hòa giữa trời và đất, giữa hai thái cực âm - dương. Hạc là con vật tượng trưng cho sự tinh túy và thanh cao. Theo truyền thuyết rùa và hạc là đôi bạn rất thân nhau. Rùa tượng trưng cho con vật sống dưới nước, biết bò, hạc tượng trưng cho con vật sống trên cạn, biết bay. Khi trời làm mưa lũ, ngập úng cả một vùng rộng lớn, hạc không thể sống dưới nước nên rùa đã giúp hạc vượt vùng nước ngập úng đến nơi khô ráo. Ngược lại, khi trời hạn hán, rùa đã được hạc giúp đưa đến vùng có nước. Điều này nói lên lòng chung thủy và sự tương trợ giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn, hoạn nạn giữa những người bạn tốt.

Ngoài Văn Miếu ở Hà Nội còn có khu di tích Trạng trình ở Hải Phòng là nơi rất đáng cho trẻ thăm quan.

Phụ lục 2

MỘT SỐ VẬT PHẨM HỖ TRỢ SAO VĂN XƯƠNG

Trên thế gian này, dù là người thuộc dân tộc nào, cư trú ở đâu đều coi một số đồ vật là biểu tượng cho những điều tốt lành. Ví dụ một số hương tộc ở một vài đất nước coi trâu là biểu tượng cho những điều tốt lành, một số hương tộc ở một vài đất nước khác thì lại coi con chuột là biểu tượng cho những điều tốt lành. Tại phương đông, một số vật phẩm sẽ biểu tượng cho sự thông minh, học hành và thi cử có thể hỗ trợ cho sao cát khí sao Văn Xương.

1 - Quả cầu thủy tinh

Đối với Phật giáo, được coi là khí cụ trợ pháp trong phép tu hành viên mãn, do vậy trong mật tông, quả cầu thủy tinh giữ một vai trò quan trọng tối cao, thế còn trong lĩnh vực phong thủy, thì quả cầu thủy tinh có tụ linh khí của Vũ trụ có đặc tính phóng đại năng lượng, vì thế người ta bày nó ở huyết cát ở trong nhà, mang ý nghĩa thúc đẩy điều tốt lành. Tuy nhiên nếu đặt nhầm vào huyết hung thì lại là chuốc họa tai họa, do vậy cần nắm vững cách sử dụng quả cầu thủy tinh thì nó mới phát huy được tác dụng tốt trong lĩnh vực phong thủy.

2 - Đôi cá chép vượt ngọ môn

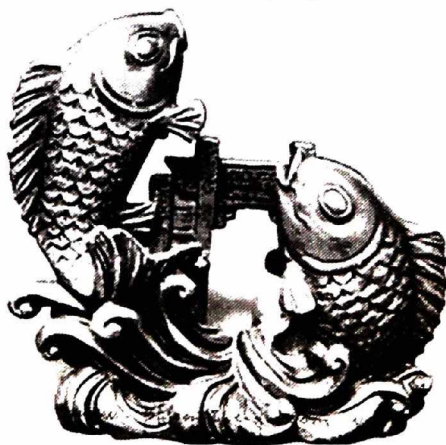
Cá chép là biểu tượng cho sự kiên trì, bền chí. Trong truyền thuyết thường có câu chuyện cá chép hoá rồng, vì thế cá chép được coi như rồng - một con vật linh thiêng cao quý. Hai cá chép đồng mang hành Kim, không những là biểu tượng



H34 - Quả cầu thủy tinh màu xanh có hình cá chép.

của sự tăng tiến công danh và nổi tiếng, đem lại kinh doanh may mắn, tiền bạc hanh thông phát đạt mà còn là vật khí hoá giải sát khí, bệnh tật và tai hoạ do tác dụng của sao Nhị hắc và Ngũ Hoàng hành Thổ.

Để trong nhà mang lại sự may mắn, thịnh vượng. Để ở bàn làm việc mang lại thành công sự nghiệp, thăng quan tiến chức. Học sinh, sinh viên để ở bàn học tốt cho thi cử, học hành. Hai cá chép cũng là hình tượng Âm Dương giao hoà, mọi sự hanh thông.



H35 - Đôi cá chép vượt ngọc môn

3 - Bút lông

Về phong thủy, thì đỉnh văn chương được hình dung cao và nhọn. Vì vậy, nếu ở gần nhà có ngọn núi cao nhọn chọc lên trời, thì người nhà đó đều thông minh sáng suốt. Ngòi bút lông cũng sắc nhọn như vậy, còn cán bút thì dài, nên được coi là biểu tượng văn xương. Trong chín ngôi sao tứ bạch thì quẻ tổn là văn xương vì đó là trường mộc mà cán bút rất hợp với biểu tượng này.

Nếu treo một hoặc bốn chiếc bút lông ở trong văn phòng hay gần bàn làm việc, thì trí tuệ thông minh của chủ nhân sẽ được tăng cường.

4 - Ngọc thiên

“Thiên” là con ve sầu còn có tên là “tri liệu”, con ve sầu đục có cơ quan phát thanh bụng, nên tiếng kêu vang xa, người xưa coi ve sầu là tượng trưng cho sự trong trắng thanh cao, còn chữ “thiên liên” để chỉ khái niệm liên tục không ngừng, các giải đấu liên tục, người quán quân liên tục thì gọi là “thiên liên quán quân”, do vậy người xưa cũng ví thiên như ngôi đầu bảng.

Ngọc thiên là con ve sầu tạc bằng ngọc, nếu bày ngọc thiên trong nhà, sẽ khích lệ các cháu chăm học, tranh thủ giành thành tích cao trong học hành thi cử, không ngừng tiến bộ.



H36 - Bút lông V
xương

Cũng có thể cho trẻ đeo ngọc thiên, để cầu mong như trên, đặc biệt đối với các cháu biếng học, càng nên cho đeo ngọc thiên để các cháu siêng năng chăm học, có ý chí phấn đấu vươn lên.

5 - Vịt bơi dưới tán lá sen

Trên nhiều bức tranh hoặc bức chạm ngọc ở Trung Quốc thường khắc họa hình tượng vịt bơi dưới tán lá sen.

Sen được coi là biểu tượng trong trắng, thanh khiết, liêm chính và liên tục không ngơi nghỉ. Trong chữ áp nghĩa là con vịt có thành phần cấu tạo là chữ giáp, mà chữ giáp có nghĩa là loại A, là số 1. Vì vậy kết hợp hình tượng vịt với sen mang ý nghĩa thi cử đậu đạt.

Có thể cho trẻ đeo thẻ bài chạm vịt bơi dưới lá sen, hoặc treo tranh vẽ vịt bơi dưới tán lá sen ở trong nhà để khích lệ các cháu cố gắng học hành, không ngừng phấn đấu, để thi cử đậu đạt.

6 - Văn xương đế quân

Trong truyện “phong thần”, có một nhân vật là Tây Bá Hạo Cơ Xương, tức là vua Văn Vương nhà Chu. Sau khi qua đời hồn bay lên đài phong thần, và được phong làm Văn Khúc Tinh. Văn Khúc Tinh làm nhiệm vụ nắm giữ công danh và văn vận của thế nhân.

Người đời Nguyên (1279-1368) và đời Minh (1368-1644) bên Tàu, các đạo sĩ viết: “Cuối đời Tây Tấn, Ngài giảng sanh nơi đất Thục tên là Á, họ là Trương, tự là Bái Phu” (Trương Á Tử hay Trương Ác Tử).

Ở Việt Nam, Văn Xương Đế Quân được thờ trong đền Ngọc Sơn nơi Hồ Hoàn Kiếm Hà Nội kể từ khi đền được trùng tu năm Thiệu Trị thứ nhất (1841). Văn Xương là ông thần coi sóc về mặt văn chương khoa bảng, nếu ai được ông ấy cầm bút chấm vào tên, thì học hành thông minh tấn tới. Ở



H37 - Tranh dân gian vẽ điển tích Văn Xương đế quân

Hồng Kông, tháp văn xương ở nhà họ Đặng danh giá Nguyên Lang khu Tân Giới là nơi thờ văn xương đế quân. Ngày xưa tại viện sách nhà trường nổi tiếng Nhị Đế cũng thờ văn xương đế quân. Các thí sinh muốn đậu đạt cao đều thờ thần Văn Xương trong nhà.

7 - Tam khôi

Chế độ thi cử ngày xưa chia ra ba nấc là thi hương, thi hội, thi đình, người đậu đầu trong ba khoa thi này gọi là giải nguyên, hội nguyên và trạng nguyên. Nhưng đời Minh quy định lấy ba người đậu đầu trong khoa thi điện gọi là Tam khôi trong đó chia ra: Trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa. Nhiều nơi người ta bày cái nguyên bảo vào một chỗ, một cái để ở trên, hai cái để ở dưới mang ý nghĩa “tam nguyên cập đệ”.



H38 - Gậy như ý và rùa đầu rồng thường được bày ở nơi làm việc và phòng khách

8 - Gậy như ý

Vương trượng (gậy như ý) là vật đại diện cho quyền lực mà ngày xưa các vị quan lại vua chúa luôn sở hữu. Nó là vật khí rất quan trọng trong Phong Thủy chuyên dùng để củng cố địa vị và quyền lực, chống lại kẻ tiểu nhân. Tăng thêm công danh, uy quyền, sự tôn nghiêm cho người sở hữu.

Vương trượng được mạ vàng, kèm thêm những viên ngọc nên cát khí của nó rất lớn, không những hoá giải được hung khí của sao Ngũ Hoàng, Nhị Hắc vốn gây tai hoạ mà còn đem lại uy quyền và công danh tài lộc.

Thích hợp dùng cho người mệnh cao, giữ trọng trách lớn. Bày trên bàn làm việc, trong phòng khách, văn phòng.

9. Rùa đầu rồng

Rùa đầu rồng là con vật linh thiêng đứng trong bộ Tứ Linh là Long, Phượng, Hổ, Rùa. Con vật này rất có tác dụng trong việc giải trừ vận hạn trong các năm có vận 8, đặc biệt làm giảm thiểu đáng kể những điều không may mắn hoặc không thuận lợi về hướng nhà hoặc hướng công sở, bàn làm việc của bạn.

Bạn có thể đặt lên bàn làm việc hoặc vùng gần cửa chính để hoá giải hướng xấu. Bạn cũng có thể để phía sau lưng bạn tại nơi làm việc, nó sẽ trợ giúp bạn trong việc nhận được sự giúp đỡ của sếp cũng như sự thăng tiến trong công việc. Rùa bằng đồng mang hành kim nên có tác dụng hoá giải rất mạnh tác hại của các sao Nhị Hắc, Ngũ Hoàng. Đặt trong phòng khách, trên bàn làm việc hoặc sau lưng nơi ngồi làm việc.

10. Kỳ lân pha lê

Kỳ Lân là một giống thú linh trong hàng Tứ Linh (Long, Lân, Quy, Phụng).

Lân là con cái, còn con đực gọi là Kỳ, gọi chung là Kỳ Lân. Kỳ Lân thuộc loài nai, hình dáng giống như con nai mình vàng, đuôi giống như đuôi trâu, vú giống như vú ngựa, một sừng trên đầu, tánh rất hiền lành, không ăn thịt con vật khác, chỉ ăn cỏ, nên gọi nó là Nhân thú (con thú có lòng nhân từ).



H39 - Kỳ Lân là một giống thú linh trong hàng Tứ Linh (Long, Lân, Quy, Phụng). Dân gian cho rằng Kỳ Lân báo hiệu điềm lành, sắp có thái bình thịnh vượng.

Mỗi khi nơi nào có Kỳ Lân xuất hiện thì có Thánh nhân ra đời để giúp dân chúng. Do đó, Kỳ Lân báo hiệu điềm lành, sắp có thái bình thịnh vượng. Tương truyền, khi Bà Trư Tại mang thai Đức Khổng Tử, bà đã mang thấy một con Kỳ Lân xuất hiện đi đến trước mặt bà thì nó phục xuống nhả ra một cái ngọc xích trên đó khắc chữ: “Con nhà Thủy Tinh, nối nghiệp Châu mà làm vua không ngôi”.

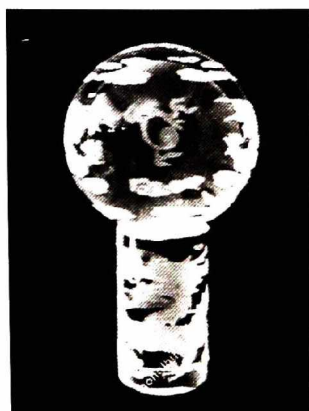
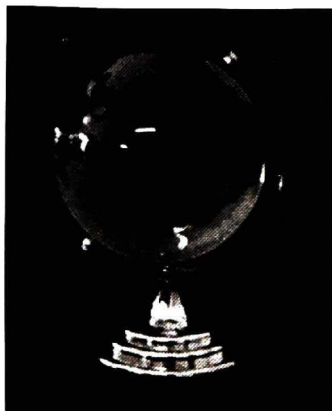
Đôi Kỳ Lân pha lê là vật phẩm mang lại sự bình an thuận hoà, cái thông minh hiểu thảo, học hỏi giỏi giang rất cần cho mọi nhà.

vậy rất nhiều gia đình bày đặt ngoài cửa hoặc trong phòng khách của căn nhà, chọn phương vị Đông Bắc, Tây Nam, Chính Nam, Đông Nam ngôi nhà.

11. Địa cầu pha lê

Quả địa cầu là biểu tượng của trí tuệ và sự may mắn. Dùng quả địa cầu để tăng trí thông minh, công danh và tài lộc, nhất là cải thiện khoa bảng và học hành thi cử. Quả địa cầu cũng mang nguyên khí của trái đất tức Thổ, mặt khác pha lê cũng là nguyên khí của Thổ, trong vận 8 có công năng rất mạnh mẽ. Vì vậy nên tận dụng cát khí của nó, bày trên bàn học, bàn làm việc để gia tăng sự thông minh và đỗ đạt.

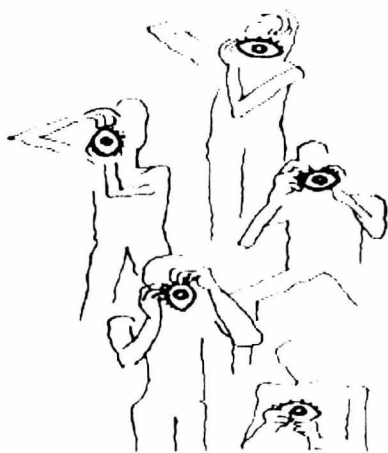
Theo thuyết cửu tinh, sang thời kì bát vận (2004-2023) thì sao Bát Bạch nhập giữa mang hành Thổ. Chính vì thế khí của nó phát ra mạnh nhất chi phối toàn bộ trái đất. hành Thổ chính là hành trung tâm mang lại cát khí mạnh nhất. Quả cầu bằng pha lê mang hành Thổ có một ý nghĩa rất quan trọng và là vật khí được sử dụng nhiều nhất trong Phong



H40 - Dùng quả địa cầu để tăng trí thông minh, công danh và tài lộc, nhất là cải thiện khoa bảng và học hành thi cử. (ảnh phải là loại có rỗng cuốn cột).

Thủy nhất là thời điểm vận 8 hiện nay. Quả cầu mang dương khí đem lại may mắn, thịnh vượng và tiền tài. Trên quả cầu và cột thủy tinh có in hình con rồng (ảnh phải) là biểu tượng của công danh, sự may mắn và hanh thông trong quan trường, thi cử. Đây là vật khí không thể thiếu cho những người kinh doanh, mưu cầu danh tài, học hành thi cử.

Bày ở hướng Đông Nam, Chính Đông



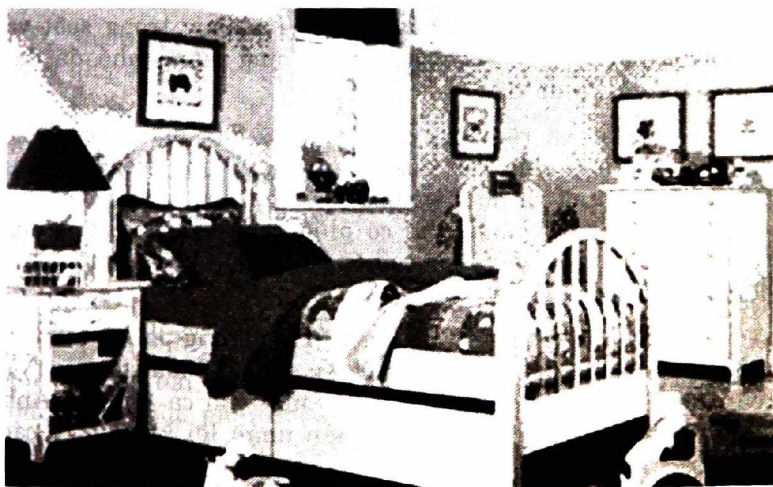
H41 - Cha mẹ phải là tấm gương cho con cái noi theo. Mỗi lời nói, hành vi, việc làm của bố mẹ đều bị con cái giám sát.

Phụ lục 3

1 - THIẾT KẾ NGÔI NHÀ VĂN XƯƠNG CHO TRẺ EM

Để con trẻ học giỏi thông minh, cha mẹ hãy gắng xây dựng một không gian sống thật đẹp và hợp lý cho con cái. Phòng cho những công dân nhỏ có nhiều nguyên tắc thiết kế khác so những căn phòng bình thường của người lớn.

Với trẻ em, giường ngủ có thể là “sân chơi” chính của chúng. Ngoài việc ngủ, những đứa trẻ có thể bày đồ chơi, đọc truyện, nghe nhạc... trên giường. Do đó, có một số nguyên tắc khác bạn nên lưu ý:



H42 - Màu sắc trong phòng trẻ nên cho trẻ tự quyết định.

1. Hãy nói chuyện với bọn trẻ để biết rõ hơn những trò chơi, những hoạt động mà chúng hứng thú nhất (ngoài những gì bạn nhìn thấy hằng ngày), màu nào chúng yêu thích nhất... Tính cách của bọn trẻ sẽ quyết định chủ đề chính cho căn phòng.

2. Hãy cho phép trẻ em tham gia vào việc thiết kế, để chúng nói lên sở thích của mình, chất liệu cho đồ nội thất và hãy hỏi chúng sẽ bày biện đồ dùng trong căn phòng như thế nào (đặc biệt với trẻ đã đi học).

3. Hãy biến căn phòng thành một không gian sống đa chức năng bởi bọn trẻ sử dụng phòng riêng cho nhiều hoạt động, chứ không chỉ đơn thuần để ngủ. Vì thế, trong một không gian phải được chia làm nhiều khu khác nhau, chẳng hạn như chơi, đọc sách... cho dù chúng luôn coi chiếc giường là “trọng tâm”.

4. Cố gắng tạo càng nhiều chỗ chứa đồ càng tốt. Hãy để ý đến việc làm các loại kệ, những giỏ đựng đồ bằng mây tre loại lớn, những dụng cụ chứa đồ bằng plastic trong suốt và đặc biệt, nếu có thể nên tạo một phòng riêng nhỏ để đặt nhiều giá và kệ để đồ.

5. Cửa sổ và rèm cửa cần thiết kế đơn giản. Tránh sử dụng những loại rèm cửa quá dài trong phòng trẻ. Các loại màn sáo (ngang và dọc), và các loại rèm vải ngắn là những sự lựa chọn hợp lý nhất. Vải có nhiều hoa văn sặc sỡ, trùng với những đồ vật khác trong phòng như gối, chăn đệm, chụp đèn... là lý tưởng nhất.

6. Chọn hệ thống ánh sáng hợp lý. Trong phòng trẻ vẫn phải sử dụng hai hệ thống đèn chiếu sáng. Chiếu sáng cục bộ (bàn học, đèn ngủ) và chiếu sáng tổng (cho cả phòng). Ánh sáng rất quan trọng và các bạn nên nhận lời khuyên từ các kiến trúc sư.

7. Có thể dùng sơn hoặc giấy dán tường, nhưng cần chắc chắn một điều, cho dù sử dụng vật liệu gì, cũng phải dễ dàng chùi rửa. Nếu chọn sơn, bạn hãy chọn loại có bề mặt hơi bóng một chút. Bọn trẻ con thường thích màu sáng.

8. Hãy cho bọn trẻ chọn giải pháp thiết kế, những chủ đề mà chúng yêu thích, chẳng hạn như căn phòng với những ngôi sao và bầu trời, những thiên thần, bóng đá hay một môn thể thao nào khác, một phòng ngủ cho công chúa, quang cảnh dưới biển, tàu vũ trụ ngoài không gian, ô tô đua, máy bay, tàu hỏa, những khu rừng, rừng lửa, khủng long...

Thiết kế thành công một căn phòng cho trẻ là tạo ra cơ hội tuyệt vời để trẻ thể hiện những ý tưởng thú vị, nhưng đồng thời cũng tạo ra một không gian ấn tượng cho ngôi nhà.

2 - KHI CHỌN NHÀ Ở NÊN CHÚ Ý ĐIỀU GÌ?

Muốn sức khỏe trẻ em đảm bảo, học hành phát đạt, khi chọn nhà ở, cha mẹ cần cần chú ý một số điều sau:

1. Thứ nhất, chọn nhà có ánh sáng phải đầy đủ, chống lại âm khí quá mạnh tạo ổn định về an ninh. Không nên chọn phòng trẻ mà hàng ngày chúng nhìn thấy Mặt trời lặn qua cửa ra vào hoặc cửa sổ. Ánh sáng hoàng hôn ảm đạm có thể ảnh hưởng đến vận khí của trẻ. hãy chọn cửa sổ phòng chúng ở hướng Đông, hàng ngày đón nhận ánh sáng ban mai ấm áp. Ánh sáng này gọi là “tam dương khai thái” (quẻ Thái) rất có lợi cho vận sự nghiệp và đường học hành.

2. Thứ hai, không nên chọn nhà ở cạnh đền, miếu, chùa, am... (nếu buộc phải chọn, nên chọn đằng trước đền, chùa, miếu, am. Nhà ở cạnh đền miếu âm khí khá nặng nề không lợi về phát triển sinh khí và ý chí phấn đấu. Những ngôi nhà được thiết kế có kiểu dáng đình chùa thường khiến người

trong nhà trở nên mê tín, giảm hoặc sa sút tinh thần phấn đấu trong học tập kinh thi cử.

3. Thứ ba, không nên chọn nhà “cô phong độc ngạo”. Đó là kiến trúc toà nhà lớn đơn độc một mình ở một nơi hoặc ở giữa khu phố xung quanh là các nhà thấp tầng. Toà nhà này kiến trúc cô đơn như cây cổ thụ đơn độc, như tháp nước, ống khói. Trẻ sống trong toà nhà này dễ sinh tính ích kỷ, thiếu hòa nhập.

4. Thứ tư, không nên chọn nhà ở gần nghĩa trang, nhà tang lễ, bệnh viện. Nếu hàng ngày khi cổng, cửa, cửa sổ mở ra nhìn thấy nghĩa trang, nhà tang lễ, bệnh viện đều vương vào sát khí rất nặng. Nhà ở bên nghĩa trang, nhà tang lễ gọi là “phạm độc âm sát”, loại hung sát này có hại đối với sức khỏe và hạnh phúc gia đình.

5. Thứ năm, không nên chọn nhà ở cạnh khu vệ sinh công cộng. Khu đất trước đây làm nhà vệ sinh công cộng đều hung sát, hôi thối. Nếu bố trí nhà vệ sinh ở giữa nhà, đầu nhà gọi là “độc cô sát” chủ cô độc, nhân duyên rất xấu. Kị nhất nếu nhà vệ sinh ở giữa nhà phải lấp ngay. Nếu tình thế buộc phải để thì đặt 4 chậu cây xung quanh nhà vệ sinh để hóa giải hung sát.

6. Thứ sáu, không nên chọn nhà ở mà phía trước có cây to. Cây to nếu ở phía Thanh Long (bên trái) thì tốt. Cây ở bên phải phía Bạch Hổ (phải) xấu. Cây ở trước mặt giống như cột điện cũng tạo ra hung sát, ảnh hưởng đến sức khỏe của người trong nhà.

7. Thứ bảy, không nên chọn nhà ở cạnh đồn công an, viện kiểm sát, toà án. Theo phong thủy học, mảnh đất có các cơ quan này là đất thuần cương chí dương (chỉ có dương, không có âm). Thuần dương hoặc thuần âm đều không tốt.

8. Thứ tám, không nên chọn nhà bên cạnh vũ trường, hộp đêm, quán rượu, nhà tắm công cộng. Những nơi này khí âm hung sát, bất lợi sức khỏe.

1. Không nên chọn nhà ở nằm trên cửa gió. Ngược lại nơi ít gió, không khí lưu thông lại kém. Tốt nhất chọn nơi có luồng gió vừa phải và trong lành ẩm áp.

4. Địa thế xung quanh cần bằng phẳng, ổn định, không dốc gây trở ngại đi lại. Nóc nhà không có đồ vật dữ tợn, xấu xí. Nhà ở không được đối diện với ống khói cao. Nếu ngôi nhà đặt trong khu vực có nhiều cảnh quan tú lệ thì đó là mảnh đất dễ sinh nhân tài, anh kiệt.

5. Trước sau nhà nên có cao ốc

Theo phong thủy học trước nhà có cao ốc gọi là triều sơn rất tốt. Nếu không có triều sơn thì khó tụ khí dẫn đến rất khó tấn tài tấn lộc. Cao ốc trước nhà gọi là “quan lan” che chắn gió, giữ địa khí ở lại. Nếu không có cao ốc hoặc chỉ có một vài nhà thưa thớt thì không tốt, gia chủ không có chí hướng phấn đấu. Sau nhà có cao ốc gọi là gò Huyền Vũ là chỗ dựa và giúp cho nhà tàng phong tụ khí. Cao ốc này nên thấp hơn cao ốc đằng trước.

Cao ốc sau nhà tượng trưng cho quý nhân. Cao ốc sau nhà có thể tạo ra quý nhân giúp bạn vượt qua khó khăn.

3 - BỐ TRÍ PHÒNG NGỦ TRẺ EM

Trẻ rất cần phòng ngủ yên tĩnh và thoải mái. Trong điều kiện nhà nhỏ, phòng ngủ và học có thể dùng chung.

- Không nên treo gương ở phòng trẻ em, độc.
- Không nên treo tranh quái gở, làm hại thần kinh của trẻ.

- Nền bố trí sát cạnh phòng bố mẹ.
- Giường nên bố trí phương vị cát lợi trong nhà.
- Không nên bố trí giường nằm ở bên Bạch Hổ (phải), nên ở phía Thanh Long (bên trái).
- Ti vi là vật thuộc Hỏa không nên đặt ở phương Bắc kỵ Thủy, nên đặt ở phương Nam thuộc Hỏa và tốt nhất không để ở phòng ngủ.
- Lộ hoa trang trí nên bày ở phương vị Văn Xương. Vị trí có sao Tứ Lục chính tinh là phương vị Văn Xương. Bày lộ hoa trang trí ở phương vị Văn Xương, giúp con học giỏi.



H43 - Phòng trẻ với sắc màu mộng mơ

MỤC LỤC

Phần thứ nhất

THÁP VĂN XƯƠNG ĐẤT VIỆT

1. Tiến sĩ Lê Văn Thịnh	11
2. Thiền sư Huyền Quang	16
3. Nguyễn Hiền - ông Trạng nhỏ tuổi	28
4. Mạc Đĩnh Chi - người giỏi ứng đối	32
5. Lê Văn Hưu	44
6. Lương Thế Vinh - Trạng Lường	50
7. Giáp Hải - Trạng ác	61
8. Nguyễn Bỉnh Khiêm - nhà thông thái lớn	71
9. Phùng Khắc Khoan - Trạng Bùng	90
10. Lê Quý Đôn - thần đồng đất Việt	99

Phần thứ hai

BÍ ẨN VĂN XƯƠNG

Chương I: CÁCH BỐ TRÍ BÀN HỌC VĂN XƯƠNG CHO CON CÁI

1. Đặt bàn học theo hướng sao Văn Xương chiếu	109
2. Đặt các vật phong thủy trợ giúp sao Văn Xương thúc đẩy vận khí học hành của con cái	112
3. Vật phong thủy trợ giúp sao Văn Xương tương xung	113

Chương II: Cách bố trí giường ngủ văn xương cho con cái

1. Xác định tọa hướng của ngôi nhà bạn 115
2. Các vật phong thủy trợ giúp “Tứ nhất đồng cung” 119
3. Thảm Văn Xương trợ giúp vận học 122

Chương III: Thức ăn trợ giúp sao văn xương

1. Tìm hiểu lý luận Âm dương Ngũ hành 123
2. Thức ăn phù hợp với trẻ sinh mùa Đông 126
3. Thức ăn phù hợp với trẻ sinh mùa hè 129

Chương IV: Tìm “dụng thần” cuộc đời của con cái

1. Nếu con bạn sinh ngày GIÁP, tra bảng Thiên Can Giáp Mộc ... 134
2. Con bạn sinh ngày ẤT, tra bảng Thiên Can Ất Mộc 136
3. Con bạn sinh ngày BÍNH, tra bảng Thiên Can Bính Hỏa 137
4. Con bạn sinh ngày ĐINH, tra bảng Thiên Can Đinh Hỏa 138
5. Con bạn sinh ngày MẬU, tra bảng Thiên Can Mậu Thổ 139
6. Con bạn sinh ngày KỶ, tra bảng Thiên Can Kỷ Thổ 141
7. Con bạn sinh ngày CANH, tra bảng Thiên Can Canh Kim 142
8. Nếu con bạn sinh ngày TÂN, tra bảng Thiên Can Tân Kim 143
9. Con bạn sinh ngày NHÂM, tra bảng Thiên Can Nhâm Thủy 144
10. Nếu con bạn sinh ngày QUÝ, tra bảng Thiên Can Quý Thủy ... 145

Chương V: CHIẾN THUẬT SỐNG THEO NGŨ HÀNH

1. Nếu con bạn ngũ hành khuyết hỏa (sinh mùa Đông hoặc Thiên Can ngày sinh BÍNH, ĐINH) phải bổ khuyết (dụng thần) Hỏa 147
2. Nếu con bạn ngũ hành khuyết Thổ (sinh tháng nhuận âm lịch hoặc Thiên Can ngày sinh MẬU, KỶ) phải bổ khuyết Thổ 149
3. Nếu con bạn ngũ hành khuyết Kim (sinh mùa xuân hoặc Thiên Can ngày sinh CANH, TÂN) phải bổ khuyết Kim 151
4. Nếu con bạn ngũ hành khuyết Mộc (sinh mùa Thu hoặc Thiên Can ngày sinh GIÁP, ẤT) phải bổ khuyết Mộc 152

5. Học con cái, kết Thủy (sinh mùa hè hoặc sinh ngày Thiên Can Nhâm Quý) phải bỏ khuyết Thủy	153
--	-----

Chương VI: Tướng mặt tướng bàn tay học hành của con cái

1. Học đường mắt của con cái	155
2. Học đường trán của con cái	157
3. Học đường tai của con cái	157
4. Học đường răng cửa của con cái	157
5. Đường trí tuệ lòng bàn tay của con cái	157
6. Sắc mặt học hành của con cái	157
7. 10 bước xem từ đầu đến chân tướng Văn Xương của con cái ...	157

Chương VII: Mệnh lý thần sát và mệnh học của con cái

1. Lý luận học đường Văn Xương	161
2. Con cái đại kỵ Cô thần Quả tú	162
3. Số học giỏi, học ít biết nhiều	164

Chương VIII: Văn xương thực hành

1. Hãy để giày dép quay ra ngoài nhà	165
2. Dạy con như thế nào là đúng cách?	167
3. Thái độ của ông bố đối với đứa con hư	168
4. Bố mẹ tài giỏi, con cũng tài giỏi	169
5. Bố mẹ giữ lời hứa, con cái mới thành thực	171
6. Cha mẹ tình cảm rộng lớn, con cái mới có tình nghĩa	174
7. Bố mẹ tích cực năng động, con cái mới tích cực năng động	177
8. Con của bạn thông minh hay ngu xuẩn?	179
9. Hãy tạo một môi trường tốt cho trẻ phát triển	180
Phụ lục 1: CÁCH LÀM TĂNG CÁT KHÍ SAO VĂN XƯƠNG	183
Phụ lục 2: MỘT SỐ VẬT PHẨM HỖ TRỢ SAO VĂN XƯƠNG	190
Phụ lục 3: THIẾT KẾ NGÔI NHÀ VĂN XƯƠNG CHO TRẺ EM	199

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
175 Giảng Võ, Hà Nội Tel:04.38515380
Email:nxblaodong@vnn.vn-Fax: 0438515381

Cty VĂN HÓA ĐÔNG SƠN
Giữ bản quyền, liên kết xuất bản & phát hành
Tel: (04) 3987.1837 - 2212.8385

BÍ MẬT THÁP VĂN XƯƠNG
Làm thế nào dạy trẻ thông minh học giỏi

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
Chịu trách nhiệm xuất bản:
LÊ HUY HÒA
Biên tập: Hà Anh Thu
Trình bày sách: Cty VH ĐS
Sửa in: Mỹ Duyên

In 1000 cuốn khổ 14,5x20,5cm, tại Xưởng in NXB VHDT
ĐKKH:626 QDLK/LĐ và 473-2009/CXB/24-62/LĐ ngày 9/62009
In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2009

